

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
MAI NHỰT THANH**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110**



**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
MAI NHỰT THANH**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ  
TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110**

Người hướng dẫn khoa học:

TS. TRẦN ĐĂNG THỊNH

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao đề tài luận văn tốt nghiệp và người hướng dẫn năm 2019 HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản bảo vệ Chuyên đề của ngành Quản lý kinh tế vào ngày 16/02/2019;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao đề tài Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ và người hướng dẫn Cao học năm 2019 cho:

Học viên : **Mai Nhật Thanh**

MSHV: 1881429

Ngành : **Quản lý kinh tế**

Tên đề tài : **Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc**

Người hướng dẫn : **TS. Trần Đăng Thịnh**

Thời gian thực hiện: **Từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/8/2019**

**Điều 2.** Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị, phòng Đào tạo, các Khoa quản ngành cao học và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận :

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SDH (3b).

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Hiếu Giang

**BIÊN BẢN CHẤM LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NĂM 2019**

**NGÀNH: Quản lý kinh tế\_KHÓA 2018-2020**

Hội đồng chấm LVTN theo QĐ số: 2168/QĐ-ĐHSPKT-SĐH, ngày 09/10/2019

Có mặt : ..... Vắng mặt: .....

Chủ tịch Hội đồng : TS. Vòng Thịnh Nam

Thư ký Hội đồng : TS. Trần Độc Lập

Học viên bảo vệ LVTN : **Mai Nhật Thanh**

MSHV: 1881429

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Đăng Thịnh

Giảng viên phản biện : TS. Đàng Quang Vắng

TS. Hoàng Văn Long

Tên đề tài LVTN : **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**I. KẾT QUẢ BẢO VỆ:**

TT	Thành viên hội đồng	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1	TS. Vòng Thịnh Nam	7.0	
2	TS. Trần Độc Lập	7.5	
3	TS. Đàng Quang Vắng	7.5	
4	TS. Hoàng Văn Long	7.0	
5	TS. Nguyễn Giác Trí	7.0	
<b>Tổng điểm</b>		<b>36.0</b>	
<b>Điểm trung bình</b>		<b>7.2</b>	

**II. KẾT LUẬN:**

(Thư ký hội đồng ghi rõ các ý kiến của thành viên hội đồng về việc chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì trong LVTN)

- Sửa lỗi chính tả, bỏ bớt các tài liệu tham khảo không cần thiết; bổ sung nguồn tài liệu và cập nhật TI, TIC.
- Bổ sung nguồn tham khảo của các tài liệu.
- Bổ sung nguồn từ tài liệu mẫu điều tra; xác định rõ P. chức năng.
- Xác định rõ mô: dung níc là chất lượng đào tạo nghề.
- hay 4 chất lượng GPĐT nghề.
- Viết lại kết luận, bám sát mục tiêu.
- Đặt tiêu nhân: kết của phân tích.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2019

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Vòng Thịnh Nam

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Trần Độc Lập



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**PHIẾU NHẬN XÉT**  
**LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Tên tác giả: **Mai Nhật Thanh**

MSHV: **1881429**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Hoàng Văn Long**

Chức danh: **Giảng viên**

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **Kinh tế**

Điện thoại liên hệ: **0918202040**

**I. Ý KIẾN NHẬN XÉT**

**1. Về hình thức & kết cấu luận văn.**

Luận văn được trình bày theo thể thức 3 chương với phần mở đầu, các chương; danh mục tài liệu tham khảo; phụ lục với tổng số 106 trang phù hợp với kết cấu của một luận văn thạc sỹ Quản lý kinh tế và đúng theo qui định của Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Về nội dung**

**2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.**

- Luận văn được trình bày rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ được trình bày trong luận văn là ngôn ngữ viết theo văn phong khoa học;

- Công trình mang tính khoa học cao xuyên suốt qua cấu trúc của luận văn, phần mở đầu (lý do lựa chọn đề tài, phương pháp, đối tượng, phạm vi nghiên cứu...) lần lượt được thể hiện; cơ sở lý luận, lý thuyết được trình bày ở chương 1, từ đó tác giả phân tích thực trạng (chương 2) dựa vào khung lý thuyết; cuối cùng là những kiến nghị, giải pháp cho vấn đề nghiên cứu

**2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.**

Trích dẫn tài liệu tham khảo và trích dẫn các nghiên cứu khác cơ bản là phù hợp, đúng qui định

**2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.**

- Mục tiêu nghiên cứu: Phù hợp, rõ ràng

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để giải quyết vấn đề thông qua các phương pháp như: Phương pháp thu thập dữ liệu (dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp); Phương pháp phân tích dữ liệu (thống kê, so sánh..).

Các phương pháp trên phù hợp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu của luận văn.

#### **2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.**

Đề tài đáp ứng tốt theo yêu cầu của một luận văn thạc với các tổng quan nghiên cứu của các tác giả, các bài nghiên cứu có liên quan, tác giả tham khảo 4 nghiên cứu nước ngoài và 6 nghiên cứu trong nước.

#### **2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.**

Nội dung phù hợp với tên đề tài và phù hợp với chuyên ngành Quản lý kinh tế, chất lượng của luận văn đáp ứng được theo yêu cầu của một luận văn thạc sỹ

#### **2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.**

Đề tài “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại Thành phố Châu Đốc” mang tính thực tiễn cao, kết quả nghiên cứu giúp các nhà quản lý của thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang xây dựng định hướng, chính sách các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại địa phương góp phần vào quá trình phát triển của thành phố.

#### **2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).**

Chương 1:

Ở mục 1.2. Một số tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo (trang 12) tác giả chỉ tập trung vào người học (chất lượng đầu vào, kết quả học tập, chuẩn đầu ra..) là chưa đầy đủ, tác giả cần tham khảo và bổ sung thêm trong Thông tư Số: 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 8/06/2017 về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (gồm 09 tiêu chí đánh giá);

Như vậy gồm các mục: 1.2; 1.3; 1.4 và 1.5 lại thành các tiêu chí đánh giá;

Phần kinh nghiệm đào tạo nghề của thế giới tác giả giới thiệu khá nhiều nước (Thái Lan; Philippin; Đức; Australia; Na Uy; ...) tuy nhiên mới dừng lại ở phần giới thiệu sơ lược chưa đi sâu phân tích kinh nghiệm.

Chương 2

Tác giả cần tập trung phân tích thực trạng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc theo tiêu chí xác định theo Thông tư Số: 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 8/06/2017 cụ thể:

- Tiêu chí 1 - Mục tiêu và tài chính;
- Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo;
- Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên;
- Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình;
- Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo;
- Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học;
- Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng.

Chương 2, tác giả chỉ tập trung vào phân tích thực trạng đào tạo nghề của trường TC nghề Châu Đốc, không thấy nhắc tới các trung tâm hoặc cơ sở khác như trong phạm vi nghiên cứu của đề tài đã nêu.

Một số ý kiến khác

Kiểm tra lại lỗi chính tả, có rất nhiều trong luận văn;

Một số tài liệu bảng biểu, tác giả cần ghi rõ nguồn trích, tránh trường hợp ghi là “nguồn báo cáo nội bộ”;

## **II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ**

(Các câu hỏi của giảng viên phân biện)

1. Tác giả cho rằng giải pháp nào quan trọng nhất hiện nay? Lý giải

### III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	x	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

### IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phân biện ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Mặc dù một số vấn đề cần bổ sung và chỉnh sửa, tuy nhiên luận văn "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại Thành phố Châu Đốc" của học viên Mai Nhật Thanh đáp ứng được yêu cầu của một luận văn thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế và tôi đồng ý cho bảo vệ trước hội đồng để nhận học vị thạc sỹ

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét  
(Ký & ghi rõ họ tên)

TS. Hoàng Văn Long



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## PHIẾU NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Dành cho giảng viên phân biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Tên tác giả: **Mai Nhật Thanh**

MSHV: 1881429

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: 2018-2020

Họ và tên người phân biện: **TS. Đặng Quang Vảng**

Chức danh:

Học vị: Tiến Sĩ

Cơ quan công tác: SPKT

Điện thoại liên hệ:

### I. Ý KIẾN NHẬN XÉT

#### 1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

- Nhiều lỗi chính tả (trang 12, 32,..)
- Kết cấu của đề tài theo cách viết truyền thống gồm 3 chương

#### 2. Về nội dung

##### 2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.

- Bản câu hỏi phần 1, chỉ dành để hỏi chuyên gia, sinh viên không thể trả lời được
- Công thức chọn mẫu (tại trang 8) chưa nêu rõ của ai, nghiên cứu năm nào?
- Mục 1.2 Một số tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề tác giả chưa nêu lý do tại sao chọn những tiêu chí này hay nói cách khác là tiêu chí này của ai đã nghiên cứu trước đó? có phù hợp hay chưa?
- Mục 1.7 Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề tác giả chưa nêu rõ là những nghiên cứu của ai, năm nào? Và tại sao chọn những nước đó (Thái Lan, Philipines, Đức,...) đó.

- Tại chương 3, mục tiêu hay quan niệm của ai ? của tác giả hay là của Ủy ban Nhân dân Tp. Châu Đốc.

##### 2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

- Nhiều tài liệu tham khảo rất cũ (năm 1993, 1995) không phù hợp với thực tiễn hiện nay

##### 2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu rõ ràng

##### 2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.



Tổng quan nghiên cứu tác giả vẫn chưa dứt kết và kế thừa hoặc phát triển những nội dung gì?

### 2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

Nội dung và chất lượng của luận văn cần phải chỉnh sửa để đáp ứng yêu cầu của trình độ thạc sĩ

### 2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Đề tài có khả năng ứng dụng vào thực tiễn tương đối cao

### 2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).

- Cần phải nghiên cứu bổ sung nhu cầu về lao động và cơ cấu lao động theo trình độ và nghề nghiệp tại các địa phương để có chiến lược đào tạo nghề phù hợp
- Nâng cao nhận thức của người dân, xã hội về lao động được đào tạo nghề
- Viết lại những phần hạn chế được nêu tại các mục trên
- Cần phân tích thêm 2.1 Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc có ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề như thế nào?

## II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phân biện)

1. Trong các giải pháp để nâng cao năng lực đào tạo, giải pháp nào mà tác giả cho rằng quan trọng và khả thi nhất? Tại sao?

## III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.	x	
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

## IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phân biện ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Luận văn đạt yêu cầu nhưng cần phải chỉnh sửa theo nội dung góp ý ở trên.

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét

(Ký & ghi rõ họ tên)

  
TS. Đặng Quang Vãng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:**

Họ và tên: **MAI NHỰT THANH**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/6/1976      Nơi sinh: Xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc, An Giang

Quê quán: Xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc, An Giang

Dân tộc: Kinh

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi học tập, nghiên cứu: Phó Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Châu Đốc.

Địa chỉ liên lạc: 27 đường Vòng Núi Sam, Tổ 8, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, Châu Đốc, An Giang.

Điện thoại cơ quan: 02963 550409

Di động: 0918285580

Địa chỉ email: mnhutthanh@yahoo.com.vn

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính qui

Thời gian đào tạo: Từ tháng 10 năm 1995 đến tháng 4 năm 2000.

Nơi học: Trường Đại học Cần Thơ.

Ngành học: Công nghệ thực phẩm.

Tên luận văn tốt nghiệp: Thiết bị cô đặc chân không.

Ngày và nơi bảo vệ luận văn tốt nghiệp: Tháng 4/2000, tại Trường Đại học Cần Thơ.

Người hướng dẫn: TS. Phan Văn Thơm

2. Thạc sĩ:

Hệ đào tạo: Chính qui

Thời gian đào tạo: Từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 04 năm 2020.

Nơi học: Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành học: Quản lý kinh tế

Tên luận văn: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

Ngày và nơi bảo vệ luận văn: Ngày 26/10/2019, tại Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Người hướng dẫn: TS. Trần Đăng Thịnh

3. Trình độ ngoại ngữ: Anh văn B1

4. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày cấp và nơi cấp:

### **III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi công tác</b>	<b>Công việc đảm nhiệm</b>
07/2002 - 08/2007	Phòng Kinh tế thị xã Châu Đốc	Chuyên viên
09/2007 - 08/2009	Trung tâm Dạy nghề thị xã Châu Đốc	Chuyên viên
09/2009 - 10/2010	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	Cán bộ đào tạo
11/2010 - 06/2012	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	Trưởng Phòng Đào tạo
07/2012 đến nay	Trường Trung cấp nghề Châu Đốc	Phó Hiệu trưởng

### **IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:**

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**

*Châu Đốc, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

**Người khai**

**Mai Nhựt Thanh**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn “*Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc*” là công trình nghiên cứu của tôi. Các đoạn trích dẫn và số liệu sử dụng trong Luận văn này đều được dẫn nguồn và có độ chính xác cao nhất trong phạm vi hiểu biết của tôi và chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

**Tác giả luận văn**

**Mai Nhật Thanh**

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ của Ban Giám hiệu, các phòng, khoa của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, các sở, ngành tỉnh An Giang, các phòng, ban của thành phố Châu Đốc đã tạo điều kiện tốt nhất cho tôi được hoàn thành đề tài. Đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của TS Trần Đăng Thịnh đã giúp tôi hoàn thành tốt đề tài. Qua đó, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến sự giúp đỡ này của Ban Giám hiệu, phòng đào tạo, khoa kinh tế của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm, tạo mọi điều kiện để tôi được tham gia và hoàn thành khóa đào tạo Thạc sĩ (2018-2020). Xin trân trọng cảm ơn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang, Chi cục Thống kê, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc, Ban Giám hiệu Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đã giúp đỡ nhiệt tình về tư liệu để tôi hoàn thành Luận văn. Đặc biệt tôi xin được bày tỏ sự kính trọng, biết ơn sâu sắc Thầy giáo, TS. Trần Đăng Thịnh (giảng viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh) là người thầy đã tận tụy giúp đỡ, hướng dẫn tôi trên bước đường học tập và nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn gia đình, người thân và bạn bè đã luôn động viên giúp đỡ trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu để tôi hoàn thành Luận văn này./.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

**Tác giả luận văn**

**Mai Nhựt Thanh**

## TÓM TẮT

Đề tài “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc” được thực hiện với các mục tiêu: Hệ thống hóa một số lý luận cơ bản về đào tạo nghề, chất lượng đào tạo nghề; phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo nghề, những thành quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Để thực hiện đề tài, đầu tiên tác giả giới thiệu một số khái niệm về nghề, đào tạo nghề, chất lượng đào tạo nghề; một số tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề; mục tiêu, vai trò của đào tạo nghề đối với thúc đẩy phát triển kinh tế - sản xuất, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nội dung, hình thức đào tạo nghề. Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề như: Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước; yếu tố đầu vào; hoạt động đào tạo; nhận thức của người dân đối với đào tạo nghề; môi trường xã hội. Nêu một số kinh nghiệm trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong nước, khu vực và thế giới.

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc, tác giả đã khái quát kết quả đào tạo nghề trong những năm qua tại thành phố Châu Đốc thông qua số liệu báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc, các cơ sở dạy nghề và kết quả khảo sát 100 học sinh, 20 công ty, doanh nghiệp sử dụng lao động về số lượng và chất lượng đào tạo như: kết quả học tập; tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học. Tác giả cũng phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc như: Chủ trương của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc; yếu tố đầu vào; hoạt động đào tạo; sự quan tâm của người dân thành phố Châu Đốc đối với đào tạo nghề. Qua đó tác giả đã đánh giá những thành quả đạt được; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Từ đó, tác giả đã đề xuất những định hướng và giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Những giải pháp tác giả đề xuất tập trung vào các vấn đề như: Giải pháp về phát triển hệ thống đào tạo nghề; giải pháp nâng cao chất lượng đầu vào; giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động đào

tạo; giải pháp nâng cao chất lượng đầu ra. Ngoài ra, tác giả cũng đã đưa ra một số đề xuất kiến nghị đối với trung ương và địa phương để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

## **ABSTRACT**

The project "Improving the quality of vocational training in Chau Doc City" is carried out with the following objectives: Systematizing some basic theories on vocational training, vocational training quality; Analyzing and assessing the situation of vocational training quality, achievements, shortcomings, limitations and causes; Proposing basic solutions to improving the vocational training quality in Chau Doc City. To implement the topic, the author first introduces some concepts of vocational training, vocational training, vocational training quality; Some criteria to evaluate the quality of vocational training; Objectives and the role of vocational training to promote economic development - production, political stability, social order and safety; Content and form of vocational training. Then the author analyzes the factors affecting the quality of vocational training such as: The Party's views and the State's policies; inputs; training activities; people's awareness of vocational training; the social environment. The author also lists some experiences in improving the quality of vocational training in the country, the region and the world.

Based on the natural, socio-economic conditions and the system of vocational training institutions in Chau Doc City, the author has generalized the results of vocational training in the past years in Chau Doc City through data. the report of the Department of Labor - Invalids and Social Affairs of Chau Doc City, vocational training establishments and the results of the survey of 100 students, 20 companies and enterprises using employees on the quantity and quality of training such as: : learning outcomes; employment rate after graduation; knowledge, skills, professional competence, soft skills, personal qualities, learners' degree of meeting the job requirements. The author also analyzes the factors affecting the quality of vocational training in Chau Doc city such as: The policies of the Party Committee, Chau Doc City People's Committee; inputs; training activities; the attention of the people of Chau Doc City to vocational training. Thereby the author has evaluated the achieved results; problems, limitations and causes.



Then the author has proposed orientations and basic solutions to improving the quality of vocational training in Chau Doc City. The solutions proposed by the author focus on issues such as: Solutions for developing the vocational training system; solutions to improving input quality; solutions to improving the quality of training activities; Solutions to improving output quality. In addition, the author has also made a number of recommendations to the Central and Local authorities to contribute to improving the quality of vocational training in Chau Doc City.

# MỤC LỤC

Quyết định giao đề tài	
Lý lịch cá nhân .....	i
Lời cam đoan .....	iii
Cảm tạ .....	iv
Tóm tắt .....	v
Mục lục .....	ix
Danh sách các bảng .....	xv
Danh sách các hình .....	xvi
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Các công trình nghiên cứu có liên quan.....	2
2.1 Các công trình nghiên cứu ngoài nước .....	2
2.2 Các công trình nghiên cứu trong nước.....	3
2.3 Những kinh nghiệm rút ra.....	5
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	6
4. Đối tượng nghiên cứu.....	6
5. Phạm vi nghiên cứu.....	6
6. Phương pháp nghiên cứu.....	6
7. Đóng góp của luận văn.....	9
7.1 Về lý luận .....	9
7.2 Về thực tiễn.....	9
8. Kết cấu luận văn.....	9
<b>PHẦN NỘI DUNG</b> .....	<b>11</b>
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGHỀ VÀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ</b> .....	<b>10</b>
1.1 Một số khái niệm về nghề, đào tạo nghề và chất lượng đào tạo nghề .....	10
1.1.1 Khái niệm về nghề .....	10
1.1.2 Khái niệm đào tạo nghề .....	10

1.1.3 Khái niệm chất lượng đào tạo nghề .....	10
1.2 Một số tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề .....	11
1.2.1 Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý.....	11
1.2.2 Hoạt động đào tạo .....	11
1.2.3 Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	13
1.2.4 Chương trình, giáo trình .....	13
1.2.5 Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện .....	14
1.2.7 Quản lý tài chính.....	15
1.2.8 Dịch vụ người học.....	15
1.2.9 Giám sát, đánh giá chất lượng .....	16
1.2.10 Người học.....	17
1.3 Mục tiêu, vai trò của đào tạo nghề.....	17
1.3.1 Mục tiêu của đào tạo nghề .....	17
1.3.2 Vai trò của đào tạo nghề .....	18
1.3.2.1 Đào tạo nghề có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - sản xuất .....	18
1.3.2.2 Đào tạo nghề có vai trò ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội .....	19
1.4 Cơ sở đào tạo nghề.....	21
1.4.1 Cơ sở đào tạo nghề.....	21
1.4.2 Giáo viên dạy nghề .....	21
1.4.2.1 Tiêu chuẩn giáo viên dạy nghề .....	21
1.4.2.2 Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo .....	21
1.4.3 Người học nghề.....	22
1.4.3.1 Người học .....	22
1.4.3.2 Nhiệm vụ và quyền của người học .....	22
1.5 Nội dung, hình thức đào tạo nghề .....	23
1.5.1 Nội dung đào tạo nghề .....	23
1.5.1.1 Đào tạo kiến thức nghề nghiệp .....	23
1.5.1.2 Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp .....	23
1.5.1.3 Năng lực, phẩm chất .....	23
1.5.1.4 Chính trị, đạo đức .....	24

1.5.1.5	Thẻ chất, quốc phòng.....	25
1.5.2	Hình thức đào tạo.....	25
1.5.2.1	Đào tạo chính quy.....	25
1.5.2.2	Đào tạo thường xuyên.....	26
1.5.2.3	Đào tạo nghề tại nơi làm việc, sản xuất (truyền nghề).....	26
1.5.2.4	Tổ chức thực hành tại doanh nghiệp.....	27
1.5.2.5	Đào tạo nghề tại các trung tâm dạy nghề, trung tâm dịch vụ việc làm ...	27
1.6.	Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề.....	27
1.6.1	Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề.....	27
1.6.1.1	Quan điểm của Đảng về đào tạo nghề.....	27
1.6.1.2	Chính sách của nhà nước về đào tạo nghề.....	28
1.6.2	Yếu tố đầu vào (người học).....	29
1.6.3	Hoạt động đào tạo.....	30
1.6.3.1	Nguồn tài chính.....	30
1.6.3.2	Chương trình đào tạo.....	31
1.6.3.3	Đội ngũ cán bộ, giáo viên.....	32
1.6.3.4	Phương pháp giảng dạy.....	32
1.6.3.5	Tổ chức quản lý đào tạo.....	33
1.6.3.6	Cơ sở vật chất, trang thiết bị.....	34
1.6.4	Nhận thức của người dân đối với đào tạo nghề.....	35
1.6.5	Môi trường xã hội.....	35
1.7	Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề.....	35
1.7.1	Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề của một số nước trong khu vực và thế giới.....	35
1.7.2	Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong nước.....	37
1.7.3	Bài học kinh nghiệm được rút ra.....	39
	Tóm tắt Chương 1.....	40
	<b>Chương 2: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC</b> .....	<b>42</b>
2.1	Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc.....	42

2.1.1 Điều kiện tự nhiên.....	42
2.1.2 Điều kiện kinh tế, xã hội.....	43
2.1.3 Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, xã hội đến nâng cao chất lượng đào tạo nghề.....	44
2.2 Khái quát về hệ thống cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc .....	44
2.3 Nội dung và hình thức đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc .....	45
2.3.1 Nội dung đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc .....	45
2.3.1.1 Đào tạo kiến thức nghề nghiệp.....	45
2.3.1.2 Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp.....	45
2.3.1.3 Năng lực, phẩm chất.....	45
2.3.1.4 Chính trị, đạo đức.....	46
2.3.1.5 Thể chất, quốc phòng.....	46
2.3.2 Các hình thức đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.....	47
2.3.2.1 Đào tạo chính quy.....	47
2.3.2.2 Đào tạo thường xuyên.....	48
2.3.2.3 Tổ chức thực hành tại doanh nghiệp.....	48
2.3.2.4 Đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp .....	48
2.3.2.5 Đào tạo nghề tại trung tâm dịch vụ việc làm .....	48
2.3.2.6 Đào tạo nghề lưu động tại xã, phường.....	48
2.3.2.7 Đào tạo với hình thức truyền nghề .....	49
2.4 Kết quả đào tạo nghề trong những năm qua tại thành phố Châu Đốc .....	49
2.4.1. Số lượng đào tạo nghề qua các năm .....	49
2.4.2 Thực trạng chất lượng đào tạo nghề .....	50
2.4.2.1 Kết quả học tập của học sinh .....	50
2.4.2.2 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp .....	51
2.4.2.3 Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học .....	51
2.4.2.4 Kỹ năng mềm của người học.....	54
2.4.2.5 Phẩm chất cá nhân của người học .....	55
2.4.2.6 Mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc.....	57
2.4.2.7 Mức độ phù hợp của nghề đào tạo với việc làm.....	58

2.5 Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề ở thành phố Châu Đốc	60
2.5.1 Chủ trương của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc.....	60
2.5.2 Yếu tố đầu vào (người học) .....	61
2.5.3 Hoạt động đào tạo .....	62
2.5.3.1 Nguồn tài chính.....	62
2.5.3.2 Chương trình, giáo trình đào tạo.....	63
2.5.3.3 Đội ngũ cán bộ, giáo viên .....	64
2.5.3.4 Phương pháp giảng dạy .....	66
2.5.3.5 Tổ chức quản lý đào tạo.....	72
2.5.3.6 Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề .....	75
2.5.4 Sự quan tâm của người dân thành phố đối với đào tạo nghề .....	78
2.5.5 Môi trường xã hội .....	78
2.6 Đánh giá thực trạng đào tạo nghề ở thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014 - 2018 .....	78
2.6.1 Những thành quả đạt được và nguyên nhân .....	78
2.6.1.1 Những thành quả đạt được.....	78
2.6.1.2 Nguyên nhân đạt được .....	84
2.6.2 Những tồn tại, hạn chế .....	86
2.6.2.1 Kết quả tuyển sinh đào tạo.....	86
2.6.2.2 Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	86
2.6.2.3 Chương trình, giáo trình .....	86
2.6.2.4 Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện .....	87
2.6.2.5 Quản lý tài chính.....	88
2.6.2.6 Giám sát, đánh giá chất lượng .....	88
2.6.2.7 Người học .....	88
2.6.3 Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.....	89
2.6.3.1 Về phía người học.....	89
2.6.3.2 Về phía nhà trường .....	89
2.6.3.3 Về phía doanh nghiệp và xã hội .....	90

2.6.3.4 Về phía nhà nước và địa phương .....	90
Tóm tắt Chương 2 .....	92
<b>Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC</b> .....	93
3.1 Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc .....	93
3.2 Quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề .....	93
3.2.1 Quan điểm .....	93
3.2.2 Mục tiêu .....	94
3.2.2.1 Mục tiêu tổng quát .....	94
3.2.2.2 Mục tiêu cụ thể .....	94
3.3 Định hướng và những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc .....	95
3.3.1 Định hướng giải pháp .....	95
3.3.2 Những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề .....	96
3.3.2.1 Giải pháp về phát triển hệ thống đào tạo nghề .....	96
3.3.2.2 Giải pháp nâng cao chất lượng đầu vào .....	97
3.3.2.3 Giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo .....	100
3.3.2.4 Giải pháp nâng cao chất lượng đầu ra .....	109
3.4 Kiến nghị .....	111
3.4.1 Kiến nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành .....	111
3.4.2 Kiến nghị đối với địa phương .....	112
Tóm tắt Chương 3 .....	113
<b>KẾT LUẬN</b> .....	114
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	115

## DANH SÁCH CÁC BẢNG

<b>BẢNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>Bảng 2.1:</b> Số lượng đào tạo nghề qua các năm .....	49
<b>Bảng 2.2:</b> Tỷ lệ học sinh, học viên tốt nghiệp so với số lượng học sinh, học viên dự thi .....	50
<b>Bảng 2.3:</b> Kết quả xếp loại tốt nghiệp của học sinh, học viên .....	50
<b>Bảng 2.4:</b> Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp .....	51
<b>Bảng 2.5:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau tốt nghiệp .....	52
<b>Bảng 2.6:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng về kỹ năng mềm của người học sau tốt nghiệp.....	54
<b>Bảng 2.7:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng về phẩm chất cá nhân của người học sau tốt nghiệp.....	56
<b>Bảng 2.8:</b> Kết quả thống kê về học lực và hạnh kiểm của học sinh đầu vào trình độ trung cấp.....	62
<b>Bảng 2.9:</b> Kết quả thống kê đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở dạy nghề công lập .....	64
<b>Bảng 2.10:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc.....	67
<b>Bảng 2.11:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc .....	69
<b>Bảng 2.12:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc.....	70
<b>Bảng 2.13:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc .....	73
<b>Bảng 2.14:</b> Kết quả khảo sát sự hài lòng của học sinh, học viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc .....	76



# DANH SÁCH CÁC HÌNH

HÌNH	TRANG
<b>Hình 2.1:</b> Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau tốt nghiệp.....	53
<b>Hình 2.2:</b> Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kỹ năng mềm của người học sau tốt nghiệp .....	55
<b>Hình 2.3:</b> Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về phẩm chất cá nhân của người học sau tốt nghiệp.....	57
<b>Hình 2.4:</b> Tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp .....	58
<b>Hình 2.5:</b> Lý do cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc .....	59
<b>Hình 2.6:</b> Tình hình việc làm của người học so với chuyên ngành đào tạo.....	60
<b>Hình 2.7:</b> Sự hài lòng chung của người học về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo .....	68
<b>Hình 2.8:</b> Sự hài lòng chung của người học về hoạt động giảng dạy tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc .....	70
<b>Hình 2.9:</b> Sự hài lòng chung của người học về tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc.....	71
<b>Hình 2.10:</b> Sự hài lòng chung của người học về công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc .....	75
<b>Hình 2.11:</b> Sự hài lòng chung của người học về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc .....	77

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Sau hơn 30 năm đổi mới, với chính sách phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước đã vạch ra, nước ta đã trở thành một nước có nền kinh tế năng động, phát triển tương đối nhanh trong khu vực và đang hoà mình vào sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới, ngày càng có vị trí quan trọng, là điểm dừng chân lý tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài. Đây là điều kiện thuận lợi để sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực dồi dào trong nước. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế thế giới đang đặt ra hàng loạt những vấn đề bức xúc cần được giải quyết, trong đó có vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động.

Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia. Ngân sách nhà nước và các thành phần kinh tế đầu tư cho hoạt động đào tạo nghề được tăng cường. Quy mô tuyển sinh và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề liên tục tăng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì cũng có không ít khó khăn thách thức đặt ra như: Chất lượng lao động qua đào tạo nghề chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, cơ cấu đào tạo chưa hợp lý,... và đã gây lãng phí về nguồn lực đầu tư của nhà nước và xã hội. Điều đó càng đòi hỏi Đảng và Nhà nước cùng các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm và có những chủ trương, giải pháp thiết thực để thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Thành phố Châu Đốc có dân số trẻ, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao nhưng chủ yếu lao động trong lĩnh vực nông, thủy sản, chưa qua đào tạo nghề, gây khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhất là trong giai đoạn hiện nay đang triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Trước yêu cầu đó, Đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội của thành phố Châu Đốc đã thực hiện nhiều giải pháp

tích cực nhằm tăng cường công tác đào tạo nghề, góp phần thực hiện có kết quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống cho người lao động, giảm tỷ lệ đói nghèo trong nhân dân.

Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề của thành phố còn nhiều hạn chế cần được giải quyết. Đào tạo chưa gắn kết nhiều với sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; ý thức của người dân đối với việc học nghề, tạo việc làm còn nhiều hạn chế. Quản lý nhà nước về đào tạo nghề chưa thật sự tốt. Đội ngũ nhà giáo có tay nghề cao còn thiếu và một bộ phận chưa theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ. Đầu tư cho đào tạo nghề còn hạn chế. Chính sách, cơ chế tài chính cho đào tạo nghề chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu.

Với tầm quan trọng của vấn đề nên việc nghiên cứu đề tài nâng cao chất lượng đào tạo nghề là thật sự cần thiết và mang lại nhiều ý nghĩa.

Trong khuôn khổ một luận văn cao học, có thời gian hạn hẹp, tác giả không tham vọng nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp cho toàn bộ hệ thống đào tạo nghề mà lựa chọn một địa bàn không rộng về diện tích, không đông về dân số và không quá nhiều cơ sở đào tạo nghề. Việc lựa chọn như vậy giúp giảm thiểu thời gian và chi phí thu thập thông tin, số liệu, tổ chức đánh giá mà không ảnh hưởng nhiều đến kết quả nghiên cứu của luận văn. Các phát hiện, đề xuất của luận văn hoàn toàn có thể phát triển, mở rộng đối với các địa bàn khác cũng như đối với toàn bộ hệ thống cơ sở đào tạo nghề của cả nước.

Xuất phát từ các lý do trên, tôi chọn đề tài “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc” làm luận văn thạc sĩ nhằm góp phần làm rõ về mặt lý luận và đáp ứng yêu cầu về mặt thực tiễn việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

## **2. Các công trình nghiên cứu có liên quan**

### **2.1 Các công trình nghiên cứu ngoài nước**

Đào tạo nghề có vai trò quan trọng trong việc cung cấp và phát triển nguồn nhân lực của mỗi quốc gia nên việc nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng, quản lý đào tạo nghề được nhiều quốc gia, tổ chức, cá nhân quan tâm thực hiện. Nhìn

chung, các nghiên cứu được thực hiện dưới dạng: Nghiên cứu về vấn đề đào tạo nghề nói chung và các cơ sở đào tạo nghề nói riêng. Cụ thể cá nhân được biết một số nghiên cứu sau:

Các tác giả Roger Harris-Hugh, Guthrie-saryy, Hobart-David Lundbering, 1997 (Competency-based education and traning) đề xuất quan điểm đào tạo theo năng lực thực hiện. Dạy nghề dựa trên năng lực thực hiện, nội dung đào tạo cấu trúc theo mô đun và phương pháp đào tạo được xây dựng dựa trên mục tiêu thực hiện công việc của nghề để đạt đến trình độ thành thạo. Chương trình dạy nghề theo mô đun dựa trên năng lực tạo điều kiện cho người học lựa chọn các khoá học phù hợp với khả năng điều kiện kinh tế, thời gian, hoàn cảnh sống, học tập và hành nghề không phụ thuộc vào việc phải học tất cả các kỹ năng nghề. Trong tài liệu còn giới thiệu về tiêu chuẩn, thiết kế chương trình, phát triển các quy trình quản lý và đánh giá năng lực người học.

Vargas Zuniga, F (2004) trong cuốn “Quality managemet in vocational training” đã viết về quản lý đào tạo nghề. Tác giả nghiên cứu những đặc điểm và khuynh hướng quản lý chất lượng đang thể hiện trong đào tạo nghề, đề cập đến những quan niệm về quản lý chất lượng đào tạo nghề, những tiêu chuẩn đánh giá và vấn đề đánh giá chất lượng. Ông cũng đưa ra các ứng dụng của các tiêu chuẩn chất lượng, phản ánh những kinh nghiệm trong đào tạo nghề, động cơ của người trong và ngoài cơ sở đào tạo nghề đang tiếp xúc với quá trình này và vai trò của việc quản lý trong quá trình đào tạo nghề. Tác giả chỉ ra rằng, để đào tạo nghề có chất lượng thì cần có hệ thống quản lý tốt, thực hiện các qui trình, tiêu chuẩn và các chức năng quản lý.

Nhìn chung có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác quản lý, đào tạo nghề. Những nghiên cứu đó đã cho thấy tầm quan trọng của một quy trình quản lý đào tạo nghề tốt. Kinh nghiệm các nước cho thấy chất lượng đào tạo phụ thuộc rất nhiều vào quy trình quản lý, từ việc hoạch định chính sách cho đến cơ chế, quy trình quản lý đến việc giám sát, kiểm tra trong quá trình quản lý.

## **2.2 Các công trình nghiên cứu trong nước**

Ở Việt Nam, những năm qua đã có nhiều công trình nghiên cứu về đào tạo

nghề nói chung và nâng cao chất lượng đào tạo nghề nói riêng. Cụ thể cá nhân được biết một số nghiên cứu sau:

Nghiên cứu về “Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa” của tác giả Phan Chính Thức đã đi sâu nghiên cứu đề xuất những khái niệm, cơ sở lý luận mới của đào tạo nghề, về lịch sử đào tạo nghề và giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Tác giả Nguyễn Việt Sự đã có một nghiên cứu khá công phu về “Giáo dục nghề nghiệp - những vấn đề và giải pháp”. Trong nghiên cứu này, tác giả đã nhận diện những vấn đề tồn tại phổ biến trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam, từ chương trình, phương pháp, nội dung, đội ngũ giáo viên, chất lượng giảng dạy, khả năng thích ứng với môi trường làm việc, tác phong nghề nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Các tác giả Đỗ Văn Cương và Mạc Văn Tiến đã có nghiên cứu về “Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn”. Trong nghiên cứu này, các tác giả đã đề cập đến nhu cầu đào tạo lao động kỹ thuật của Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Những nội dung về đổi mới chương trình giảng dạy, tăng cường đầu tư thiết bị, công nghệ phù hợp với thiết bị, công nghệ của sản xuất, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá; kiểm định chất lượng các trường nghề; đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật của nền kinh tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đảm bảo hiệu quả đầu tư cho giáo dục và dạy nghề.

Tác giả Trần Khánh Đức xuất bản cuốn “Sư phạm kỹ thuật (Lý luận và phương pháp dạy học)” năm 2002. Tác giả đã nghiên cứu một số vấn đề về lý luận và thực tiễn đào tạo nghề nghiệp, phân tích các yếu tố ảnh hưởng chất lượng và hiệu quả của hoạt động quản lý, nghiên cứu và giảng dạy tại các trường sư phạm kỹ thuật, cơ sở đào tạo nghề như: Phương pháp quản lý nhà trường, phát triển chương trình, phương pháp đào tạo mới, phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm kỹ thuật.

Tài liệu bồi dưỡng “Nghệ thuật quản lý dạy nghề” do tác giả Nguyễn Đức Trí, xuất bản năm 2008 đã đề cập đến các vấn đề về quản lý và quản lý giáo dục;

quản lý chất lượng dạy nghề, những năng lực cốt yếu của người quản lý dạy nghề, lập kế hoạch và triển khai hoạt động dạy nghề; quản lý đào tạo các trường dạy nghề; quản lý tài chính trong các cơ sở dạy nghề.

Các đề tài trên đã đề cập đến biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau của quá trình quản lý đào tạo và đánh giá cụ thể về thực trạng công tác quản lý đào tạo nghề của từng trường, từng địa phương và đề ra các giải pháp quản lý phù hợp nhằm giải quyết vướng mắc ở từng cơ sở đào tạo.

### **2.3 Những kinh nghiệm rút ra**

Chương trình dạy nghề theo mô đun dựa trên năng lực tạo điều kiện cho người học lựa chọn các khoá học phù hợp với khả năng điều kiện kinh tế, thời gian, hoàn cảnh sống, học tập và hành nghề không phụ thuộc vào việc phải học tất cả các kỹ năng nghề. Trong tài liệu còn giới thiệu về tiêu chuẩn, thiết kế chương trình, phát triển các quy trình quản lý và đánh giá năng lực người học.

Để đào tạo nghề có chất lượng thì cần có hệ thống quản lý tốt, thực hiện các qui trình, tiêu chuẩn và các chức năng quản lý.

Những nội dung về đổi mới chương trình giảng dạy, tăng cường đầu tư thiết bị, công nghệ phù hợp với thiết bị, công nghệ của sản xuất, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá; kiểm định chất lượng các trường nghề; đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật của nền kinh tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đảm bảo hiệu quả đầu tư cho giáo dục và dạy nghề.

Tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay có sự thay đổi mang tính chất pháp lý về đào tạo nghề như: Luật Giáo dục nghề nghiệp (năm 2015) ra đời thay thế Luật Dạy nghề (năm 2006); Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 03/9/2016 thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (từ trình độ cao đẳng trở xuống), Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước đối với các trường sư phạm thì bản thân nhận thấy chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào về đào tạo nghề (giáo dục nghề nghiệp), cụ thể là trên địa bàn tỉnh An Giang nói chung và thành phố Châu Đốc nói riêng.

Do vậy đề tài: “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc” là một đề tài tương đối mới trong phạm vi tỉnh An Giang. Trong quá trình thực hiện đề tài, bên cạnh việc kế thừa có chọn lọc những thành tựu nghiên cứu đã có, tác giả cũng tham khảo, kết hợp việc khảo sát những vấn đề mới phát sinh nhất là về lý luận và thực tiễn của chất lượng đào tạo ở các cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Từ đó, tác giả đề xuất những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo ở thành phố Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung, trong thời gian tới.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

- Hệ thống hóa một số lý luận cơ bản về đào tạo nghề, chất lượng đào tạo nghề, tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề.

- Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Đánh giá những thành quả đạt được và chỉ ra những tồn tại và nguyên nhân.

- Đề xuất những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

### **4. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu về chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014-2018.

### **5. Phạm vi nghiên cứu**

Về không gian: Luận văn tập trung nghiên cứu và đánh giá công tác đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang như: cơ sở công lập, ngoài công lập và cơ sở đào tạo nghề dưới dạng truyền nghề.

Về thời gian: Nghiên cứu thực trạng chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014 - 2018.

Về nội dung: Nghiên cứu thực trạng chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014 - 2018, từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc trong thời gian tới.

### **6. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp,

thống kê, so sánh và khảo sát thực tế nhằm làm rõ những nội dung của Luận văn.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng trong toàn bộ nội dung của đề tài nhằm làm rõ cơ sở lý thuyết của vấn đề và là cơ sở của việc xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

- Phương pháp thống kê được sử dụng nhằm xem xét và đánh giá những yếu tố, số liệu có liên quan về thực trạng chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014 - 2018.

- Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc trong từng giai đoạn với mục tiêu, nhiệm vụ đã được đề ra, cũng như trong tương quan với một số địa phương khác. Từ đó, nhận thấy được những thành quả đạt được, những mặt còn tồn tại, hạn chế và đề xuất những giải pháp phù hợp.

- Phương pháp khảo sát thu thập dữ liệu được sử dụng nhằm xác định những thông tin, ý kiến của các đối tượng có liên quan đến chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Phương pháp này cũng hỗ trợ cho người nghiên cứu trong việc xác định thực trạng chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc và là cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

- Sử dụng phương pháp thu thập thông tin từ tài liệu, sách, báo, tạp chí, các văn bản quy phạm, website để phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa những vấn đề mang tính chất lý luận và thực tiễn có liên quan để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

- Sử dụng phương pháp phỏng vấn, điều tra bằng phiếu (sử dụng bảng hỏi) để phỏng vấn, khảo sát, thu thập thông tin, số liệu từ học sinh, học viên, doanh nghiệp sử dụng lao động để tổng hợp, đánh giá chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

- Các thông tin, số liệu sử dụng cho nghiên cứu:

+ Số liệu thứ cấp: Lấy số liệu từ Cục Thống kê tỉnh An Giang, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc, Trường Trung cấp nghề



Châu Đốc, Trung tâm Dịch vụ thành phố Châu Đốc, các cơ sở truyền nghề và một số doanh nghiệp trên địa bàn Châu Đốc,...

+ Số liệu sơ cấp: Khảo sát trực tiếp các cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động đã qua đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc; khảo sát từ học sinh, học viên đang theo học tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc và một số cơ sở đào tạo nghề khác.

Theo Sổ tay nghiên cứu khoa học sinh viên (ngày 19/4/2019), công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ (trường hợp tổng thể nhỏ, dưới 10.000) và biết được số lượng tổng thể:

$$n = N/(1 + Ne^2)$$

Trong đó:

n: Số đối tượng cần nghiên cứu

N: Là tổng thể mẫu.

e: là sai số tiêu chuẩn.

Trong nghiên cứu này tác giả lựa chọn  $e=5\%=0,05$ .

Đối với trường hợp khảo sát ý kiến của học sinh, học viên thì hiện tại có 133 học sinh, học viên đang theo học. Do đó số mẫu tối thiểu cần phải nghiên cứu là:

$$n = 133/(1+ 133 \times 0,05^2) = 99,81 \text{ mẫu.}$$

Do đó, cỡ mẫu tối thiểu phải đạt 100 mẫu. Trong nghiên cứu tác giả lựa chọn 100 mẫu để nghiên cứu. Phương pháp chọn mẫu được sử dụng là phương pháp ngẫu nhiên.

Đối với trường hợp khảo sát ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn Châu Đốc thì hiện tại có 21 cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Do đó số mẫu tối thiểu cần phải nghiên cứu là:

$$n = 21/(1+ 21 \times 0,05^2) = 19,95 \text{ mẫu.}$$

Do đó, cỡ mẫu tối thiểu phải đạt 20 mẫu. Trong nghiên cứu tác giả lựa chọn 20 mẫu để nghiên cứu. Phương pháp chọn mẫu được sử dụng là phương pháp ngẫu nhiên.

Trong phạm vi một đề tài nhỏ, số liệu điều tra không nhiều nên tác giả sử dụng phương pháp xử lý số liệu thống kê tương đối đơn giản là “Phương pháp tỷ lệ phần trăm (%)” và xử lý số liệu thống kê bằng EXCEL.

## **7. Đóng góp của luận văn**

### **7.1 Về lý luận**

Trình bày một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng đào tạo nghề; phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo nghề nói chung và tại thành phố Châu Đốc nói riêng.

### **7.2 Về thực tiễn**

Đánh giá thực trạng về quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014 - 2018. Qua đó chỉ ra những mặt mạnh, những tồn tại, hạn chế cần khắc phục tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. Đồng thời giúp các cơ sở đào tạo nghề có những giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Luận văn cũng giúp cho Trường trung cấp nghề Châu Đốc đánh giá một cách tổng thể về chất lượng đào tạo của đơn vị và đề ra những giải pháp trong thời gian tới.

Luận văn còn giúp cho bản thân đánh giá lại kết quả lãnh đạo, điều hành công tác đào tạo nghề trong những năm qua và đề ra những kế hoạch, giải pháp trong thời gian tới để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại đơn vị.

## **8. Kết cấu luận văn**

Ngoài mục lục, danh mục bảng biểu, kết luận, tài liệu tham khảo, phần nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về nghề và chất lượng đào tạo nghề

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

## PHẦN NỘI DUNG

### Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NGHỀ VÀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ

#### 1.1 Một số khái niệm về nghề, đào tạo nghề và chất lượng đào tạo nghề

##### 1.1.1 Khái niệm về nghề

Lương Văn Úc (2003, trang 77) quan niệm “Nghề là một hình thức phân công lao động, nó được biểu thị bằng những kiến thức lý thuyết tổng hợp và thói quen thực hành để hoàn thành những công việc nhất định. Những công việc được sắp xếp vào một nghề là những công việc đòi hỏi kiến thức lý thuyết tổng hợp như nhau, thực hiện trên những máy móc, thiết bị, dụng cụ tương ứng như nhau, tạo ra sản phẩm thuộc về cùng một dạng”.

Bên cạnh đó, Trần Xuân Cầu và Mai Quốc Chánh (2008, trang 45) cho rằng “Nghề là một dạng xác định của hoạt động trong hệ thống phân công lao động của xã hội, là toàn bộ kiến thức (hiểu biết) và kỹ năng mà một người lao động cần có để thực hiện các hoạt động xã hội nhất định trong một lĩnh vực lao động nhất định”.

Cũng có ý kiến cho rằng: Nghề là một dạng lao động xã hội, nhờ được đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng nghề, có thể tạo ra các sản phẩm về vật chất hay tinh thần đáp ứng nhu cầu của xã hội.

##### 1.1.2 Khái niệm đào tạo nghề

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (thay thế Luật Dạy nghề): Đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp.

##### 1.1.3 Khái niệm chất lượng đào tạo nghề

Có nhiều ý kiến khác nhau về chất lượng đào tạo nghề:

Trước hết theo Tiêu chuẩn ISO 9000 (2000) thì “Chất lượng là mức độ mà một tập hợp các đặc trưng vốn có đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng và những người khác có quan tâm”. Với định nghĩa này cho thấy, chất lượng là một phạm trù khá trừu tượng, khó định nghĩa, khó xác định, khó đo lường và cách hiểu

của người này cũng khác so với người kia.

Khi nói đến chất lượng thì hầu hết mọi người ai cũng có thể hiểu cơ bản về nó, tuy nhiên, khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng đào tạo nghề nói riêng là một khái niệm gây nhiều tranh cãi. Ví dụ: Đối với cán bộ giảng dạy và học sinh viên thì ưu tiên của khái niệm chất lượng phải là ở quá trình đào tạo, là cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho quá trình giảng dạy và học tập. Còn đối với những người sử dụng lao động, ưu tiên về chất lượng của họ lại ở đầu ra, tức là ở trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành và thái độ làm việc của học sinh, học viên khi ra trường,...

Với những ý kiến nêu trên thì có thể hiểu: Chất lượng đào tạo nghề được xem như chất lượng của quá trình đào tạo, nó được thể hiện ở kết quả mang lại cho người học khối lượng, nội dung, trình độ kiến thức được đào tạo và kỹ năng thực hành, năng lực nhận thức, năng lực tư duy và thái độ làm việc; thể hiện ở sự phù hợp về chương trình, kế hoạch đào tạo, phù hợp về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, phù hợp với trình độ và sự hài lòng của người học và kết quả đầu ra phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

### **1.2 Một số tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề**

Theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thì:

#### **1.2.1 Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**

- Mục tiêu và sứ mạng của cơ sở dạy nghề được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của cơ sở dạy nghề trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

- Cơ sở dạy nghề thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

#### **1.2.2 Hoạt động đào tạo**

- Các ngành, nghề đào tạo của cơ sở dạy nghề được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Cơ sở dạy nghề ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

- Xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.
- Hằng năm, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.
- Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.
- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.
- Cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.
- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.
- Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.
- Cơ sở dạy nghề thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.
- Hằng năm, có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.
- Hằng năm, cơ sở dạy nghề có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.
- Ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.
- Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

- Hằng năm, thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

- Có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

### ***1.2.3 Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động***

- Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

- Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của đơn vị.

- Có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

- Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

### ***1.2.4 Chương trình, giáo trình***

- Chương trình đào tạo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

- Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

- Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

- Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

- Ít nhất 3 năm 1 lần thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

- Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

- Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

- Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Hằng năm, thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

- Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

### ***1.2.5 Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện***

- Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

- Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

- Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

- Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

- Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

### ***1.2.7 Quản lý tài chính***

- Có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của đơn vị.

- Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

- Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

- Hằng năm, có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của đơn vị; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của đơn vị.

### ***1.2.8 Dịch vụ người học***

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của đơn vị;



các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

- Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

- Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

- Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên đơn vị.

- Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

- Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

### ***1.2.9 Giám sát, đánh giá chất lượng***

- Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

- Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

- Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của đơn vị.

- Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

- Hằng năm, đơn vị có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

- Có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

### ***1.2.10 Người học***

Ngoài các tiêu chí trên theo tác giả yếu tố người học cũng là một tiêu chí để đánh giá

- Chất lượng đầu vào: Học nghề là quá trình tiếp nhận kiến thức, kỹ năng. Điều này phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận của người học. Nếu “đầu vào” thấp, khó có thể kỳ vọng chất lượng đầu ra cao và đây là bài toán khó hiện nay của các cơ sở đào tạo nghề.

- Kết quả học tập: Trong quá trình học nghề, người học được đánh giá kết quả thông qua các bài kiểm tra như: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun. Kết thúc khóa đào tạo, người học trải qua kỳ thi tốt nghiệp. Tùy thuộc vào giá trị tích lũy về kiến thức, kỹ năng đạt được và kết quả của các kỳ thi, người tốt nghiệp được xếp loại xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá và trung bình.

Kết quả đánh giá này chỉ một phía của cơ sở đào tạo. Chất lượng này được kiểm chứng thông qua quá trình sử dụng. Chính người sử dụng lao động sẽ bổ sung và có tiếng nói cuối cùng về chất lượng của học sinh, học viên được đào tạo.

- Sự hòa nhập của người học sau khi tốt nghiệp với thị trường lao động

Khối lượng kiến thức, kỹ năng thực hành, thái độ làm việc được trang bị trong quá trình đào tạo sẽ được kiểm chứng cuối cùng thông qua người sử dụng lao động. Do đó, để đánh giá chất lượng đào tạo cần phải gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

## **1.3 Mục tiêu, vai trò của đào tạo nghề**

### ***1.3.1 Mục tiêu của đào tạo nghề***

- Mục tiêu chung của đào tạo nghề là nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành

khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

- Mục tiêu cụ thể đối với từng trình độ đào tạo được quy định như sau:

+ Đào tạo trình độ sơ cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề;

+ Đào tạo trình độ trung cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;

+ Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

### ***1.3.2 Vai trò của đào tạo nghề***

#### ***1.3.2.1 Đào tạo nghề có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - sản xuất***

Sự phát triển xã hội được đặc trưng bởi sự phát triển kinh tế. Mọi xã hội được xây dựng trên nền tảng của các nền kinh tế và được tạo ra bởi các yếu tố kinh tế.

Bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới muốn phát triển về kinh tế cũng cần có rất nhiều nguồn lực như nguồn lực nhân lực, nguồn lực nguồn vốn, nguồn lực tài nguyên,...; trong đó nguồn lực nhân lực (người lao động) là quan trọng nhất. Bởi vì, nếu muốn đưa xã hội càng phát triển, đòi hỏi phải có những người có trình độ cao, có kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn lao động sản xuất, có những phẩm chất cần thiết của người lao động mới. Muốn có nguồn nhân lực như vậy thì xã hội cần phải có giáo dục và đào tạo (trong đó có đào tạo nghề). Bởi vì đào tạo nghề trực tiếp đào tạo ra đội ngũ người lao động đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và có trình độ cao, một mặt, để thay thế cho những lao động đã mất; mặt khác, để bổ sung, nâng cao và đáp ứng nguồn nhân lực cho yêu cầu mở rộng và phát triển sản xuất (mở rộng các khu vực sản xuất, chuyển dịch cơ cấu, công nghiệp hóa, hiện đại hóa,...). Chất lượng nguồn nhân lực được đặc trưng bởi trình độ được đào tạo (tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kỹ thuật, năng lực công nghiệp,...). Điều đó có vai trò của đào tạo

nghề. Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng tốt là tạo động lực cho sự phát triển kinh tế.

Đào tạo nghề đã tác động đến các nguồn lực cần thiết cho xã hội, làm cho xã hội ngày càng phát triển. Thông qua các các hoạt động, với nhiều hình thức khác nhau, đào tạo nghề đã:

- Đào tạo ra những con người mới, là những người có trình độ văn hóa, am hiểu về khoa học kỹ thuật - khoa học công nghệ; có khả năng vận dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật - công nghệ vào quá trình lao động sản xuất. Nhờ vậy làm tăng năng suất lao động xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tạo động lực cho xã hội phát triển.

- Đào tạo nghề tái sản xuất sức lao động xã hội, tạo ra nguồn nhân lực mới để thay thế những sức lao động cũ bị mất đi do ốm đau, bệnh tật, tuổi già, tai nạn,...

- Hiện nay, hầu như các nước trên thế giới đều ý thức được tầm quan trọng, vai trò của đào tạo nghề đối với sự phát triển kinh tế. Vì thế các nước đều coi trọng đào tạo nghề, đầu tư cho đào tạo nghề như: tăng ngân sách cho đào tạo nghề, đầu tư trang bị thiết bị cho các cơ sở đào tạo nghề, hoàn chỉnh khung pháp lý để đào tạo nghề ngày càng phát triển giúp tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế.

- Thực tế nhiều năm qua, đào tạo nghề đã đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước (Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và XII xác định: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai thực hiện trong giai đoạn 2011-2020).

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

#### *1.3.2.2 Đào tạo nghề có vai trò ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội*

- Sự phát triển kinh tế luôn gắn liền với sự ổn định về chính trị và trật tự an toàn xã hội. Để một xã hội ổn định về chính trị và đảm bảo an ninh trật tự thì

phải có sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực và của toàn xã hội mà trong đó có vai trò của đào tạo nghề. Với chức năng, nhiệm vụ của mình, đào tạo nghề đã đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa:

+ Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam, truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam; có tinh thần phấn đấu, rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Có ý thức tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật; nghiêm túc thực hiện các quy định khi tham gia quan hệ pháp luật lao động; có trách nhiệm trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

+ Có ý thức tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc; có ý thức tự giác, tích cực tham gia công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam.

+ Đào tạo nghề đào tạo một con người phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất đạo đức.

- Phát triển đào tạo nghề luôn là một động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, là điều kiện phát huy nguồn nhân lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- Đào tạo nghề đào tạo ra người lao động có tay nghề cao đáp ứng ngày càng tốt hơn cho thị trường lao động trong và ngoài nước, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế; giúp người lao động có nhiều cơ hội tìm được việc làm, có thu nhập ổn định, giảm tỷ lệ thất nghiệp, xóa đói, giảm nghèo, giảm các tệ nạn xã hội như: trộm cắp, ma túy, mại dâm,... góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là thực hiện chính sách công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn nhằm thực hiện thành công chính sách tam nông: “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

## **1.4 Cơ sở đào tạo nghề**

### **1.4.1 Cơ sở đào tạo nghề**

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (thay thế Luật Dạy nghề)

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Cơ sở dạy nghề) bao gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; Trường trung cấp; Trường cao đẳng

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tổ chức theo các loại hình sau đây:

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gồm cơ sở giáo dục nghề nghiệp 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

### **1.4.2 Giáo viên dạy nghề**

#### **1.4.2.1 Tiêu chuẩn giáo viên dạy nghề**

- Nhà giáo trong cơ sở đào tạo nghề (cơ sở giáo dục nghề nghiệp) phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

+ Có phẩm chất, đạo đức tốt;

+ Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ;

+ Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

+ Có lý lịch rõ ràng.

#### **1.4.2.2 Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo**

- Nhà giáo dạy trình độ sơ cấp phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp.

- Nhà giáo dạy lý thuyết chuyên môn trình độ trung cấp phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; nhà giáo dạy thực hành trình độ trung cấp phải có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp.

- Nhà giáo dạy lý thuyết chuyên môn trình độ cao đẳng phải có bằng tốt

ng nghiệp đại học trở lên; nhà giáo dạy thực hành trình độ cao đẳng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng.

- Nhà giáo vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng phải đạt chuẩn của nhà giáo dạy lý thuyết và chuẩn của nhà giáo dạy thực hành theo quy định.

- Nhà giáo không có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm, đại học sư phạm kỹ thuật thì phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

### ***1.4.3 Người học nghề***

#### ***1.4.3.1 Người học***

Là người đang học các chương trình đào tạo tại cơ sở đào tạo nghề bao gồm sinh viên của chương trình đào tạo cao đẳng; học sinh của chương trình đào tạo trung cấp và chương trình đào tạo sơ cấp; học viên của chương trình đào tạo thường xuyên.

#### ***1.4.3.2 Nhiệm vụ và quyền của người học***

- Nhiệm vụ của người học:

+ Học tập, rèn luyện theo quy định của cơ sở đào tạo nghề.

+ Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của cơ sở đào tạo nghề; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

+ Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Quyền của người học

+ Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.

+ Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

+ Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và chính sách xã hội.

+ Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

## **1.5 Nội dung, hình thức đào tạo nghề**

### **1.5.1 Nội dung đào tạo nghề**

Nội dung của đào tạo nghề bao gồm: trang bị kiến thức lý thuyết cho học sinh một cách có hệ thống và rèn luyện các kỹ năng thực hành, tác phong làm việc cho học sinh trong phạm vi ngành nghề họ theo học nhằm giúp họ có thể làm một nghề nhất định.

#### *1.5.1.1 Đào tạo kiến thức nghề nghiệp*

Đối với mỗi nghề đều yêu cầu những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn nhất định. Nhìn chung, hệ thống kiến thức nghề nghiệp được trang bị trong quá trình đào tạo nghề bao gồm:

- Kiến thức đại cương (kiến thức chung): là những kiến thức (môn học) bắt buộc với tất cả các học sinh của tất cả các nghề được đào tạo.

- Kiến thức cơ sở nghề: là kiến thức nghề nghiệp mà dựa vào nó để xây dựng và phát triển kiến thức chuyên môn nghề.

- Kiến thức chuyên môn nghề: là kiến thức lý thuyết và thực hành để thực hiện một chuyên môn, nghiệp vụ nào đó trong xã hội.

- Các kiến thức hỗ trợ cho chuyên môn nghề: là các kiến thức cần có để người lao động thực hiện được chuyên môn nghề nghiệp tốt hơn, tạo điều kiện cho họ phản ứng nhanh nhạy và chính xác hơn trong lao động.

#### *1.5.1.2 Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp*

Đào tạo cho học sinh những năng lực cần thiết để thực hiện công việc của một nghề nhất định; năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc. Kỹ năng là kết quả của đào tạo và kinh nghiệm của từng cá nhân.

Kỹ năng phụ thuộc vào kiến thức bởi vì trước khi cần thực hiện các công việc cụ thể thì cá nhân đó phải biết mình cần phải làm những việc gì và làm việc đó như thế nào, thời gian bao lâu, điều kiện làm việc như thế nào. Kỹ năng là việc thực hiện các công việc ở mức độ thuần thục trên nền tảng kiến thức có được, khác hẳn với sự hiểu biết về công việc phải làm.

#### *1.5.1.3 Năng lực, phẩm chất*



Trình độ đào tạo nghề được biểu hiện qua năng lực hành nghề (năng lực thực hiện). Năng lực hành nghề chính là sự vận dụng các kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện các nhiệm vụ của nghề nghiệp. Năng lực hành nghề được hình thành và phát triển trên cơ sở năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp và năng lực xã hội (năng lực giao tiếp).

- Năng lực chuyên môn: Là khả năng và sự sẵn sàng sử dụng các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp cụ thể, có thể làm, thu thập thông tin và xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống diễn ra trong thực tiễn.

- Năng lực phương pháp: Là khả năng và sự sẵn sàng sử dụng các kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu được sao cho thích hợp với hoàn cảnh mới trong môi trường cụ thể, có khả năng xử lý thông tin trong quá trình lao động và học tập, đưa ra các giải pháp thích ứng để giải quyết các nhiệm vụ mới xuất hiện trong công việc. Có khả năng làm chủ thực tiễn để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp và xã hội.

- Năng lực xã hội: Là khả năng và sự sẵn sàng sử dụng phương pháp học tập, đề ra chiến lược, chiến thuật trong việc tự đào tạo và bồi dưỡng. Đồng thời có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, biết tổ chức phối hợp để làm việc theo tổ, nhóm.

Ngoài đào tạo kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hiện, việc nâng cao phẩm chất đạo đức cho người lao động đóng vai trò hết sức quan trọng để góp phần làm mới chất lượng nguồn nhân lực của nước ta vốn từ xưa đã bị ảnh hưởng bởi cung cách làm việc tiểu nông, manh mún. Rèn luyện cho học sinh có ý thức và tác phong công nghiệp trong quá trình làm việc.

#### *1.5.1.4 Chính trị, đạo đức*

- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

- Thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Thực hiện đúng về đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật;

- Rèn luyện được ý chí, lòng yêu nghề, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong làm việc, luôn vươn lên và tự hoàn thiện.

#### *1.5.1.5 Thể chất, quốc phòng*

- Tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

- Có ý thức thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ tổ quốc.

### **1.5.2 Hình thức đào tạo**

#### *1.5.2.1 Đào tạo chính quy*

Là hình thức đào tạo theo các khóa học tập trung toàn bộ thời gian do cơ sở đào tạo nghề (giáo dục nghề nghiệp) và cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề thực hiện để đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

##### a) Thời gian đào tạo chính quy

- Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp được thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện từ 02 đến 03 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề đào tạo và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

##### b) Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo nghề nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Thể hiện được mục tiêu đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu

trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, tín chỉ, môn học, từng chuyên ngành hoặc từng nghề và từng trình độ;

- Bảo đảm tính khoa học, hiện đại, hệ thống, thực tiễn, linh hoạt đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động; phân bố hợp lý thời gian giữa các khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân;

- Được định kỳ rà soát cập nhật, bổ sung cho phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

#### c) Giáo trình đào tạo

Giáo trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, tín chỉ, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

#### d) Yêu cầu về phương pháp đào tạo

- Phương pháp đào tạo trình độ sơ cấp phải chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành nghề và phát huy tính tích cực, tự giác của người học.

- Phương pháp đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng phải kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm; sử dụng phần mềm dạy học và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy và học.

#### 1.5.2.2 Đào tạo thường xuyên

Đào tạo thường xuyên là hình thức đào tạo vừa làm vừa học, học từ xa hoặc tự học có hướng dẫn đối với các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác, được thực hiện linh hoạt về chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm đào tạo, phù hợp với yêu cầu của người học.

#### 1.5.2.3 Đào tạo nghề tại nơi làm việc, sản xuất (truyền nghề)

Là hình thức đào tạo trực tiếp, trong đó người học sẽ được dạy những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc thông qua thực tế thực hiện công việc và

thường là dưới sự hướng dẫn của những người lao động có trình độ cao hơn. Hình thức đào tạo này thiên về thực hành ngay trong quá trình sản xuất và thường là do các doanh nghiệp (hoặc các cá nhân sản xuất) tự tổ chức, hoặc doanh nghiệp phối hợp với cơ sở đào tạo thực hiện.

#### *1.5.2.4 Tổ chức thực hành tại doanh nghiệp*

Đây là hình thức đào tạo theo chương trình gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết được giảng dạy tập trung tại cơ sở đào tạo. Còn phần thực hành thì được tiến hành tại doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ. Hình thức đào tạo này chủ yếu được áp dụng để đào tạo cho những nghề phức tạp hoặc nhằm mục đích giúp học sinh có điều kiện tiếp xúc với máy móc, thiết bị của doanh nghiệp.

#### *1.5.2.5 Đào tạo nghề tại các trung tâm dạy nghề, trung tâm dịch vụ việc làm*

Là loại hình đào tạo nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp hoặc dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng). Đối tượng chủ yếu là lao động nông thôn, lao động phổ thông nhằm mục đích truyền nghề, phổ cập nghề, bồi dưỡng nghề.

### **1.6 Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề**

#### ***1.6.1 Quan điểm của Đảng và chính sách Nhà nước về đào tạo nghề***

##### *1.6.1.1 Quan điểm của Đảng về đào tạo nghề*

- Đào tạo nghề là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho đào tạo nghề là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

- Phát triển đào tạo nghề là đào tạo nhân lực, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

- Phát triển đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục nghề nghiệp từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.

- Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển đào tạo nghề. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền.

Ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo nghề đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa đào tạo nghề.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đào tạo nghề, đồng thời đào tạo nghề phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển.

- Quan điểm của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách đảm bảo thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

+ Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, chuyên nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống;

+ Chuyển mạnh nghề đào tạo cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương;

+ Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình.

#### *1.6.1.2 Chính sách của nhà nước về đào tạo nghề*

- Phát triển hệ thống đào tạo nghề mở, linh hoạt, đa dạng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề và liên thông với các trình độ đào tạo khác.

- Đầu tư cho đào tạo nghề được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực. Ngân sách đào tạo nghề được ưu tiên trong tổng chi

ngân sách nhà nước dành cho giáo dục, đào tạo; được phân bổ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời.

- Đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề theo quy hoạch; tập trung đầu tư hình thành một số cơ sở đào tạo nghề trọng điểm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu học tập của người lao động và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

- Nhà nước có chính sách phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ cho đào tạo nhân lực thuộc các ngành, nghề trọng điểm quốc gia, các ngành, nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế; chú trọng phát triển đào tạo nghề ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng ven biển; đầu tư đào tạo các nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hóa.

- Nhà nước thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đào tạo đối với những ngành, nghề đặc thù; những ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn; những ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hóa. Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp không phân biệt loại hình đều được tham gia cơ chế đấu thầu, đặt hàng.

- Hỗ trợ các đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, ngư dân đánh bắt xa bờ, lao động nông thôn là người trực tiếp lao động trong các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất canh tác và các đối tượng chính sách xã hội khác nhằm tạo cơ hội cho họ được học tập để tìm việc làm, tự tạo việc làm, lập thân, lập nghiệp; thực hiện bình đẳng giới trong đào tạo nghề.

- Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở đào tạo nghề tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

### ***1.6.2 Yếu tố đầu vào (người học)***

Một số quan điểm cho rằng: chất lượng của một trường phụ thuộc vào chất lượng hay số lượng đầu vào của trường đó. Theo quan điểm này, trường nào tuyển được nhiều học sinh giỏi (căn cứ kết quả học phổ thông, điểm tuyển sinh) được xem là có chất lượng cao.

Quan điểm này đã bỏ qua sự tác động của quá trình đào tạo diễn ra trong suốt khoá học (như: chương trình, giáo trình, máy móc thiết bị, giáo viên,...). Sẽ khó giải thích trường hợp một trường có nguồn lực đầu vào dồi dào nhưng chỉ có những hoạt động đào tạo hạn chế, hoặc ngược lại, một trường có những nguồn lực khiêm tốn nhưng đã cung cấp cho học sinh một chương trình đào tạo hiệu quả.

Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận vai trò của chất lượng “đầu vào”, đặc biệt là đối với các hệ đào tạo nghề. Chất lượng đầu vào là cơ sở, là nền móng vững chắc để đảm bảo chất lượng quá trình đào tạo. Chất lượng đầu vào thường được đánh giá thông qua: số lượng thí sinh dự tuyển thực, chỉ tiêu tuyển, chất lượng tuyển (tiêu chí và chuẩn tuyển),...

Chất lượng đầu vào có thể sẽ ảnh hưởng đến:

- Năng lực học tập hay khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh, học viên. Đây là tiêu chí dùng để đánh giá mức độ thông minh của người học. Nếu trường tuyển được những học sinh giỏi thì việc tiếp thu chương trình học sẽ dễ dàng hơn và do đó học sinh sẽ có kiến thức, kỹ năng tốt hơn sau khi tốt nghiệp.

- Mức độ chuyên cần và tâm lý ổn định, yên tâm học tập của học sinh. Năng lực tiếp thu kiến thức là điều kiện cần để sinh viên có thể học tập tốt. Nếu người học có năng lực tốt nhưng tâm lý không ổn định, không chuyên tâm vào học hành thì lượng kiến thức tiếp thu sẽ không nhiều. Tuy nhiên tiêu chí này cũng rất khó lượng hóa.

Thực tế đào tạo đã chứng minh rằng: học sinh được tuyển từ kết quả thi đầu vào tốt (điểm cao, có sức học tốt) thì kết quả tốt nghiệp cao hơn và làm việc tốt hơn sau khi ra trường.

### ***1.6.3 Hoạt động đào tạo***

#### ***1.6.3.1 Nguồn tài chính***

Tăng cường nguồn lực tài chính trong đào tạo là một trong những nhân tố

quan trọng để nâng cao chất lượng đầu ra. Vấn đề tài chính bao gồm thu và chi. Để nguồn lực tài chính phát huy hiệu quả cao trong đào tạo thì hai quá trình thu và chi đều phải được thực hiện tốt.

Các nguồn thu phải thỏa mãn nhu cầu về chi tiêu cho đào tạo về việc mua sắm, sửa đổi nội dung chương trình, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nâng cao thu nhập của giáo viên. Có như vậy, cơ sở vật chất mới đáp ứng được nhu cầu của giảng dạy và một mức thu nhập thỏa đáng mới thu hút được đội ngũ giáo viên giỏi. Đây là những nền tảng của việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Các khoản chi tiêu hợp lý nhằm sử dụng các nguồn lực về tài chính một cách hiệu quả. Chi tiêu hợp lý là chi tiêu vào những vấn đề cần thiết nằm trong khả năng chi trả của trường. Việc chi tiêu cần ưu tiên cho những vấn đề cấp thiết nhất của việc đào tạo và phải luôn chú ý tính hiệu quả của nó.

Hiện nay, đa phần các trường nghề gặp khó khăn về tài chính nên thu nhập của đội ngũ giáo viên thấp nên họ chưa thật sự yên tâm công tác; nội dung chương trình chưa thực sự gắn với thực tiễn do thiếu kinh phí đầu tư thiết bị giảng phù hợp với thực tế của thị trường lao động; phương pháp giảng dạy chưa có nhiều đổi mới do thiếu tài liệu và phương tiện dạy học; việc áp dụng công nghệ mới vào hoạt động dạy và học chưa được thực hiện do thiếu kinh phí đầu tư; do thiếu kinh phí nên các trường nghề thực hiện việc ghép lớp, tiết giảm nguyên liệu thực hành để giảm chi phí, điều này phần nào đã giảm chất lượng đào tạo.

#### *1.6.3.2 Chương trình đào tạo*

Chất lượng của nội dung chương trình đào tạo phụ thuộc vào mức độ phù hợp của các nội dung sau:

- Thời gian đào tạo
- Kết cấu thời lượng từng nhóm kiến thức (cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và bổ trợ).
- Thời lượng của từng học phần; kết cấu lý thuyết và thực hành.
- Thời gian thực tập về nghề

Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cần chú trọng một số vấn đề sau:



- Thường xuyên bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo, đảm bảo mức độ phù hợp nhất giữa lý thuyết và thực hành; giữa đào tạo và thực tiễn tại doanh nghiệp.

- Tăng cường tỷ trọng thời lượng của các môn chuyên nghề

- Tăng tỷ trọng thời lượng thực hành nghề đặc biệt là thực hành tại doanh nghiệp.

- Chi tiết hoá nội dung môn học.

- Đảm bảo tính linh hoạt, thống nhất giữa các môn học.

Như vậy, nội dung chương trình là yếu tố cơ bản quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy việc rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh nội dung chương trình là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng hàng đầu của các cơ sở đào tạo.

#### *1.6.3.3 Đội ngũ cán bộ, giáo viên*

Cơ sở đào tạo nghề có đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề, trình độ ngoại ngữ và thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ cũng như tiếp cận thực tế công nghệ sẽ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động đều đó chứng minh hiệu quả của cơ sở đào tạo.

#### *1.6.3.4 Phương pháp giảng dạy*

Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động tương tác được điều chỉnh giữa giáo viên và học sinh hướng vào việc giải quyết các nhiệm vụ giáo dục và phát triển trong quá trình dạy học.

Những phương pháp dạy học phổ biến thường áp dụng là: diễn giảng, trình diễn, thảo luận nhóm, tự học có hướng dẫn, tham quan thực tế... Mỗi phương pháp đều có những ưu và nhược điểm riêng.

- Nhóm phương pháp thiên về tính chủ động của giáo viên như diễn giảng, trình diễn có ưu điểm cơ bản là: chủ động tiến trình đào tạo, phù hợp với lớp đông, thiếu phương tiện dạy học, chi phí đào tạo thấp. Tuy nhiên lại bộc lộ nhiều nhược điểm: thông tin một chiều, học sinh thụ động, hiệu quả hấp thụ bài giảng thấp, không phù hợp với đào tạo kỹ năng,...

- Nhóm những phương pháp dạy học thiên về phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học có nhiều ưu điểm: học sinh hoạt động nhiều, hứng thú trong

học tập, hiệu quả tiếp thu bài giảng cao, rèn luyện tính chủ động trong nghiên cứu, tự đào tạo, phù hợp với rèn luyện kỹ năng,... Tuy nhiên cũng có những yêu cầu cao hơn như: đòi hỏi đội ngũ giáo viên có chất lượng cao, tốn thời gian và sức lực chuẩn bị bài giảng, số học sinh mỗi lớp vừa phải (khoảng 30 người), khó kiểm soát được tiến độ dạy học, chi phí cao,...

Thực tế, ở tất cả các cơ sở đào tạo thì tùy theo từng học phần và năng lực giáo viên mà sử dụng phương pháp dạy học khác nhau. Tuy nhiên, nếu kết hợp hài hòa được các phương pháp dạy học cho từng học phần thì mới phát huy được hiệu quả và nâng cao được chất lượng đào tạo.

Đặc biệt, đối với các cơ sở đào tạo nghề thì cần lựa chọn những nội dung cơ bản, cốt lõi để trang bị cho học sinh theo phương pháp dạy học phối hợp giữa thuyết giảng, trình diễn với bài luyện, thảo luận nhóm, tham quan thực tế. Điều này yêu cầu giáo viên phải có kinh nghiệm thực tế, xây dựng kế hoạch và chuẩn bị rất kỹ từng nội dung của học phần phụ trách.

Hiện nay, đối với đào tạo nghề thực hiện các phương pháp dạy như: Dạy chuyên về lý thuyết, dạy chuyên về thực hành, dạy tích hợp (vừa lý thuyết, vừa thực hành). Tùy theo trình độ, năng lực của giáo viên; điều kiện cơ sở vật chất, máy móc thiết bị; kinh phí đào tạo mà lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp để đảm bảo chất lượng đào tạo tốt nhất.

#### *1.6.3.5 Tổ chức quản lý đào tạo*

Công tác tổ chức quản lý đào tạo là triển khai thực hiện quản lý đào tạo theo chương trình, kế hoạch và quy chế đào tạo của khóa học đã được duyệt.

Nguyên tắc chung khi tổ chức quản lý đào tạo là:

- Triển khai đúng chương trình và kế hoạch khóa học đã duyệt.
- Thực hiện đúng quy chế đào tạo hiện hành.
- Không tự điều chỉnh, sửa đổi, vận dụng sai quy định. Trong trường hợp cần thiết phải có ý kiến phê duyệt của ban giám hiệu..
- Đảm bảo lưu trữ đầy đủ, an toàn, tra cứu nhanh các tài liệu khi cần tìm.

Nội dung của tổ chức quản lý đào tạo bao gồm: tổ chức bộ máy, tổ chức dạy học, tổ chức học và tổ chức đánh giá.

+ Thực chất của tổ chức dạy học là hàng loạt các công tác liên quan đến giáo viên. Từ việc cung cấp kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo theo từng học phần, hình thức đào tạo cho đến việc kiểm tra tiến trình dạy học và đánh giá học sinh của giáo viên mỗi học phần.

+ Tổ chức học là những phân việc liên quan đến học sinh như: tổ chức sinh hoạt tuần lễ công dân đầu năm học, khóa học; phổ biến đầy đủ quy chế, chương trình học, quyền và nghĩa vụ của học sinh; phân lớp; quản lý học sinh; tổ chức các hoạt động của học sinh,... trong cả khóa đào tạo.

+ Tổ chức đánh giá bao gồm cả kết quả học tập và kết quả rèn luyện phải được thực hiện thường xuyên và theo đúng quy chế hiện hành. Đánh giá kết quả học tập phải được thực hiện theo từng học phần trên cơ sở điểm quá trình và điểm thi. Khi tổ chức thi, kiểm tra cần lựa chọn hình thức, nội dung phù hợp nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra.

Việc thực hiện tốt quy trình đào tạo là yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là công tác kiểm tra quá trình dạy của giáo viên, quá trình học của học sinh và tổ chức tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

#### *1.6.3.6 Cơ sở vật chất, trang thiết bị*

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của cơ sở đào tạo nghề được đầu tư đầy đủ và hiện đại sẽ nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo niềm tin của người học với cơ sở đào tạo nghề từ đó chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề ngày được nâng cao.

Cơ sở vật chất phải đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập của học sinh, học viên:

- Diện tích xây dựng phải đạt chuẩn theo quy định.
- Phải có đủ phòng học, thư viện đạt tiêu chuẩn.
- Trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo phong phú.
- Đảm bảo đủ phòng thực hành, thí nghiệm phù hợp nghiệp vụ ngành.
- Trang bị mạng internet, thư viện điện tử

- Đảm bảo khu vui chơi, giải trí, rèn luyện thể dục, thể thao đạt tiêu chuẩn.

#### ***1.6.4 Nhận thức của người dân đối với đào tạo nghề***

Hiện nay, người dân chưa mạnh dạn cho con em mình tham gia học nghề, điều này ảnh hưởng đến chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong việc khuyến khích phát triển dạy nghề và làm cho các cơ sở dạy nghề gặp nhiều khó khăn trong khâu tuyển sinh. Từ đó, dẫn đến tình trạng thừa thầy, thiếu thợ, không đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

#### ***1.6.5 Môi trường xã hội***

Môi trường xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình đào tạo, phương pháp giảng dạy cũng như khả năng học tập của học sinh, với một số biểu hiện sau:

- Sự ổn định về chính trị và tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của nước ta trong những năm gần đây, cùng với chính sách mở cửa, hội nhập ngày càng sâu và đầy đủ vào nền kinh tế thế giới đã tác động không nhỏ đến việc lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên nước ta. Trước đây, tỷ lệ học sinh theo học khối ngành kinh tế là rất lớn, nhưng hiện nay các khối ngành kỹ thuật đã trở thành sự lựa chọn của nhiều học sinh và được sự ủng hộ của phụ huynh (đặc biệt là trong thời kỳ công nghệ 4.0).

- Sự bùng nổ của thông tin đang là công cụ hữu hiệu giúp học sinh học tập tốt hơn thông qua việc dễ dàng tìm kiếm, cập nhật thông tin, tiếp cận nhanh chóng với tri thức nhân loại, tăng cường khả năng tự học, đa dạng hóa loại hình học tập, cơ hội học tập; mặt trái của nó là ảnh hưởng của các sản phẩm văn hóa độc hại, bạo lực tác động xấu đến đạo đức của học sinh và từ đó làm giảm chất lượng học tập.

### **1.7 Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề**

#### ***1.7.1 Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề của một số nước trong khu vực và thế giới***

Kinh nghiệm xây dựng mô hình đào tạo nghề của một số nước trên thế giới (Đăng trên Website của Học viện Kinh tế - Năng lượng - [www.aee.edu.vn](http://www.aee.edu.vn), ngày 04/4/2016)

- Kinh nghiệm đào tạo nghề của Đức:

Các chương trình đào tạo nghề luôn cập nhật các xu hướng phát triển của

thời đại, cũng như xu hướng xuất hiện nghề mới. Hay nói cách khác, những thay đổi của nền kinh tế Đức đều được đưa vào các cơ sở đào tạo nghề thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề.

Về vấn đề tuyển sinh: Công tác tuyển sinh được thực hiện dựa trên danh sách của trường phổ thông cung cấp. Vấn đề lựa chọn được thực hiện kỹ dựa trên bảng điểm, thái độ đối với nghề. Việc học cũng được trả lương theo thỏa thuận. Kết thúc khóa học, học viên được kiểm tra các kiến thức liên quan nghề. Một điều lưu ý là các kỹ năng làm việc được đào tạo khá nghiêm ngặt. Dựa trên kiến thức học được, học viên phải tự thực hiện các công đoạn, từ việc lập kế hoạch, triển khai kế hoạch, tự đánh giá và làm báo cáo thực hiện. Điều này giúp học viên nâng cao sự tự chủ, khả năng linh hoạt trong việc tìm kiếm tài liệu, nguyên liệu thực hành trong khóa học, tinh thần chịu trách nhiệm trong công việc.

Ở doanh nghiệp, học viên phải học việc như một công nhân thực thụ và được giao công việc từ đơn giản đến phức tạp. Nhờ đó, các kiến thức học ở trường được thực hành ngay tại doanh nghiệp và được bổ sung thực hành những kiến thức công nghệ mới. Học viên sau khi tốt nghiệp được làm ở doanh nghiệp, hoặc có thể tìm việc ở công ty khác. Nhờ vậy mà tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên ở Đức rất thấp.

- Kinh nghiệm đào tạo nghề của Australia:

Thứ nhất, học viên được học với chuyên gia, những người có đam mê giống với học viên. Họ không chỉ hiểu được ngành nghề đang đào tạo mà còn có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực chuyên môn của mình, đồng thời luôn cập nhật những thay đổi trong lĩnh vực đó để tiến kịp với sự phát triển của thời đại.

Thứ hai, học viên học tập ngay trong khi thực hành, tức là học viên được học hỏi kinh nghiệm về ngành học trong môi trường công việc thực sự. Chất lượng giáo dục của học viên được đảm bảo. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục nghề có sự phối hợp quan hệ đối tác tốt với các nghiệp đoàn. Điều này giúp cho học viên có kinh nghiệm nghề thực tế đảm bảo cho việc tuyển dụng trong lĩnh vực nghề mà học viên chọn.

Thứ ba, các ngành nghề đào tạo phong phú, đa dạng, và có nhiều ngành đang dẫn đầu thế giới.

- Kinh nghiệm đào tạo nghề của Na Uy:

Mô hình chung của đào tạo nghề ở Na Uy là “2+2”, nghĩa là 2 năm học đại cương và 2 năm học nghề tại nhà máy hoặc doanh nghiệp. Và từ mô hình chung này, các tổ chức đào tạo nghề Na Uy đã thiết lập và xây dựng thêm nhiều mô hình linh hoạt và uyển chuyển như “mô hình 1+3” (1 năm học tại trường và 3 năm học nghề), “mô hình 0+4” (cả 4 năm đều học nghề),...

Về nguyên tắc đào tạo: Những người lựa chọn con đường học nghề sẽ ký hợp đồng với một doanh nghiệp đào tạo trực tuyến. Doanh nghiệp đó phải bảo đảm nguyên tắc: Năm 1 các công nhân lành nghề sẽ hướng dẫn về kỹ thuật. Năm 2 giảm bớt hướng dẫn, tăng việc tự học. Học viên sẽ được hưởng lương học việc trong cả 2 năm học. Sau khi kết thúc học việc, học viên sẽ được trao chứng chỉ và bắt đầu có thể tìm kiếm việc làm.

Về nội dung chương trình dạy nghề: Dựa trên triết lý của cựu Thủ tướng Na Uy - Gro Harlem Brundtland: “Mục tiêu chung của tất cả hệ thống giáo dục đào tạo nghề là phải cung cấp được kiến thức đồng bộ giữa lý thuyết và thực hành để người học có thể ứng dụng những kinh nghiệm thực tế vào cuộc sống”.

Tác giả lựa chọn kinh nghiệm đào tạo nghề của những quốc gia trên vì: Hiện nay một số cơ sở đào tạo nghề của tỉnh An Giang đã nhận được sự viện trợ của Đức trong việc đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề và được đánh giá là có chất lượng và có công nghệ hiện đại. Đối với các quốc gia khác tác giả nhận thấy mô hình đào tạo của các quốc gia này rất hay và hiệu quả nếu được vận dụng tại Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng sẽ nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

### ***1.7.2 Kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong nước***

- Kinh nghiệm đào tạo nghề của tỉnh Đồng Nai:

Bài học kinh nghiệm rút ra từ mô hình đào tạo nghề cho người lao động nông thôn tỉnh Đồng Nai là:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người dân lao động, hộ nghèo về các chính sách, dự án, chương trình của Nhà nước liên quan đến công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm để người dân nắm được thông tin đầy đủ, chính xác về các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Thực hiện tốt công tác quản

lý đối tượng, đặc biệt là cấp xã trong việc quản lý hộ thuộc đối tượng chính sách (hộ nghèo, gia đình liệt sỹ, người có công...); Phổ biến, tuyên truyền người dân lao động nông thôn đăng ký học nghề thuộc đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, huy động các doanh nghiệp thành lập cơ sở dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo lao động có tay nghề phù hợp với công nghệ sản xuất, đồng thời gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp khóa học, khắc phục tình trạng thiết bị dạy nghề thực hành tại đơn vị dạy nghề được đầu tư không theo kịp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

Thứ ba, phối hợp với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp xây dựng chính sách giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, thông qua chương trình giáo viên dạy nghề và học sinh thực tập sản xuất tại doanh nghiệp, giúp cho giáo viên tiếp cận thiết bị công nghệ mới để thường xuyên đổi mới về nội dung và phương pháp, cập nhật kiến thức và kỹ năng, cải tiến chương trình đào tạo, xây dựng chương trình dạy nghề theo mô đun, đánh giá chất lượng đào tạo nghề.

Thứ tư, có kế hoạch phối hợp phân luồng học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào các trường nghề, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho học sinh cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhu cầu thị trường sử dụng lao động.

- Kinh nghiệm đào tạo nghề của tỉnh Nghệ An:

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Nghệ An luôn xác định công tác đào tạo nghề cho người lao động nói chung và đào tạo nghề cho người lao động ở nông thôn nói riêng là một trong những nội dung quan trọng, góp phần tích cực và sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước và địa phương.

Để thực hiện mục tiêu đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu tập trung xây dựng các chương trình, đề án, chính sách đào tạo nghề, được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt và chỉ đạo phối hợp thực hiện đạt kết quả tốt. Từ năm 2006 đến 2010, thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư, phát triển các

loại hình doanh nghiệp, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, trang trại, các tổng đội thanh niên xung phong xây dựng kinh tế.

Nghệ An đã thực hiện đồng bộ các chủ trương và các nhóm giải pháp để phát triển đào tạo nghề như sau:

- Công tác đào tạo nghề đã được toàn tỉnh xác định là một trong những nội dung chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, được các cấp, các ngành quan tâm, chi đạo thực hiện nghiêm túc và được sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân.

- Nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các cơ quan, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về lĩnh vực lao động - việc làm, dạy nghề và xoá đói giảm nghèo có nhiều chuyển biến sâu sắc, phù hợp với cơ chế thị trường và đáp ứng phần nào yêu cầu của sự nghiệp, công nghiệp hóa - hiện đại hoá của tỉnh. Toàn tỉnh đã quán triệt và thực hiện tốt hơn chủ trương phát triển kinh tế gắn liền với giải quyết việc làm, dạy nghề và xoá đói giảm nghèo trước yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung nghiên cứu, tổng kết thực tiễn các phong trào, xây dựng phát triển các mô hình, cách làm hiệu quả trong công tác đào tạo nghề; có nhiều cơ chế chính sách thông thoáng, khuyến khích thu hút các nhà đầu tư, các chủ doanh nghiệp trong và ngoài nước đến Nghệ An; đồng thời xúc tiến đẩy nhanh tiến độ dạy nghề và xuất khẩu lao động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong công tác đào tạo nghề.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn, miền núi. Tỉnh đã có chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề tư nhân, ngoài công lập, các doanh nghiệp và các làng nghề, đa dạng hoá phương thức đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất trong từng khu vực kinh tế. Bên cạnh việc tuyển sinh đào tạo tập trung dài hạn, ngắn hạn, truyền nghề tại các làng nghề, hoạt động liên kết đào tạo nghề tại các cơ sở sản xuất, các vùng dân tộc cũng được quan tâm mở rộng.

### ***1.7.3 Bài học kinh nghiệm được rút ra***

Từ các bài học kinh nghiệm trong công tác đào tạo nghề trong và ngoài



nước, bản thân tác giả rút ra bài học kinh nghiệm như sau:

- Tăng cường chính sách phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tham gia học nghề.

- Đào tạo nghề là phải cung cấp được kiến thức đồng bộ giữa lý thuyết và thực hành để người học có thể ứng dụng những kinh nghiệm thực tế vào cuộc sống.

- Các kiến thức học ở trường được thực hành ngay tại doanh nghiệp và bổ sung vào thực hành những kiến thức công nghệ mới. Học viên sau khi tốt nghiệp được làm ở doanh nghiệp, hoặc có thể tìm việc ở công ty khác.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho học sinh cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhu cầu thị trường sử dụng lao động.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập cơ sở dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo lao động có tay nghề phù hợp với công nghệ sản xuất, đồng thời gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp khóa học, khắc phục tình trạng thiết bị dạy nghề thực hành tại đơn vị dạy nghề được đầu tư không theo kịp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

- Cử giáo viên dạy nghề tham gia thực tập sản xuất tại doanh nghiệp, giúp cho giáo viên tiếp cận thiết bị công nghệ mới để thường xuyên đổi mới về nội dung và phương pháp, cập nhật kiến thức và kỹ năng, cải tiến chương trình đào tạo, xây dựng chương trình dạy nghề theo mô đun, đánh giá chất lượng đào tạo nghề.

### **Tóm tắt Chương 1**

Để có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc, tác giả giới thiệu một số khái niệm về nghề, đào tạo nghề, chất lượng đào tạo nghề và một số tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo nghề. Đồng thời, tác giả cũng nêu mục tiêu, vai trò của đào tạo nghề đối với thúc đẩy phát triển kinh tế - sản xuất, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trình bày nội dung, hình thức đào tạo nghề nói chung và tại thành phố Châu Đốc nói riêng. Từ đó phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề như: Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề; yếu tố đầu vào; hoạt động đào tạo; nhận thức của người dân đối với đào tạo nghề; môi trường xã hội. Ngoài ra, tác giả cũng nêu một

số kinh nghiệm trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong nước, khu vực và thế giới.

## **Chương 2: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

### **2.1 Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc**

#### **2.1.1 Điều kiện tự nhiên**

Thành phố Châu Đốc là đô thị loại hai trực thuộc tỉnh An Giang, giáp biên giới Vương quốc Campuchia, với diện tích tự nhiên 105,23 km<sup>2</sup> nằm ở phía Tây nam Tổ quốc, cách thành phố Long Xuyên 54km theo Quốc lộ 91. Phía Bắc giáp Campuchia, phía Đông Bắc giáp huyện An Phú, phía Nam giáp huyện Châu Phú, phía Tây giáp huyện Tịnh Biên, phía Đông giáp huyện Phú Tân và thị xã Tân Châu. Thành phố Châu Đốc nằm ven theo bờ Tây sông Hậu; có chiều dài biên giới giáp với nước bạn Campuchia là 15,4 km. Với số dân hiện nay khoảng 112 ngàn người. Hiện nay, thành phố Châu Đốc có 07 phường, xã (05 phường: phường Châu Phú A, phường Châu Phú B, phường Vĩnh Mỹ, phường Núi Sam, phường Vĩnh Ngươn và 02 xã nông thôn mới: xã Vĩnh Châu, xã Vĩnh Tế) với 52 khóm, ấp (45 khóm và 07 ấp).

Châu Đốc có vị trí địa lý khá đặc biệt nằm ở ngã ba sông, nơi sông Hậu và sông Châu Đốc gặp nhau; giữa 3 cửa khẩu kinh tế sầm uất là: cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên - huyện Tịnh Biên, cửa khẩu quốc gia Khánh Bình - huyện An Phú và cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương - thị xã Tân Châu. Từ vị trí này, thành phố Châu Đốc được xem là cửa ngõ giao thương quan trọng của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung hàng hoá buôn bán với Vương quốc Campuchia qua cả hai đường thuỷ, bộ.

Thành phố Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Ở trung tâm có Núi Sam đột khởi lên giữa đồng bằng tạo nên cảnh quan độc đáo. Phía đông có sông Châu Đốc và sông Hậu chảy theo chiều Bắc - Nam. Phía tây có kênh Vĩnh Tế chạy song song với biên giới Campuchia, nối liền với thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa hình chia cắt bởi các kinh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp.

Thành phố Châu Đốc nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, mang những đặc tính chung của khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long, nóng ẩm quanh năm, nhiệt độ bình quân hàng năm 25°C - 29°C, nhiệt độ cao nhất từ 36°C - 38°C, nhiệt độ thấp

nhất hàng năm thường xuất hiện vào tháng 10, dưới 18°C. Khí hậu hàng năm chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 trùng với gió mùa Tây Nam; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau trùng với gió mùa Đông Bắc; lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.500mm. Khí hậu, thời tiết thành phố Châu Đốc có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, thích nghi với các loại cây trồng; đặc biệt là cây lúa và cây màu. Thành phố Châu Đốc ít chịu ảnh hưởng của gió bão nhưng chịu sự tác động mạnh của chế độ thủy văn gây nên hiện tượng ngập lụt, sạt lở đất bờ sông,...

Theo đặc điểm thổ nhưỡng, Châu Đốc có 6 nhóm đất chính; trong đó nhóm phù sa ngọt và phù sa có phèn chiếm 72% diện tích tự nhiên. Phần lớn đất đai của Châu Đốc rất màu mỡ, có độ thích nghi để canh tác, phù hợp với nhiều loại cây lương thực, cây ăn trái, một số cây công nghiệp nhiệt đới và một phần diện tích có khả năng dành cho chăn nuôi. Trữ lượng nguồn nước của Thành phố khá dồi dào, có thể khai thác và phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt. Rừng ở Châu Đốc đa phần là rừng đồi núi với diện tích 210ha, tập trung chủ yếu ở Núi Sam. Trong đó, rừng trồng khoảng 99ha, còn lại là rừng tự nhiên thuộc rừng ẩm nhiệt đới, đa số là cây lá rộng với 154 loài cây quý hiếm, thuộc 54 họ.

### **2.1.2 Điều kiện kinh tế, xã hội**

Thành phố Châu Đốc là trung tâm du lịch của tỉnh An Giang, là Thành phố đồng bằng đặc biệt có sông, có núi với phong cảnh tự nhiên hấp dẫn và nhiều Di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp Tỉnh; địa điểm du lịch phong phú đa dạng được trải đều và liên hoàn trên toàn thành phố Châu Đốc. Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư khá, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển; thu ngân sách của Thành phố năm 2017 là 601.725 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước (GDP bình quân đầu người năm 2014 là 47,85 triệu đồng/người), đời sống người dân được nâng cao, nhu cầu vui chơi giải trí tăng đã tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển. Du lịch tâm linh hấp dẫn du khách (năm 2018, lượng khách đến tham quan, hành hương tại Châu Đốc trên 5 triệu lượt). Điểm đến phần lớn của du khách là Miếu bà chúa xứ Núi Sam (khu di tích được xếp hạng cấp Quốc gia). Châu Đốc còn có chiều dài lịch sử gắn liền với những sự kiện

trong công cuộc giữ nước nhất là sự kiện Thoại Ngọc Hầu huy động sức dân đào kênh Vĩnh Tế, vừa phục vụ công tác thủy lợi, vừa có ý nghĩa về mặt quân sự.

Ngoài ra, du khách còn có thể ngồi thuyền tham quan dòng sông Hậu, dạo quanh làng bè, khu chợ nổi trên sông và sang Cồn Tiên tham quan thánh đường Hồi giáo, xem nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Chăm An Giang và mua sắm hàng hoá, đặc sản tại chợ Châu Đốc như: mắm cá các loại, đường thốt nốt, khô bò, khô cá tra phồng,...

Theo số liệu thống kê năm 2017: Tổng dân số toàn thành phố Châu Đốc là 111.577 người (trong đó có 54.866 nam, 56.711 nữ). Số người trong độ tuổi lao động 73.917 người (trong đó có 37.443 nam, 36.474 nữ), chiếm 66,25% dân số toàn thành phố.

### ***2.1.3 Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, xã hội đến nâng cao chất lượng đào tạo nghề***

Châu Đốc được xem thành phố du lịch của tỉnh An Giang (hàng năm đón hơn 5 triệu lượt khách đến tham quan) nên được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch. Cụ thể, Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nghề trọng điểm cấp Quốc gia là nghề Nghiệp vụ nhà hàng và Trường cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phân bổ trên 5 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị nghề Nghiệp vụ nhà hàng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo góp phần tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho ngành du lịch.

## **2.2 Khái quát về hệ thống cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc**

Tại thành phố Châu Đốc có 01 cơ sở đào tạo nghề công lập là Trường Trung cấp nghề Châu Đốc trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang; Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Châu Đốc trực thuộc UBND thành phố Châu Đốc có chức năng đào tạo nghề. Ngoài ra, trên địa bàn còn có nhiều cơ sở dạy nghề theo hình thức truyền nghề.

Trường Trung cấp nghề Châu Đốc có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

của địa phương. Hiện tại, trường đào tạo các cấp trình độ như: trung cấp (Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí; kỹ thuật xây dựng; nghiệp vụ nhà hàng; kế toán doanh nghiệp; kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính); trình độ sơ cấp (Điện lạnh; sửa chữa xe gắn máy; xây dựng dân dụng); dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng (may công nghiệp; nghiệp vụ lễ tân; nghiệp vụ phục vụ buồng; nghiệp vụ phục vụ bàn; quản lý nhà hàng - khách sạn; nghiệp vụ bếp; bảo mẫu; cấp dưỡng;...).

Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Châu Đốc chỉ dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng như: may công nghiệp; chế biến khô cá các loại; chế biến chả lụa; chế biến mắm,...

## **2.3 Nội dung và hình thức đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc**

### **2.3.1 Nội dung đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc**

#### *2.3.1.1 Đào tạo kiến thức nghề nghiệp*

Hệ thống kiến thức nghề nghiệp được trang bị trong quá trình đào tạo nghề tại trường Trung cấp nghề Châu Đốc bao gồm:

- Kiến thức đại cương (kiến thức chung): những kiến thức (môn học) bắt buộc với tất cả các học sinh của tất cả các nghề được đào tạo.

- Kiến thức cơ sở nghề: Những kiến thức nghề nghiệp mà dựa vào nó để xây dựng và phát triển kiến thức chuyên môn nghề.

- Kiến thức chuyên môn nghề: Kiến thức lý thuyết và thực hành để thực hiện một chuyên môn, nghiệp vụ nào đó trong xã hội.

- Các kiến thức bổ trợ cho chuyên môn nghề: các kiến thức cần có để người lao động thực hiện được chuyên môn nghề nghiệp tốt hơn, tạo điều kiện cho họ phản ứng nhanh nhạy và chính xác hơn trong lao động.

#### *2.3.1.2 Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp*

Đào tạo cho học sinh những năng lực cần thiết để thực hiện công việc của một nghề nhất định; năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

#### *2.3.1.3 Năng lực, phẩm chất*

Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đào tạo học sinh trình độ trung cấp những năng lực, phẩm chất sau:

- Năng lực chuyên môn: Khả năng và sự sẵn sàng sử dụng các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp cụ thể, có thể làm, thu thập thông tin và xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống diễn ra trong thực tiễn.

- Năng lực phương pháp: Khả năng và sự sẵn sàng sử dụng các kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu được sao cho thích hợp với hoàn cảnh mới trong môi trường cụ thể, có khả năng xử lý thông tin trong quá trình lao động và học tập, đưa ra các giải pháp thích ứng để giải quyết các nhiệm vụ mới xuất hiện trong công việc. Có khả năng làm chủ thực tiễn để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp và xã hội.

- Năng lực xã hội: Khả năng và sự sẵn sàng sử dụng phương pháp học tập, đề ra chiến lược, chiến thuật trong việc tự đào tạo và bồi dưỡng. Đồng thời có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, biết tổ chức phối hợp để làm việc theo tổ, nhóm.

Ngoài đào tạo kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hiện, việc nâng cao phẩm chất đạo đức cho người lao động cũng được Trường Trung cấp nghề Châu Đốc chú trọng vì nó đóng vai trò hết sức quan trọng để góp phần làm mới chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo. Rèn luyện cho học sinh có ý thức và tác phong công nghiệp trong quá trình làm việc.

#### *2.3.1.4 Chính trị, đạo đức*

Trường Trung cấp nghề Châu Đốc đào tạo học sinh trình độ trung cấp những kiến thức sau:

- Kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

- Thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Thực hiện đúng về đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật;

- Rèn luyện được ý chí, lòng yêu nghề, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong làm việc, luôn vươn lên và tự hoàn thiện.

#### *2.3.1.5 Thể chất, quốc phòng*

Trường Trung cấp nghề Châu Đốc còn giảng dạy cho học sinh trình độ

trung cấp kiến thức về quốc phòng, thể chất:

- Khuyến khích học sinh tập luyện thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;
- Giúp cho học sinh có ý thức thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ tổ quốc.

### **2.3.2 Các hình thức đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc**

#### **2.3.2.1 Đào tạo chính quy**

##### **a) Thời gian đào tạo chính quy**

- Thời gian đào tạo trình độ sơ cấp tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc là 03 tháng, với thời gian thực học từ 480 - 500 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là 02 năm; đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông là 1,5 năm.

##### **b) Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo nghề nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Thể hiện được mục tiêu đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, tín chỉ, môn học, từng chuyên ngành hoặc từng nghề và từng trình độ;

- Bảo đảm tính khoa học, hiện đại, hệ thống, thực tiễn, linh hoạt đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động; phân bố hợp lý thời gian giữa các khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân;

- Được định kỳ rà soát cập nhật, bổ sung cho phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

##### **c) Giáo trình đào tạo**

Giáo trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, tín chỉ, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.



d) Yêu cầu về phương pháp đào tạo

- Phương pháp đào tạo trình độ sơ cấp chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành nghề và phát huy tính tích cực, tự giác của người học.

- Phương pháp đào tạo trình độ trung cấp kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm; sử dụng phần mềm dạy học và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy và học.

*2.3.2.2 Đào tạo thường xuyên*

Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học với các trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng và được thực hiện linh hoạt về chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm đào tạo, phù hợp với yêu cầu của người học.

*2.3.2.3 Tổ chức thực hành tại doanh nghiệp*

Chương trình đào tạo gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết được giảng dạy tập trung tại trường. Còn phần thực hành thì được tiến hành tại doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ nhằm mục đích giúp học sinh có điều kiện tiếp xúc với máy móc, thiết bị của doanh nghiệp.

*2.3.2.4 Đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp*

Trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp (hầu hết là chương trình dạy nghề dưới ba tháng) và người học được doanh nghiệp đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp.

*2.3.2.5 Đào tạo nghề tại trung tâm dịch vụ việc làm*

Trung tâm dịch vụ việc làm Châu Đốc tổ chức tuyển sinh đào tạo nghề cho người lao động có nhu cầu (đào tạo nghề dưới 3 tháng), đồng thời giới thiệu cho những doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng.

*2.3.2.6 Đào tạo nghề lưu động tại xã, phường*

Trường Trung cấp nghề Châu Đốc (và các cơ sở dạy nghề khác) phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức đoàn thể địa phương tổ chức chiêu sinh các lớp nghề ngắn hạn dành cho lao động nông thôn sau đó phân công giáo viên và vận chuyển thiết bị đến tận xã, phường (khóm, ấp) để tổ chức giảng dạy nhằm giúp cho lao động nông thôn có cơ hội tham gia học nghề, tìm được việc làm

tăng thu nhập.

### 2.3.2.7 Đào tạo với hình thức truyền nghề

Người học được dạy những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc thông qua thực tế thực hiện công việc dưới sự hướng dẫn của những người lao động có trình độ cao hơn và chủ yếu dạy thực hành ngay trong quá trình sản xuất, dịch vụ của cơ sở, doanh nghiệp.

## 2.4 Kết quả đào tạo nghề trong những năm qua tại thành phố Châu Đốc

### 2.4.1 Số lượng đào tạo nghề qua các năm

Từ năm 2014 - 2018, các cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc đã tuyển sinh đào tạo được 6.041 người, cụ thể qua các năm như sau:

**Bảng 2.1:** Số lượng đào tạo nghề qua các năm

Năm	Số học sinh, học viên		
	Tổng số, học sinh, học viên	Theo cấp trình độ	
		Trình độ trung cấp	Trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng
2014	1.575	84	1.491
2015	1.124	131	993
2016	1.278	74	1.204
2017	1.326	75	1.251
2018	1.491	83	1408
<b>Tổng</b>	<b>6.455</b>	<b>414</b>	<b>6.041</b>

Nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Châu Đốc

Qua bảng 2.1 cho thấy tổng số người được đào tạo nghề từ năm 2014 - 2018 là 6.455 người (bình quân mỗi năm đào tạo nghề gần 1.300 người). Trong đó, trình độ trung cấp nghề là 414 người chiếm 6,41%, trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng là 6.041 người chiếm 93,59%.

Tính đến tháng 31/12/2018, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lũy kế so với tổng lực lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc đạt 68% (theo nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc).

## 2.4.2 Thực trạng chất lượng đào tạo nghề

### 2.4.2.1 Kết quả học tập của học sinh

#### a) Tỷ lệ tốt nghiệp

**Bảng 2.2:** Tỷ lệ học sinh, học viên tốt nghiệp so với số lượng học sinh, học viên dự thi

Năm	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)		
	Trung cấp	Sơ cấp	Dưới 3 tháng
2014	52,63	100	100
2015	82,61	100	100
2016	76,92	100	100
2017	100	100	100
2018	100	100	100
<b>Bình quân 5 năm (%)</b>	<b>82,43</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Châu Đốc

Qua bảng 2.2 cho thấy tỷ lệ học sinh, học viên tốt nghiệp so với số lượng học sinh, học viên dự thi là khá cao, trong đó trình độ trung cấp bình quân 5 năm đạt 82,43%, trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên đạt 100%.

#### b) Xếp loại tốt nghiệp

**Bảng 2.3:** Kết quả xếp loại tốt nghiệp của học sinh, học viên

Năm	Trung cấp (%)					Sơ cấp (%)			
	XS	Giỏi	Khá	TB khá	TB	Giỏi	Khá	TB khá	TB
2014		10	40	50		22,85	42,86	22,86	11,43
2015		26,32	47,36	26,32		23,68	44,74	28,95	2,63
2016		20	30	40	10	5,33	29,33	45,34	20
2017	8,34	33,33	33,33	25		25	40	33,3	1,7
2018		29	50	21		8,33	5	55	31,67
<b>Bình quân 5 năm (%)</b>	<b>1,67</b>	<b>23,73</b>	<b>40,14</b>	<b>32,46</b>	<b>2,0</b>	<b>17,04</b>	<b>32,39</b>	<b>37,09</b>	<b>13,49</b>

Nguồn báo cáo của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Qua bảng 2.3 cho thấy kết quả học tập toàn khóa của học sinh trung cấp, sơ cấp nghề đa phần là khá và trung bình khá (cụ thể: trung cấp chiếm 72,6%; sơ cấp chiếm 69,48%). Điều này cho thấy chất lượng đầu ra chưa thật sự tốt.

#### 2.4.2.2 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp

**Bảng 2.4:** Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp

Năm	Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp (%)			Bình quân trong năm (%)
	Trung cấp	Sơ cấp	Dưới 3 tháng	
2014	73	82	84	<b>79,67</b>
2015	71	83	83	<b>79,00</b>
2016	70	81	85	<b>78,67</b>
2017	71	80	82	<b>77,67</b>
2018	72	81	81	<b>78,00</b>
<b>Bình quân 5 năm (%)</b>	<b>71,4</b>	<b>81,4</b>	<b>83</b>	<b>78,60</b>

Nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Châu Đốc

Qua bảng 2.4 cho thấy tỷ lệ học sinh, học viên có việc làm sau tốt nghiệp gần 80%. Tuy nhiên, lao động được đào tạo ngắn hạn có việc làm cao hơn (trên 81%). Điều đó cho thấy người học cũng đã chủ động để tìm được một công việc phù hợp cho bản thân, đó cũng là do trong mấy năm gần đây, kinh tế thành phố Châu Đốc có những bước chuyển nhanh chóng, nhiều doanh nghiệp, công ty được thành lập, nhu cầu lao động tăng nhanh đặc biệt là lao động đã qua đào tạo. Đó cũng là cơ hội đối với người học nghề.

Mặt khác, cho thấy lao động chủ yếu được đào tạo nghề ngắn hạn để phù hợp với cơ cấu kinh tế của thành phố Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung, kinh tế nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa có nhiều khu công nghiệp và Châu Đốc đang đẩy mạnh phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ du lịch.

#### 2.4.2.3 Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học

Để thăm dò ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối

với 20 cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, với kết quả như sau:

**Bảng 2.5:** Kết quả khảo sát sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau tốt nghiệp

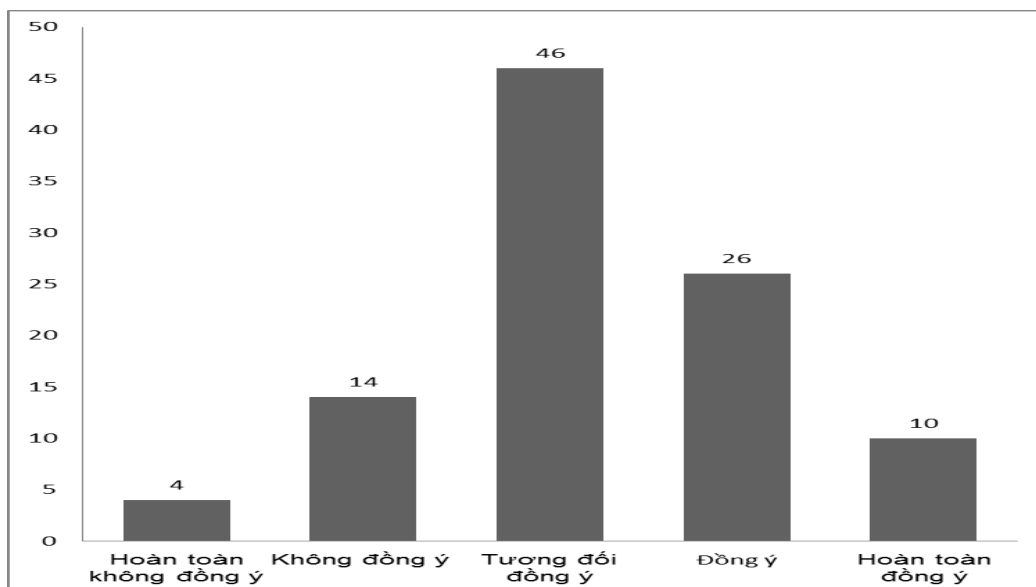
Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Có kiến thức chuyên môn tốt			50	40	10
2. Có kiến thức nền tảng văn hóa, xã hội liên quan		5	50	30	15
3. Có kỹ năng nghiệp vụ		5	50	35	10
4. Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc		40	30	15	15
5. Có năng lực tự học, tự nghiên cứu		15	60	15	10
6. Có năng lực tư duy logic	10	15	45	30	
7. Có năng lực khai thác và xử lý thông tin		20	45	20	15
8. Có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm	5	10	45	40	
9. Có khả năng tự mở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ	25	25	30	20	
10. Có khả năng học tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề		5	55	15	25
<b>Trung bình chung (%)</b>	<b>4</b>	<b>14</b>	<b>46</b>	<b>26</b>	<b>10</b>

Nguồn khảo sát

- Qua bảng 2.5 trên cho thấy đa số các cơ quan, doanh nghiệp cho rằng học viên tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn, có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nâng cao được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; có khả năng học tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề. Bên cạnh đó, người học cũng có thể đáp ứng về tính kỷ luật và tác phong theo yêu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên yếu tố “Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc”, “Khả năng tự mở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ của người

học sau tốt nghiệp” thì chưa được các doanh nghiệp, cơ quan đánh giá cao.

- Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau tốt nghiệp



**Hình 2.1:** Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau tốt nghiệp

Từ biểu đồ hình 2.1 cho thấy đánh giá chung của các cơ quan, công ty, doanh nghiệp (được khảo sát) là tương đối hài lòng về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học sau tốt nghiệp, cụ thể: Ý kiến tương đối đồng ý chiếm tỷ lệ cao (46%); ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 36%; ý kiến hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý chiếm 18%.

- Sự khác biệt đánh giá này có thể xuất phát từ chuẩn đầu ra của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc và chuẩn đầu vào của doanh nghiệp chưa gặp nhau nên nhận xét có khác nhau. Các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo dựa trên ý kiến các giáo viên dạy nghề, một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trên cơ sở đó đề ra chuẩn kiến thức và kỹ năng nghề mà họ cho rằng sẽ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, nên việc đánh giá của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Châu Đốc theo tỉ lệ nêu trên là phù hợp.

#### 2.4.2.4 Kỹ năng mềm của người học

Để thăm dò ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kỹ năng mềm của người học sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 20 cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, với kết quả như sau:

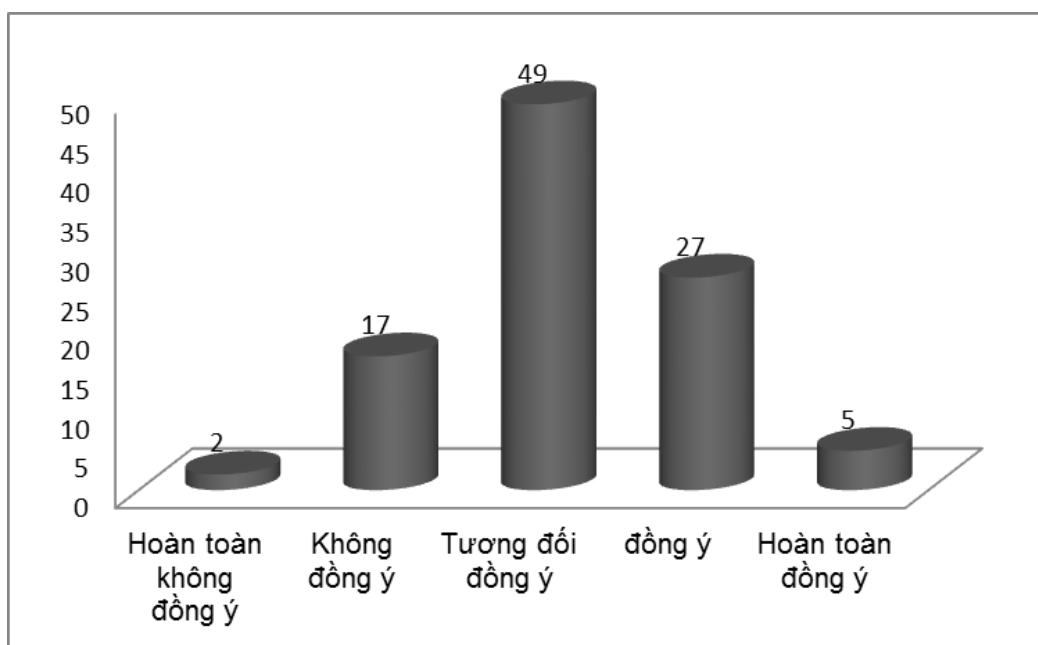
**Bảng 2.6:** Kết quả khảo sát sự hài lòng về kỹ năng mềm của người học sau tốt nghiệp

Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử		15	55	30	
2. Có kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả	5	40	30	25	
3. Có kỹ năng xử lý, giải quyết vấn đề	5		70	10	15
4. Có kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao hiệu quả		25	35	30	10
5. Có kỹ năng làm việc nhóm		5	55	40	
<b>Trung bình chung (%)</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<b>49</b>	<b>27</b>	<b>5</b>

Nguồn khảo sát

- Qua bảng trên cho thấy đa số các cơ quan, doanh nghiệp cho rằng học viên tốt nghiệp có kỹ năng mềm: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, có kỹ năng làm việc nhóm. Tuy nhiên, “Kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả”, “Kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao hiệu quả” thì chưa được các doanh nghiệp, cơ quan đánh giá cao.

- Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kỹ năng mềm của người học sau tốt nghiệp



**Hình 2.2:** Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về kỹ năng mềm của người học sau tốt nghiệp

Từ biểu đồ hình 2.2 cho thấy đánh giá chung của các cơ quan, công ty, doanh nghiệp (được khảo sát) là tương đối hài lòng về kỹ năng mềm của người học sau tốt nghiệp, cụ thể: Ý kiến tương đối đồng ý chiếm tỷ lệ cao (49%); ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 32%; ý kiến hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý chiếm 19%.

#### 2.4.2.5 Phẩm chất cá nhân của người học

Để thăm dò ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp phẩm chất cá nhân của người học sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 20 cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, với kết quả như sau:



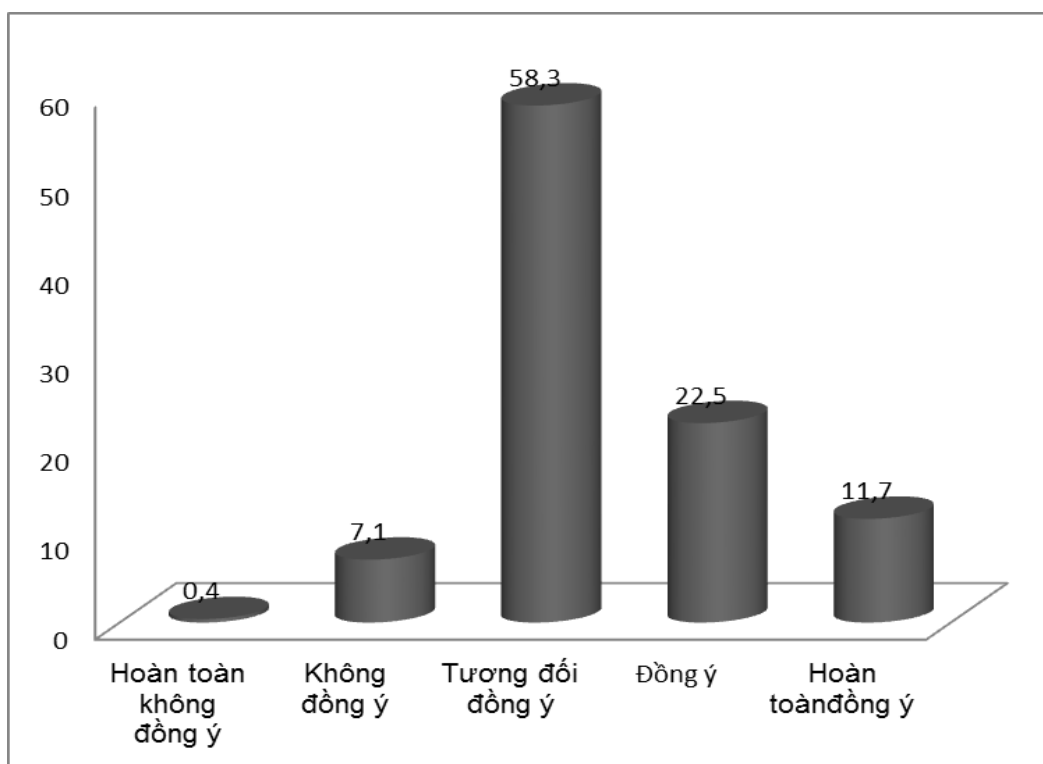
**Bảng 2.7:** Kết quả khảo sát sự hài lòng về phẩm chất cá nhân của người học sau tốt nghiệp

Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Tự tin vào khả năng bản thân		5	75	15	5
2. Có năng lực sáng tạo		20	60	15	5
3. Có tính chuyên nghiệp		45	35	20	
4. Có động lực làm việc	5		60	30	5
5. Quan hệ tốt với đồng nghiệp			55	15	30
6. Có trách nhiệm với công việc		5	45	35	15
7. Có tính cầu thị			75	25	
8. Có đạo đức nghề nghiệp			60	20	20
9. Có khả năng thích ứng với sự thay đổi		5	65	30	
10. Có ý thức tổ chức kỷ luật		5	55	15	25
11. Có ý thức học tập cầu tiến			60	30	10
12. Có tính cần cù, chịu khó			55	20	25
<b>Trung bình chung (%)</b>	<b>0,4</b>	<b>7,1</b>	<b>58,3</b>	<b>22,5</b>	<b>11,7</b>

Nguồn khảo sát

- Qua bảng 2.7 cho thấy hầu hết học sinh, học viên học nghề có thái độ lao động tương đối tốt, có trách nhiệm với công việc được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp, cơ quan cho rằng học sinh sau tốt nghiệp có tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa có nhiều sáng tạo trong công việc được giao.

- Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về phẩm chất cá nhân của người học sau tốt nghiệp



**Hình 2.3:** Sự hài lòng chung của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về phẩm chất cá nhân của người học sau tốt nghiệp

Từ biểu đồ hình 2.3 cho thấy đánh giá chung của các cơ quan, công ty, doanh nghiệp (được khảo sát) là tương đối hài lòng về phẩm chất cá nhân của người học sau tốt nghiệp, cụ thể: Ý kiến tương đối đồng ý chiếm tỷ lệ cao (58,3%); ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 34,2%; ý kiến hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý chiếm 7,5%.

#### 2.4.2.6 Mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc

Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá chất lượng đào tạo.

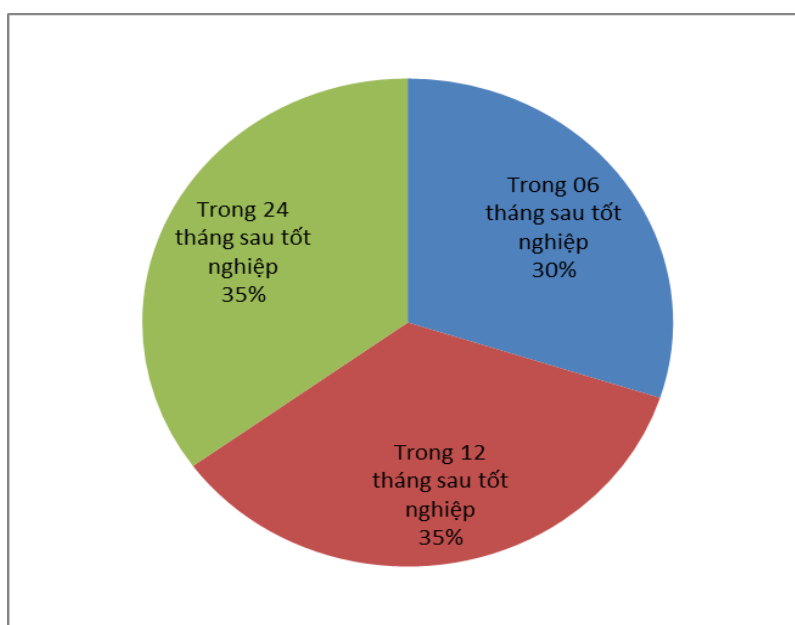
Học sinh sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở dạy nghề tại thành phố Châu Đốc về cơ bản đáp ứng được các kỹ năng cần thiết của một công việc độc lập. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đánh giá thì chất lượng của lao động đã qua đào tạo đạt mức trung bình, nhất là về kỹ năng thực hành thuần thục. Các doanh nghiệp cũng đề nghị các cơ sở đào tạo tập trung

đầu tư thiết bị, máy móc kỹ thuật hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo thực hành, sát với hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Mặt khác các doanh nghiệp cũng đề nghị các cơ sở dạy nghề chú ý rèn luyện ý thức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp cho người lao động (nhất là học viên được đào tạo ngắn hạn). Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch còn quan tâm đến trình độ ngoại ngữ của người lao động.

#### 2.4.2.7 Mức độ phù hợp của nghề đào tạo với việc làm

##### a) Tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp

Để thăm dò ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 20 cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, với kết quả như sau:

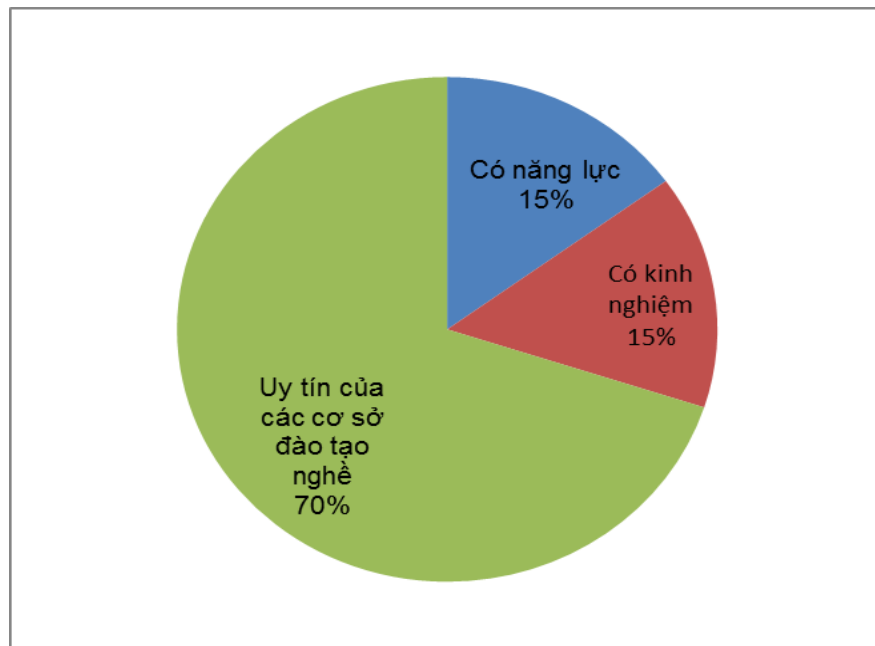


**Hình 2.4:** Tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp

Từ biểu đồ hình 2.4 cho thấy đánh giá chung của các cơ quan, công ty, doanh nghiệp (được khảo sát) tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp là tương đối tốt, cụ thể: Tỷ lệ người học tìm được việc làm trong vòng 06 tháng sau tốt nghiệp là 30%; trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp là 35%; trong vòng 24 tháng sau tốt nghiệp là 35%.

b) Lý do cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc

Để thăm dò ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về lý do cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 20 cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, với kết quả như sau:

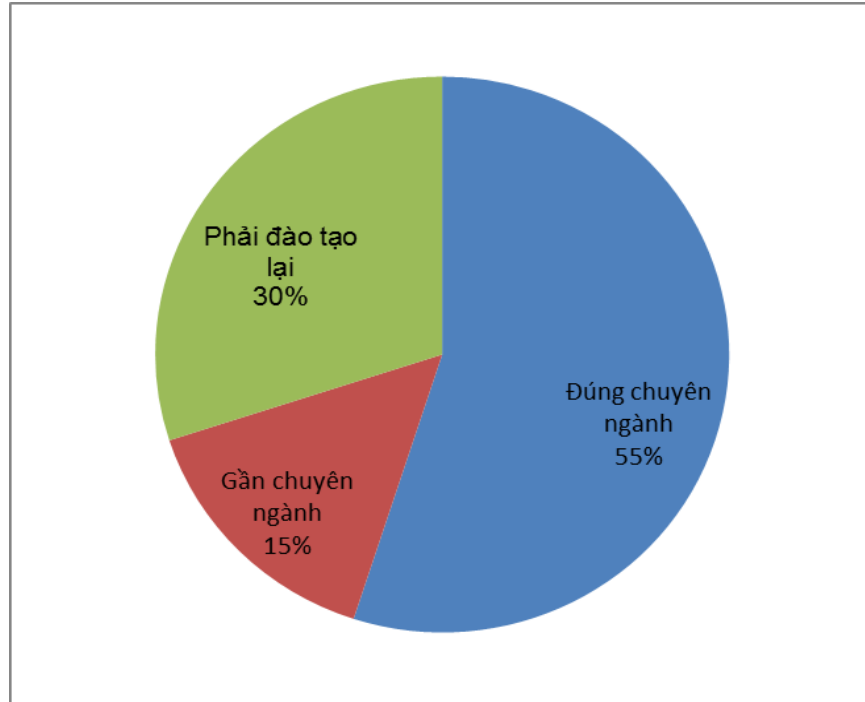


**Hình 2.5:** Lý do cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc

Từ biểu đồ hình 2.5 cho thấy lý do cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc: Có năng lực là 15%; Có kinh nghiệm là 15%; Uy tín của các cơ sở đào tạo nghề là 70%.

c) Tình hình việc làm của người học so với chuyên ngành đào tạo

Để thăm dò ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp về tình hình việc làm của người học so với chuyên ngành đào tạo, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 20 cơ quan, công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, học viên của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc, với kết quả như sau:



**Hình 2.6:** Tình hình việc làm của người học so với chuyên ngành đào tạo

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành nghề là một trong những chỉ tiêu phản ánh chất lượng đào tạo nghề. Những năm gần đây, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có việc làm đúng nghề được đào tạo ngày càng cao và có xu hướng gia tăng, điều này cho thấy việc đào tạo ngày càng gần với thực tế hơn góp phần cải thiện chất lượng đào tạo. Từ biểu đồ hình 2.6 cho thấy người học làm việc đúng với chuyên ngành đào tạo là 55%. Tuy nhiên, tỷ lệ người học làm việc gần với chuyên ngành đào tạo là 15% và phải đào tạo lại là 30%.

## 2.5 Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc

### 2.5.1 Chủ trương của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc

- Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 là giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ và du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Coi trọng việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đặc biệt là nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch. Thực hiện tốt các vấn đề an sinh xã hội, đặc biệt quan tâm đến các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng.

Với mục tiêu trên đã tạo thuận lợi cho các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc hoạt động hiệu quả trong thời gian qua góp phần tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

- Thành phố Châu Đốc đã sử dụng ngân sách của địa phương để hỗ trợ cho các cơ sở đào tạo nghề đào nghề cho lao động nông thôn, để thực hiện thành công chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước ta.

- Quan tâm chỉ đạo các phòng, ban, Ủy ban nhân dân phường, xã phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện tốt chính sách phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề.

- Quan tâm hỗ trợ các đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, lao động nông thôn là người trực tiếp lao động trong các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất canh tác và các đối tượng chính sách xã hội khác nhằm tạo cơ hội cho họ được học tập để tìm việc làm, tự tạo việc làm, lập thân, lập nghiệp; thực hiện bình đẳng giới trong đào tạo nghề.

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học trung cấp nghề được miễn học phí và được vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội thành phố Châu Đốc (theo Quyết định 157/QĐ-TTg) để phục vụ cho việc học tập.

### **2.5.2 Yếu tố đầu vào (người học)**

Chất lượng đầu vào là cơ sở, là nền móng vững chắc để đảm bảo chất lượng quá trình đào tạo. Chất lượng đầu vào có thể sẽ ảnh hưởng đến năng lực học tập hay khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh, học viên.

**Bảng 2.8:** Kết quả thống kê về học lực và hạnh kiểm của học sinh đầu vào trình độ trung cấp

Năm	Học lực					Hạnh kiểm				
	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tổng	Tốt	Khá	TB	Yếu	Tổng
2014		19	58	7	<b>84</b>	47	30	6	1	<b>84</b>
2015	1	31	82	2	<b>116</b>	66	43	7		<b>116</b>
2016	2	25	49	1	<b>77</b>	52	21	4		<b>77</b>
2017	9	19	44	1	<b>73</b>	50	18	5		<b>73</b>
2018	3	39	40	1	<b>83</b>	67	15	1		<b>83</b>
<b>Tổng 5 năm</b>	<b>15</b>	<b>133</b>	<b>273</b>	<b>12</b>	<b>433</b>	<b>282</b>	<b>127</b>	<b>23</b>	<b>1</b>	<b>433</b>
Tỷ lệ % (5 năm)	<u>3,46</u>	<u>30,72</u>	<u>63,05</u>	<u>2,77</u>	<u>100</u>	<u>65,13</u>	<u>29,33</u>	<u>5,31</u>	<u>0,23</u>	<u>100</u>

Nguồn báo cáo của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Qua bảng 2.8 cho thấy học sinh đầu vào trình độ trung cấp có học lực trung bình chiếm một tỷ lệ rất cao 63,05%, thậm chí có cả học sinh có học lực yếu (chiếm 2,77%), trong khi hầu hết học sinh học trung cấp nghề chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo (tỷ lệ học sinh bỏ học cao, bình quân trên 30%/năm), đồng thời cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đầu ra của trường.

### **2.5.3 Hoạt động đào tạo**

#### *2.5.3.1 Nguồn tài chính*

Hiện nay, ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương vẫn là nguồn tài chính chủ yếu chi cho đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề công lập trên tỉnh An Giang nói chung và thành phố Châu Đốc nói riêng, các nguồn khác chỉ chiếm một phần nhỏ. Đây là một khó khăn trong quá trình đào tạo vì ngân sách nhà nước cấp rất hạn chế.

Đối với Trường Trung cấp nghề Châu Đốc thì kinh phí được cấp trên biên chế cán bộ, giáo viên hiện có, điều này đã gây không ít khó khăn trong việc thỉnh giảng giáo viên (vì các cơ sở đào tạo nghề trên địa phương Châu Đốc không có đủ lượng

giáo viên cơ hữu và buộc phải thỉnh giảng, công tác tuyển dụng giáo viên cũng gặp nhiều khó khăn).

Chưa có chính sách đặc thù về chế độ tiền lương cho giáo viên dạy nghề để khuyến khích họ gắn bó với nghề, cũng như việc tuyển dụng giáo viên có tay nghề cao được thuận lợi.

Bình quân hàng năm tỉnh cấp cho Trường Trung cấp nghề Châu Đốc khoảng 03 tỷ đồng. Ngoài ra, Trường còn có nguồn thu từ học phí nhưng cũng rất hạn chế (do kết quả tuyển sinh không cao).

Riêng đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm Châu Đốc thì nhiệm vụ chính là giới thiệu việc làm, còn đào tạo nghề chỉ thực hiện các lớp nghề ngắn hạn theo đơn đặt hàng của Nhà nước (đào tạo nghề cho lao động nông theo Quyết định 1956/QĐ-TTg) nên kinh phí cho đào tạo nghề không ổn định, tùy thuộc vào số lượng lớp nghề mà trung tâm ký hợp đồng với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc.

Với thực tế kinh phí đào tạo như trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo nghề (khó khăn trong việc mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác đào tạo).

#### *2.5.3.2 Chương trình, giáo trình đào tạo*

##### *a) Chương trình đào tạo*

Để đáp ứng mục tiêu đào tạo các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã thực hiện việc xây dựng chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01 tháng 3 năm 2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên.

Việc xây dựng chương trình đào tạo nghề xuất phát từ nhu cầu của người học, nhu cầu của xã hội; đào tạo lao động có tay nghề cho các khu, cụm công nghiệp và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.



Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc thường xuyên điều chỉnh chương trình nghề đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của doanh nghiệp.

b) Về giáo trình và tài liệu học tập

Giáo trình, bài giảng và các tài liệu học tập khác được coi là nội dung chi tiết của chương trình đào tạo, dựa vào đó mà học sinh có thể chủ động nghiên cứu để tự trang bị kiến thức cho mình. Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống giáo trình của các cơ sở đào tạo trên địa bàn còn rất hạn chế và ngay cả thư viện cũng chưa được xây dựng để học sinh có điều kiện nghiên cứu thêm tài liệu kiến thức chuyên ngành.

2.5.3.3 *Đội ngũ cán bộ, giáo viên*

Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên là một trong những tiêu chí quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

**Bảng 2.9:** Kết quả thống kê đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở dạy nghề công lập

S T T	Chức danh	Số lượng	Trình độ chuyên môn				Nghiep vụ su phạm	Kỹ năng nghề quốc gia
			Thạc sĩ	Đại học	Trung cấp	Thợ lành nghề		
<b>I</b>	<b>Trường Trung cấp nghề Châu Đốc</b>	<b>67</b>	<b>7</b>	<b>52</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>66</b>	
1	Cán bộ quản lý	14	1	12	1		13	
2	Giáo viên cơ hữu	29	4	25			29	
3	Giáo viên thỉnh giảng	24	2	15		7	24	
<b>II</b>	<b>Trung tâm dịch vụ việc làm</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		<b>10</b>	<b>2</b>	
1	Cán bộ quản lý	5	1	4			2	
2	Giáo viên cơ hữu							
3	Giáo viên thỉnh giảng	10				10		

Nguồn báo cáo của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc và Trung tâm dịch vụ việc làm

Qua số liệu thống kê về hiện trạng đội ngũ cán bộ, giáo viên các cơ sở dạy nghề công lập trên địa bàn thành phố Châu Đốc (Bảng 2.9) có thể đánh giá như sau:

- Số lượng và cơ cấu giáo viên:

Các cơ sở dạy nghề chưa đảm bảo về số lượng giáo viên cơ hữu và chưa hợp lý về cơ cấu giữa các khoa và tổ chuyên môn nên còn xảy ra tình trạng thừa, thiếu giờ giảng so với giờ định mức. Để đáp ứng nhu cầu giảng dạy các cơ sở dạy nghề phải ký hợp đồng thỉnh giảng trên 34 giáo viên là giáo viên của các trường bạn, là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật, nông dân sản xuất giỏi,... điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý đào tạo, cũng chất lượng giảng dạy của các cơ sở dạy nghề.

- Trình độ chuyên môn

Hầu hết giáo viên cơ hữu của các cơ sở dạy nghề đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nghề giảng dạy, đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm và luôn có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngoài ra, đa phần giáo viên của cơ sở dạy nghề còn trẻ nên nhiệt tình trong công việc, có tinh thần cầu tiến, chịu khó học tập để nâng cao trình độ chuyên môn. Tuy vậy, do trẻ tuổi nên kinh nghiệm công tác, giảng dạy cũng như thực tế chưa nhiều nên cần phải tu dưỡng, rèn luyện thêm. Giáo viên có trình độ sau đại học còn chiếm tỷ lệ thấp (13,8%).

- Kỹ năng nghề Quốc gia:

Hầu hết giáo viên dạy thực hành tại các cơ sở dạy nghề chưa có chứng chỉ Kỹ năng nghề Quốc gia nên kỹ năng thực hành vẫn còn những hạn chế nhất định. Mặc dù đã được đào tạo cơ bản, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nhưng kinh nghiệm thực tế sản xuất trực tiếp còn hạn chế, điều này ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo (đào tạo nghề thực hành chiếm khoảng 70% thời lượng khóa học).

- Trình độ tin học:

Tất cả giáo viên cơ hữu có trình độ tin học đạt chuẩn theo quy định, sử dụng được các phần mềm tin học cơ bản như word, excel, powerpoint để soạn bài giảng, viết giáo trình, báo cáo khoa học và thực hiện giảng dạy. Tuy nhiên, một số

giáo viên thỉnh giảng là thợ lành nghề, nghệ nhân, nông dân sản xuất giỏi thì trình độ tin học vẫn còn hạn chế.

- Về trình độ ngoại ngữ:

Trình độ ngoại ngữ của đa số giáo viên còn yếu so với yêu cầu. Tỷ lệ giáo viên có thể đọc và hiểu được tài liệu bằng tiếng nước ngoài khá thấp. Trình độ ngoại ngữ yếu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc mở rộng ngành nghề, hợp tác đào tạo với nước ngoài. Hơn nữa, hiện nay kiến thức và lý luận thực tiễn trên thế giới được phát triển với tốc độ nhanh chóng và được thể hiện qua các tài liệu được viết bằng tiếng Anh nên trình độ tiếng Anh thấp sẽ khó khăn cho việc cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ của giáo viên giảng dạy.

Tóm lại, trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ của giáo viên chưa cao sẽ ảnh hưởng không tốt đến chất lượng đào tạo. Vì thế nhiệm vụ đặt ra đối với các cơ sở đào tạo nghề là từng bước nâng cao, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên giảng dạy và là nền tảng đưa chất lượng đào tạo nghề đi lên.

#### *2.5.3.4 Phương pháp giảng dạy*

Hiện nay, nước ta đang đẩy mạnh việc cải cách giáo dục và đổi mới phương pháp giảng dạy từ việc lấy người dạy làm trung tâm sang việc lấy người học làm trung tâm. Do đó, phương pháp đào tạo nghề cũng không nằm ngoài tinh thần đó. Trong quá trình học, coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo,... Đồng thời đổi mới phương pháp đào tạo cũng gắn liền với việc áp dụng các phương tiện hiện đại vào quá trình giảng dạy để người học có thể dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn.

Chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở có thể áp dụng phương pháp đào tạo tích cực, khuyến khích người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của mình. Đối với phần lý thuyết, học sinh sẽ chủ động nghiên cứu giáo trình, tài liệu ở nhà. Trên lớp giáo viên chỉ nêu những nội dung quan trọng để cùng trao đổi với học sinh. Giáo viên chỉ đóng vai trò hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc và những điều mà học sinh chưa hiểu hoặc hiểu không đúng. Ngoài ra việc đánh giá kết quả học tập của học sinh và việc ra đề thi cũng được cân nhắc cho phù hợp với trình độ cũng như kiến thức đã

được trang bị. Kết quả học tập của học sinh được đánh giá trong suốt quá trình học tập. Tuy nhiên, sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy và học tập cũng gặp không ít khó khăn tại các cơ sở đào tạo nghề vì chất lượng học sinh tại đây còn nhiều hạn chế, do đó việc đổi mới chỉ là khuyến khích chứ chưa mang tính bắt buộc.

Bên cạnh đó, để thăm dò ý kiến của học sinh, học viên về chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 100 học sinh, học viên, đang theo học tại trường, với kết quả như sau:

- Về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo:

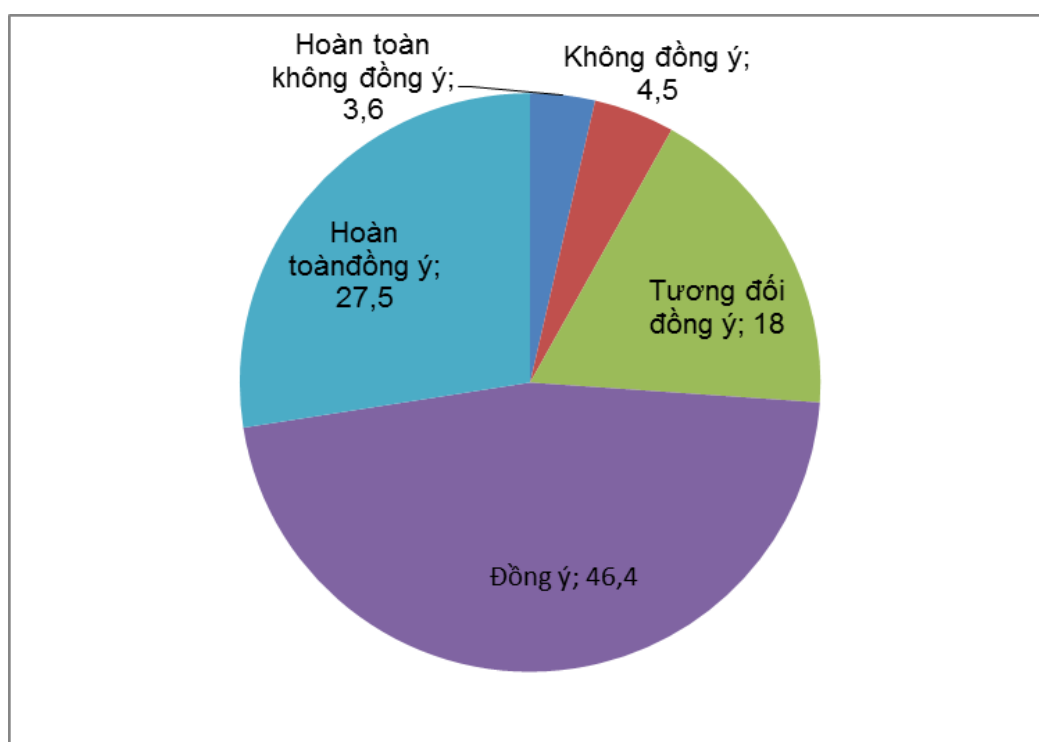
**Bảng 2.10:** Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Chương trình đào tạo (nghề đào tạo) có mục tiêu rõ ràng	4	2	10	48	36
2. Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình	4	10	16	50	20
3. Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chung hợp lý	4	4	23	48	21
4. Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý	3	10	20	46	21
5. Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau	5	2	16	46	31
6. Chương trình đào tạo có sự phân bố tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý	3	4	16	50	27
7. Chương trình đào tạo bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp	3	0	18	41	38
8. Mục tiêu của nghề rõ ràng và phù hợp với yêu cầu của xã hội	4	4	15	40	37

9. Nội dung chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải	4	5	21	44	26
10. Tỷ lệ phân phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	3	5	25	45	22
11. Người học được cung cấp thông tin chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo	3	3	18	52	24
<b>Trung bình chung (%)</b>	3,6	4,5	18,0	46,4	27,5

Nguồn khảo sát

Nhìn chung, mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc được hầu hết học sinh đánh giá là “hợp lý” về cơ cấu giữa các môn học, giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với nhu cầu của xã hội,... (với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý là 73,9% và tương đối đồng ý là 18%). Điều này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại Châu Đốc và đáp ứng nhu cầu của xã hội.



**Hình 2.7:** Sự hài lòng chung của người học về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo

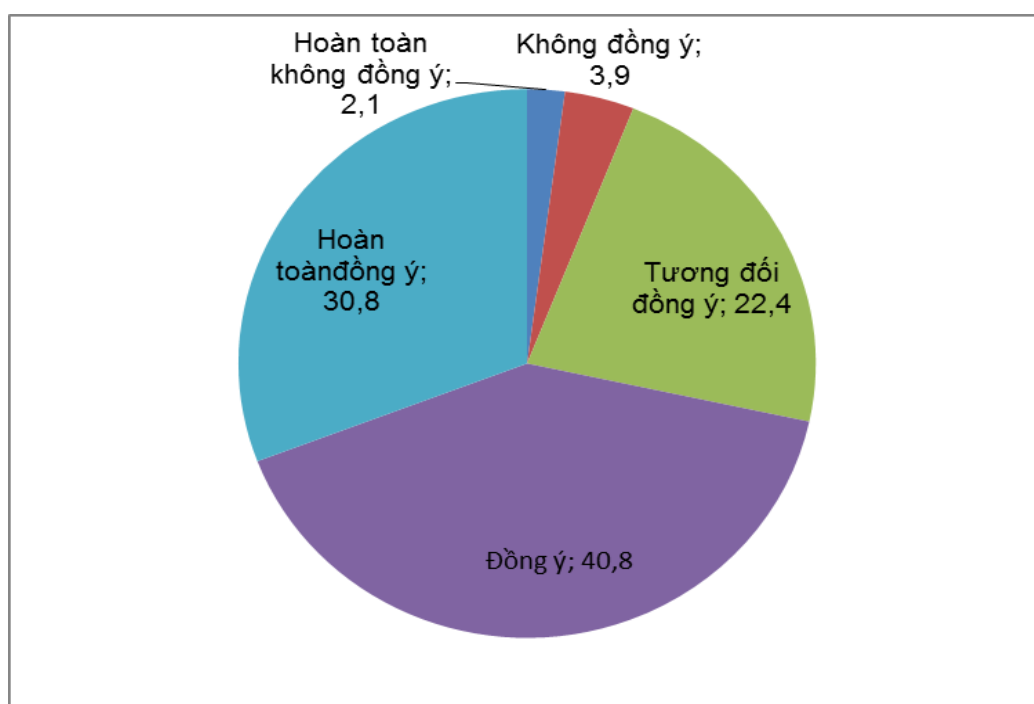
- Về hoạt động giảng dạy:

**Bảng 2.11:** Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Đa số giáo viên giảng dạy có kiến thức chuyên môn cao	1	6	19	36	36
2. Đa số giáo viên giảng dạy có phương pháp giảng dạy phù hợp, có cập nhật nội dung giảng dạy mới, phù hợp với thực tiễn	1	4	21	42	32
3. Đa số giáo viên giảng dạy lắng nghe quan điểm của học sinh và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình	4	10	24	38	24
4. Đa số giáo viên giảng dạy giúp học sinh biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn	4	5	23	42	26
5. Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp		4	21	42	33
6. Phương pháp giảng dạy của giáo viên dễ hiểu và khuyến khích được học sinh hoạt động.	1	3	37	37	22
7. Giáo viên có liên kết giữa lý thuyết và thực hành	3	1	18	45	33
8. Đa số giáo viên có phương pháp sư phạm tốt	1	4	29	40	26
9. Hầu hết giáo viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ học sinh	5	1	22	40	32
10. Hầu hết giáo viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy		1	18	41	40
11. Học sinh được cung cấp đầy đủ tài liệu học tập	3	4	14	45	34
<b>Trung bình chung (%)</b>	<b>2,1</b>	<b>3,9</b>	<b>22,4</b>	<b>40,8</b>	<b>30,8</b>

Nguồn khảo sát

Theo kết quả khảo sát tại bảng 2.11 thì đa số giáo viên giảng dạy có kiến thức chuyên môn tốt, có phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ học sinh, có lắng nghe ý kiến và chia sẻ quan điểm với học sinh, có nghiệp vụ sư phạm và luôn giúp đỡ học sinh trong học tập,... Nhìn chung, hoạt động giảng dạy của giáo viên tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc là tương đối tốt qua nhìn nhận của học sinh (với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý là 71,6% và tương đối đồng ý là 22,4%). Điều này cho thấy chất lượng đào tạo nghề được trường đặt biệt quan tâm.



**Hình 2.8:** Sự hài lòng chung của người học về hoạt động giảng dạy tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

- Về tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh

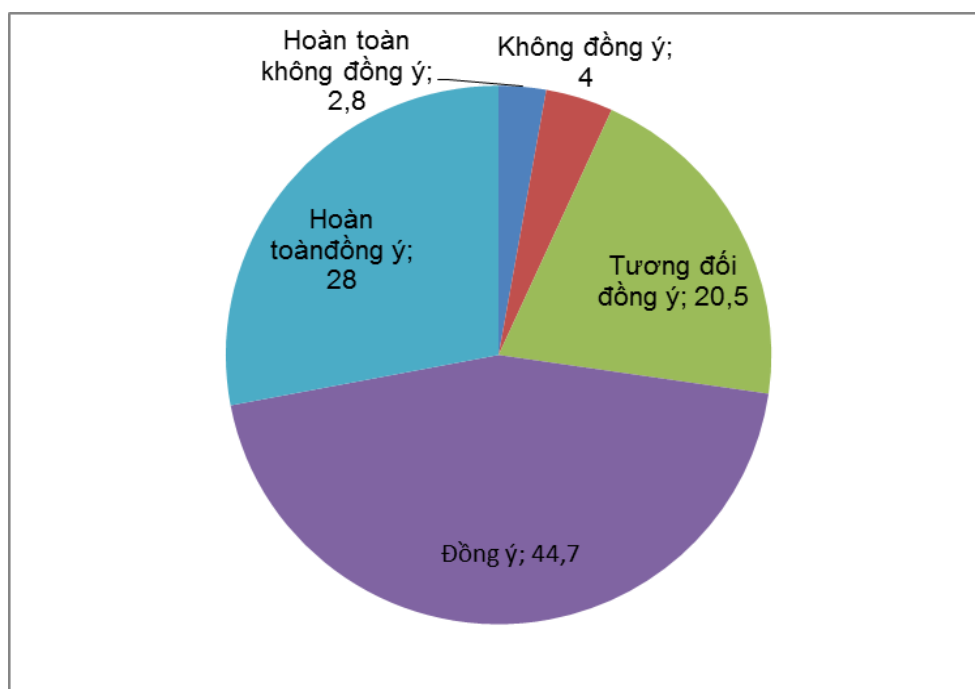
**Bảng 2.12:** Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho học sinh	3	1	23	34	39

2. Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho học sinh trong học tập	3	4	21	49	23
3. Học sinh được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập	3	4	16	46	31
4. Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình	1	6	21	52	20
5. Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của học sinh	3	4	24	38	31
6. Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho học sinh	4	5	18	49	24
<b>Trung bình chung (%)</b>	2,8	4,0	20,5	44,7	28,0

Nguồn khảo sát

Theo kết quả khảo sát tại bảng 2.12 thì học sinh nhận định: Việc tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh là phù hợp. Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và chương trình đào tạo, kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của học sinh và được công bố kịp thời,... (với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý là 72,7% và tương đối đồng ý là 20,5%). Điều này cho thấy kết quả đánh giá học sinh là thực chất, không chạy theo thành tích, phản ánh thật chất lượng đào tạo của trường.



**Hình 2.9:** Sự hài lòng chung của người học về tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc



### 2.5.3.5 Tổ chức quản lý đào tạo

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đào tạo nghề từ trình độ trung cấp trở xuống.

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang xây dựng kế hoạch đào tạo nghề trong năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt.

Ngoài ra, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội còn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề quốc gia, kiểm định viên dạy nghề,... Nói chung đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề đều có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn sư phạm (do một số cán bộ quản lý là giáo viên phổ thông được điều động sang làm công tác quản lý dạy nghề), có kinh nghiệm làm quản lý giáo dục. Tuy nhiên so với nhu cầu phát triển mạng lưới dạy nghề thì số cán bộ này vẫn còn thiếu về số lượng và đôi lúc còn hạn chế về năng lực chuyên môn, số cán bộ kiêm nhiệm quá nhiều nên chưa dành nhiều thời gian cho công tác dạy nghề.

Cơ cấu tổ chức của các cơ sở dạy nghề được thực hiện theo quy định và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức và hoạt động. Trong quy chế có quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đôi lúc vẫn còn xảy ra những bất cập chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành và cho các hoạt động đào tạo.

Ở cơ sở dạy nghề công lập, hoạt động của Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên được coi là thế mạnh, luôn thu hút mọi người tham gia. Hơn nữa, hoạt động của những tổ chức này luôn đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai giúp cho cán bộ, học sinh có cơ hội thể hiện khả năng của bản thân, giúp họ yên tâm công tác và học tập, nâng cao chất lượng đào tạo.

Công tác tổ chức quản lý đào tạo tại các cơ sở dạy nghề là triển khai thực hiện quản lý đào tạo theo chương trình, kế hoạch và quy chế đào tạo của khóa học đã được duyệt.

Việc thực hiện tốt quy trình đào tạo là yêu cầu quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là công tác kiểm tra quá trình giảng dạy của giáo viên,

quá trình học của học sinh và tổ chức tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Để thăm dò ý kiến của học sinh, học viên về công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 100 học sinh, học viên, đang theo học tại trường, với kết quả như sau:

**Bảng 2.13:** Kết quả khảo sát sự hài lòng của người học về công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

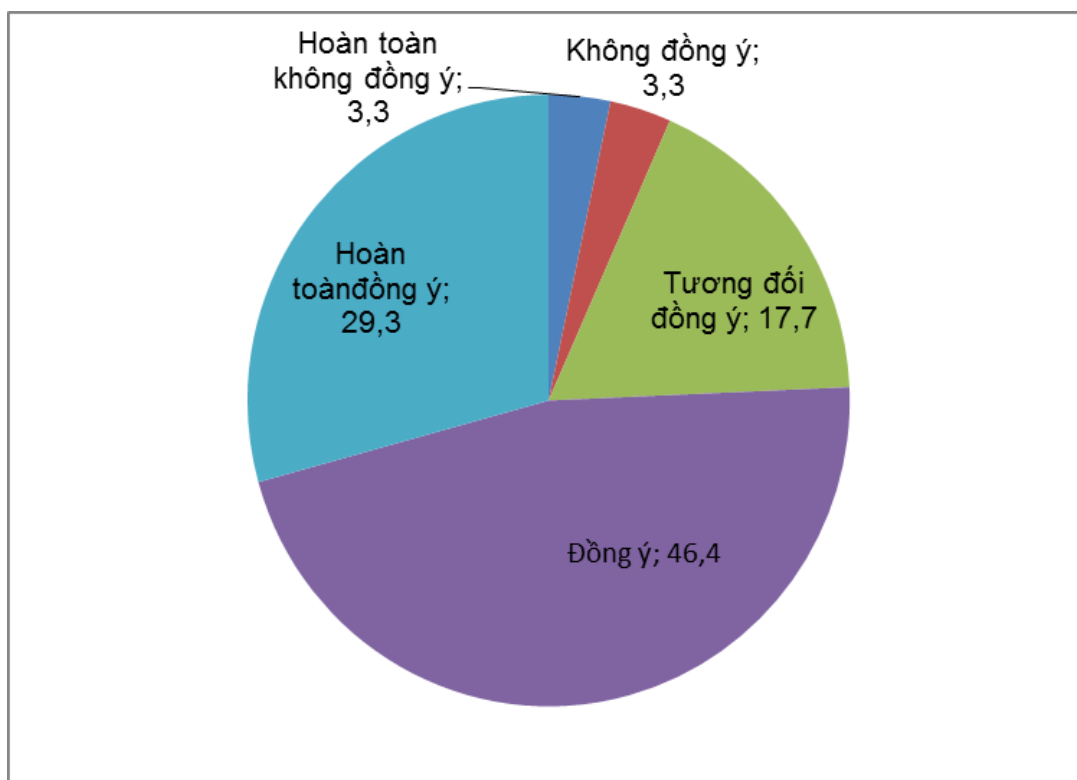
Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Quy chế đào tạo được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời	3	1	23	34	39
2. Kế hoạch học tập được thông tin đầy đủ, kịp thời	3	4	21	49	23
3. Các quy trình công việc liên quan được công khai rõ ràng, khoa học	3	4	16	46	31
4. Lịch thi phù hợp với thời gian học tập	1	6	21	52	20
5. Các thông tin liên quan đến công tác khảo thí được cung cấp đầy đủ, kịp thời	3	4	24	38	31
6. Cán bộ, giáo viên phòng đào tạo nhiệt tình, có trách nhiệm	4	5	18	49	24
7. Giáo viên chủ nhiệm tích cực tư vấn, hỗ trợ học sinh trong học tập	3	0	12	40	45
8. Các quy chế, quy định liên quan đến công tác học sinh được phổ biến và giải thích rõ ràng	3	4	20	49	24
9. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật học sinh nghiêm túc, được công khai, đúng đối tượng.	3	0	18	44	35
10. Các chế độ chính sách, học bổng được công khai rõ ràng, đúng đối tượng	3	4	13	45	35
11. Công tác tư vấn nghề nghiệp, tư vấn các chính sách học sinh, tư vấn về học tập, ... đúng theo yêu cầu và hiệu quả	1	3	22	46	28

12. Thủ tục hành chính liên quan đến học sinh (chứng nhận học sinh, chứng nhận vay vốn, ...) được giải quyết kịp thời	4	1	19	46	30
13. Các quy trình công việc liên quan được công khai rõ ràng, khoa học	3	5	20	54	18
14. Các thắc mắc về chính sách học sinh được giải thích thỏa đáng	4	7	17	53	19
15. Công tác an ninh, bảo vệ trong khuôn viên trường chặt chẽ	8	3	18	46	25
16. Cán bộ, nhân viên phụ trách quản lý học sinh nhiệt tình, có trách nhiệm	5	7	13	44	31
17. Công tác giáo dục pháp luật, giáo dục phòng, chống tệ nạn xã hội phù hợp	3	3	17	42	35
18. Giáo dục an toàn giao thông phù hợp với học sinh	4	3	20	48	25
19. Giáo dục truyền thống, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với đối tượng học sinh	1	1	12	56	30
20. Tổ chức các hoạt động tình nguyện học sinh phong phú, ý nghĩa	4	3	16	44	33
21. Nhà trường có nhiều hoạt động xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, rèn luyện	5	4	11	46	34
22. Hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với học sinh thiết thực, dân chủ	3	1	18	49	29
<b>Trung bình chung (%)</b>	<b>3,3</b>	<b>3,3</b>	<b>17,7</b>	<b>46,4</b>	<b>29,3</b>

Nguồn khảo sát

Theo kết quả khảo sát tại bảng 2.13 thì công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc được học sinh nhận định là tương đối tốt như: Công tác giáo dục pháp luật, giáo dục phòng, chống tệ nạn xã hội phù hợp; công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật học sinh nghiêm túc, được công khai, kịp thời và đúng đối tượng; hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với học sinh thiết thực, dân chủ,... (với tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý là 75,7% và tương đối đồng ý là 17,7%). Điều này cho thấy công tác quản lý đào tạo tương đối chặt chẽ, giúp nâng

cao chất lượng đào tạo của trường.



**Hình 2.10:** Sự hài lòng chung của người học về công tác quản lý đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

#### 2.5.3.6 Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của cơ sở đào tạo nghề được đầu tư đầy đủ và hiện đại sẽ nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo niềm tin của người học với cơ sở đào tạo nghề từ đó chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề ngày được nâng cao.

Trên địa bàn thành phố Châu Đốc có 02 cơ sở đào tạo nghề công lập là Trường Trung cấp nghề Châu Đốc và Trung tâm Dịch vụ việc làm Châu Đốc (có chức năng đào tạo nghề ngắn hạn) với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề như sau:

- Trường Trung cấp nghề Châu Đốc có diện tích là 14.769 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích xây dựng là 11.927 m<sup>2</sup>, với 19 phòng học lý thuyết; 04 xưởng (gồm 11 phòng học thực hành) và khu hành chính quản trị. Trang thiết bị đào tạo nghề của

Trường được đầu tư năm 2006 đến nay với tổng kinh phí trên 07 tỷ đồng (nguồn báo cáo nội bộ) đã cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy của trường.

- Trung tâm Dịch vụ việc làm Châu Đốc với diện tích xây dựng là 640,5m<sup>2</sup> (có chức năng đào tạo nghề ngắn hạn) với tổng mức đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề là 4,6 tỷ đồng (nguồn báo cáo nội bộ).

- Bên cạnh đó, để thăm dò ý kiến của học sinh, học viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng bảng câu hỏi đối với 100 học sinh, học viên, đang theo học tại trường, với kết quả như sau:

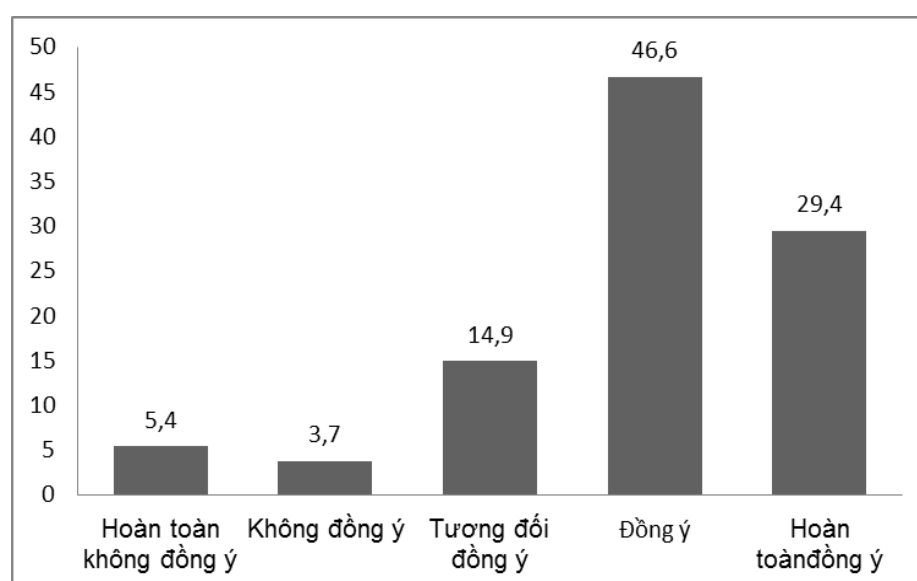
**Bảng 2.14:** Kết quả khảo sát sự hài lòng của học sinh, học viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Nội dung câu hỏi khảo sát	Ý kiến của người được khảo sát (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Tương đối đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Phòng học được sắp xếp hợp lý và có đủ chỗ ngồi, đảm bảo về ánh sáng, âm thanh và thoáng mát	7	1	17	44	31
2. Cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh	5	3	15	49	28
3. Phòng học, xưởng thực hành đầy đủ thiết bị phục vụ dạy và học tập	4	4	18	46	28
4. Phòng máy tính đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh	5	9	9	47	30
5. Chủng loại thiết bị dạy nghề phù hợp với nghề đào tạo	4	1	17	46	32
6. Thiết bị có công nghệ hiện đại, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp	8	4	12	49	27
7. Cán bộ phụ trách cơ sở vật chất nhiệt tình, có trách nhiệm, cung ứng kịp thời, đầy đủ vật tư giảng dạy	5	4	16	45	30
<b>Trung bình chung (%)</b>	<b>5,4</b>	<b>3,7</b>	<b>14,9</b>	<b>46,6</b>	<b>29,4</b>

Nguồn khảo sát

- Nhìn chung, cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc có quy mô nhỏ, mới được thành lập trong thời gian gần đây nên chưa đạt chuẩn theo quy định về diện tích đất xây dựng (diện tích hiện tại là 14.769 m<sup>2</sup> so với quy định là 30.000 m<sup>2</sup>), còn thiếu về cơ sở vật chất, nhà xưởng, nhưng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh. Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy nghề cơ bản chỉ đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của học sinh, học viên với quy mô hiện tại. Tuy nhiên, nhiều máy móc, trang thiết bị dạy nghề còn lạc hậu so với công nghệ hiện nay và chưa bắt kịp với nhu cầu phát triển của thực tiễn sản xuất nên kết quả đào tạo có sự chênh lệch so với yêu cầu của doanh nghiệp.

- Sự hài lòng chung của học sinh, học viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc



**Hình 2.11:** Sự hài lòng chung của người học về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Từ biểu đồ hình 2.11 cho thấy người học đánh giá khá cao về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường với tỷ lệ hài lòng chung chiếm 76% (đồng ý và hoàn toàn đồng ý).

#### ***2.5.4 Sự quan tâm của người dân thành phố đối với đào tạo nghề***

Thực tế hiện nay, người dân trong tỉnh nói chung và Châu Đốc nói riêng chưa mạnh dạn cho con em mình tham gia học nghề làm cho các cơ sở dạy nghề gặp nhiều khó khăn trong khâu tuyển sinh. Mặt khác đa phần học sinh tham gia học nghề trong những năm gần đây là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở không trúng tuyển vào lớp 10, với học lực và hạnh kiểm khá, trung bình nên đã phản ánh chất lượng đầu vào không tốt, điều này ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề.

Riêng các đối tượng tham gia học nghề trình độ sơ cấp và thường xuyên dưới 3 tháng hầu hết là lao động phổ thông, có trình độ học vấn thấp, ý thức chấp hành chưa cao nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo.

#### ***2.5.5 Môi trường xã hội***

Sự bùng nổ của thông tin đang là công cụ hữu hiệu giúp học sinh học tập tốt hơn thông qua việc dễ dàng tìm kiếm, cập nhật thông tin, tiếp cận nhanh chóng với tri thức nhân loại, tăng cường khả năng tự học, đa dạng hóa loại hình học tập, cơ hội học tập; mặt trái của nó là ảnh hưởng của các sản phẩm văn hóa độc hại, bạo lực tác động xấu đến đạo đức của học sinh và từ đó làm giảm chất lượng học tập. Bên cạnh đó, một số ít học sinh sa đà vào chơi game, các mạng xã hội,... dẫn đến việc không đến lớp thường xuyên, kết quả học tập yếu kém, dẫn đến chán học rồi bỏ học hoặc bị nhà trường đình chỉ học tập.

### **2.6 Đánh giá thực trạng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc giai đoạn 2014 - 2018**

#### ***2.6.1 Những thành quả đạt được và nguyên nhân***

##### ***2.6.1.1 Những thành quả đạt được***

Phát triển dạy nghề là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trong quá trình triển khai thực hiện, các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng và người dân đã "vào cuộc" cùng với Chính phủ. Trong đó, đào tạo nghề cho lao động nông thôn là chương trình huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị ở Trung ương và địa phương. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, các ngành, các địa phương đã có những hoạt động thiết thực, sáng tạo, tạo ra nhiều mô hình dạy nghề và hình thức giảng dạy

phù hợp. Một số mô hình bước đầu triển khai có hiệu quả. Hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn không chỉ huy động các cơ sở chuyên dạy nghề mà còn huy động được "chất xám" của các viện nghiên cứu, các trường đại học; huy động được sự tham gia giảng dạy của những lao động kỹ thuật từ các doanh nghiệp, những nghệ nhân trong các làng nghề,... Qua một số mô hình đào tạo nghề cho lao động vùng chuyên canh ở một số địa phương cho thấy, kỹ năng nghề của người nông dân được nâng lên, do đó năng suất lao động, chất lượng cây trồng và thu nhập đã tăng lên rõ rệt. Những kết quả bước đầu này đã tạo động lực để thu hút những lao động nông thôn khác tham gia các khóa đào tạo nghề được tổ chức tại địa bàn.

Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đã có nhiều quan tâm; công tác đào tạo nghề đạt được kết quả khả quan, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo, góp phần ổn định an ninh, chính trị tại địa phương.

#### a) Kết quả tuyển sinh

Từ năm 2014 - 2018, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã tuyển sinh đào tạo được 6.041 người (trong đó, trình độ trung cấp: 414 người; trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng: 6.041 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lũy kế so với tổng lực lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc (đến cuối năm 2018) đạt 68% (theo nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc).

#### b) Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của cơ sở dạy nghề trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

#### c) Hoạt động đào tạo

- Các ngành, nghề đào tạo của cơ sở dạy nghề được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

- Xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

- Hằng năm, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.



- Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

- Cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

- Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

- Cơ sở dạy nghề thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

- Hằng năm, có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

- Hằng năm, cơ sở dạy nghề có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

- Ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

- Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

- Hằng năm, thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận

tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

d) Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

- Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của đơn vị.

- Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ viên chức, người lao động tương đối đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề đều có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn sư phạm có kinh nghiệm làm quản lý giáo dục.

Hầu hết giáo viên cơ hữu của các cơ sở dạy nghề đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nghề giảng dạy, đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm và luôn có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ học sinh, có lắng nghe ý kiến và chia sẻ quan điểm với học sinh, có nghiệp vụ sư phạm và luôn giúp đỡ học sinh trong học tập,...

Đa phần giáo viên của cơ sở dạy nghề còn trẻ nên nhiệt tình trong công việc, có tinh thần cầu tiến, chịu khó học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá:

Phương pháp giảng dạy được đổi mới, lấy người học làm trung tâm.

Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và chương trình đào tạo, kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của học sinh và được công bố kịp thời,...

- Công tác giáo dục pháp luật, giáo dục phòng, chống tệ nạn xã hội phù

hợp; công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật học sinh nghiêm túc, được công khai, kịp thời và đúng đối tượng; hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với học sinh thiết thực, dân chủ,... Điều này cho thấy công tác quản lý đào tạo tương đối chặt chẽ, giúp nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

e) Chương trình, giáo trình

- Chương trình đào tạo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng.

- Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động.

- Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Việc xây dựng chương trình đào tạo nghề xuất phát từ nhu cầu của người học, nhu cầu của xã hội; đào tạo lao động có tay nghề cho các khu, cụm công nghiệp và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở có thể áp dụng phương pháp đào tạo tích cực, khuyến khích người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của mình.

Chương trình dạy nghề được định kỳ điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của doanh nghiệp và được hầu hết học sinh đánh giá là “hợp lý” về cơ cấu giữa các môn học, giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với nhu cầu của xã hội,...

k) Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

- Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

l) Quản lý tài chính

- Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

- Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

- Hằng năm, có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của đơn vị; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất

lượng các hoạt động của đơn vị.

m) Dịch vụ người học

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của đơn vị; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

- Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

- Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

- Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên đơn vị.

- Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

n) Giám sát, đánh giá chất lượng

- Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

- Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của đơn vị.

- Có biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

o) Chất lượng đầu ra

- Tỷ lệ học sinh, học viên tốt nghiệp so với số lượng học sinh, học viên dự thi là khá cao, trong đó trình độ trung cấp bình quân 5 năm đạt 82,43%, trình độ sơ

cấp và dạy nghề thường xuyên đạt 100%.

- Theo nhận định của cơ quan, doanh nghiệp thì học sinh tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn, có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nâng cao được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; có khả năng học tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề; có tính kỷ luật và tác phong theo yêu cầu của doanh nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, có kỹ năng làm việc nhóm; có thái độ lao động tương đối tốt, có trách nhiệm với công việc được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Tỷ lệ người học sau tốt nghiệp có việc làm khá cao và số học sinh có việc làm đúng với nghề được đào tạo ngày càng cao và có xu hướng gia tăng, điều này cho thấy việc đào tạo ngày càng gần với thực tế hơn, góp phần cải thiện chất lượng đào tạo, từ đó uy tín của các cơ sở đào tạo nghề được doanh nghiệp đánh giá cao.

#### *2.6.1.2 Nguyên nhân đạt được*

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, đồng thời được sự hỗ trợ của các phòng, ban của thành phố, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các phường, xã đối với công tác đào tạo nghề, trong đó chú trọng việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Trung ương và tỉnh ban hành nhiều chính sách mới, huy động nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao nguồn nhân lực, giải quyết tình trạng thất nghiệp và giảm nghèo.

- Chế độ trợ cấp cho người học nghề là đối tượng chính sách có điều chỉnh tăng nên đã tạo động lực cho họ khi tham gia học nghề.

- Chính phủ ban hành Nghị định 86/2015/NĐ-CP về chính sách học phí giúp học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở có điều kiện học nghề được tốt hơn, tạo việc làm, ổn định cuộc sống.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người lao động học nghề, giải quyết việc làm, cụ thể như: Chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh; miễn giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh trung cấp; chính sách hỗ trợ đào tạo

nghề theo đơn đặt hàng; chính sách hỗ trợ học nghề ngắn hạn cho các đối tượng đặc thù theo quy định.

- Hệ thống văn bản pháp quy được ban hành khá kịp thời giúp các cơ sở dạy nghề thuận lợi trong triển khai thực hiện.

- Công tác truyền thông ngày càng được quan tâm:

+ Các cơ sở dạy nghề thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân xã, phường tuyên truyền vận động người lao động tham gia học nghề thông qua các buổi họp dân, hội nghị sơ, tổng kết của địa phương. Ngoài ra, còn cử cán bộ đến tận xóm - ấp vận động lao động học nghề. Liên kết với các trường bạn tổ chức các lớp nghề phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động địa phương.

+ Công tác tuyên truyền về đào tạo nghề còn được các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú.

- Công tác phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau trung học cơ sở vào học trung cấp nghề từng bước được chú trọng. Nhận thức của người dân về đào tạo nghề có sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực hơn.

- Tuyển sinh dạy nghề được thực hiện thường xuyên trong năm, các hình thức dạy nghề theo địa chỉ, dạy nghề gắn với tạo việc làm được thực hiện khá tốt.

- Công tác đào tạo nghề được thực hiện đa dạng với nhiều hình thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Khi học nghề xong, người học có thể tự tạo việc làm tại địa phương hoặc được tư vấn giới thiệu việc làm ở các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Danh mục nghề ngắn hạn ngày càng phong phú và đa dạng giúp người lao động dễ chọn lựa ngành nghề phù hợp năng lực và trình độ học vấn.

- Trường Trung cấp nghề Châu Đốc có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tận tâm, nhiệt tình, vượt khó, luôn học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm hơn.

## **2.6.2 Những tồn tại, hạn chế**

### **2.6.2.1 Kết quả tuyển sinh đào tạo**

Kết quả tuyển sinh dạy nghề trong những năm gần đây chưa đạt chỉ tiêu của tỉnh giao (đặt biệt là trình độ trung cấp). Tỷ lệ học sinh bỏ học còn nhiều (khoảng 30%). Cơ cấu ngành nghề, các cấp trình độ chưa hợp lý (đào tạo ngắn hạn chiếm trên 90%).

### **2.6.2.2 Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động**

Các cơ sở dạy nghề chưa đảm bảo về số lượng giáo viên cơ hữu và chưa hợp lý về cơ cấu giữa các khoa và tổ chuyên môn nên còn xảy ra tình trạng thừa, thiếu giờ giảng so với giờ định mức. Phải thỉnh giảng giáo viên của các trường bạn, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật, nông dân sản xuất giỏi,... điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý đào tạo, cũng như chất lượng giảng dạy của các cơ sở dạy nghề.

Đội ngũ giáo viên của các cơ sở dạy nghề đa số là trẻ tuổi nên kinh nghiệm công tác, giảng dạy cũng như thực tế chưa nhiều nên cần phải tu dưỡng, rèn luyện thêm. Giáo viên có trình độ sau đại học còn chiếm tỷ lệ thấp (13,8%).

Hầu hết giáo viên dạy thực hành tại các cơ sở dạy nghề chưa có chứng chỉ Kỹ năng nghề Quốc gia nên kỹ năng thực hành vẫn còn những hạn chế nhất định, kinh nghiệm thực tế sản xuất trực tiếp còn hạn chế, điều này ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo.

Trình độ ngoại ngữ của đa số giáo viên còn yếu so với yêu cầu.

Đổi mới trong phương pháp giảng dạy và học tập cũng gặp không ít khó khăn tại các cơ sở đào tạo nghề vì chất lượng học sinh tại đây còn nhiều hạn chế, do đó việc đổi mới chỉ là khuyến khích chứ chưa mang tính bắt buộc. Phương pháp đánh giá kết quả học tập còn chậm đổi mới, chưa kết hợp tốt giữa kiểm tra kiến thức và đánh giá kỹ năng.

### **2.6.2.3 Chương trình, giáo trình**

- Chương trình đào tạo được xây dựng chưa bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo

dục quốc dân theo quy định.

- Chương trình đào tạo tuy có định kỳ cập nhật nhưng chưa thường xuyên, chưa có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp.

- Hệ thống giáo trình của các cơ sở đào tạo trên địa bàn còn rất hạn chế và ngay cả thư viện cũng chưa được xây dựng để học sinh có điều kiện nghiên cứu thêm tài liệu kiến thức chuyên ngành.

#### 2.6.2.4 Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

- Cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc có quy mô nhỏ, chưa đạt chuẩn theo quy định về diện tích đất xây dựng. Chưa đủ các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

- Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa chưa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

- Thiết bị đào tạo chưa đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành do cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương quy định.

- Chưa có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy nghề cơ bản chỉ đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của học sinh, học viên với quy mô hiện tại, nhiều máy móc, trang thiết bị dạy nghề còn lạc hậu so với công nghệ hiện nay và chưa bắt kịp với nhu cầu phát triển của thực tiễn sản xuất nên kết quả đào tạo có sự chênh lệch so với yêu cầu của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, việc bố trí kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy nghề còn hạn chế (nhất là các nghề trọng điểm), chưa đáp ứng kịp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp và việc đầu tư vẫn còn mang



tính giòn trải

#### 2.6.2.5 Quản lý tài chính

Ngân sách nhà nước là nguồn tài chính chủ yếu chi cho đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề công lập trên địa bàn thành phố Châu Đốc, các nguồn khác chỉ chiếm một phần nhỏ. Nhưng ngân sách nhà nước cấp rất hạn chế chưa đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của đơn vị.

#### 2.6.2.6 Giám sát, đánh giá chất lượng

- Chưa thường xuyên thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Công tác kiểm tra, giám sát đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên, đôi lúc còn mang tính hình thức; cán bộ kiểm tra chỉ là cán bộ kiêm nhiệm và chưa được tập huấn thường xuyên để nâng cao trình độ.

Công tác kiểm định chất lượng dạy nghề chưa được thực hiện.

#### 2.6.2.7 Người học

- Chất lượng đầu vào thấp. Học sinh đầu vào trình độ trung cấp có học lực trung bình chiếm một tỷ lệ rất cao 63,05%, thậm chí có cả học sinh có học lực yếu (chiếm 2,77%).

- Chất lượng đầu ra:

+ Về xếp loại tốt nghiệp: Đa phần học sinh trung cấp, học viên sơ cấp xếp loại tốt nghiệp khá và trung bình khá. Điều này cho thấy chất lượng đầu ra chưa thật sự tốt.

+ Khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc, tự mở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ của người học sau tốt nghiệp còn hạn chế.

+ Chuẩn đầu ra của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc còn chưa đáp ứng tốt yêu cầu của doanh nghiệp.

+ Theo nhận định của doanh nghiệp: Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao còn hạn chế, đặc biệt là kỹ năng làm việc nhóm, nhiều học sinh sau tốt nghiệp có tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa có nhiều sáng

tạo trong công việc được giao. Chất lượng của lao động đã qua đào tạo đạt mức trung bình, nhất là về kỹ năng thực hành thuần thục.

### **2.6.3 Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

#### **2.6.3.1 Về phía người học**

Chất lượng đầu vào của các cơ sở dạy nghề còn thấp:

- Đa phần học sinh tham gia học nghề trình độ trung cấp tốt nghiệp trung học cơ sở, có học lực trung bình, thậm chí là học sinh yếu, có ý thức tự học, tự hoàn thiện còn yếu và nhiều khi mang tính chất đối phó.

- Đa số lao động tham gia học có trình độ học vấn thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, lớn tuổi, khó tìm việc làm ở các doanh nghiệp nên mới tham gia học nghề sơ cấp và thường xuyên. Ngoài ra, tâm lý của các lao động ở nông thôn là vừa học nghề vừa phải có thu nhập ngay. Điều này làm hạn chế đến số lượng và chất lượng đầu vào của học viên ở các cơ sở đào tạo nghề.

#### **2.6.3.2 Về phía nhà trường**

- Đa số các cơ sở dạy nghề có quy mô nhỏ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Việc kết nối và duy trì mối quan hệ giữ cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp chưa thật sự tốt; một số doanh nghiệp cũng chưa chú trọng đến việc hợp tác đào tạo với các trường nghề, chưa chia sẻ hết các tiêu chuẩn nghề nghiệp mà họ đang cần để đưa vào chương trình đào tạo.

- Thời gian qua, tuy nhận thức về học nghề của người dân có nhiều chuyển biến tích cực, song việc rèn luyện về kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, kỹ năng sống đối với người học chưa được đơn vị đào tạo chú trọng đúng mức nhằm giúp cho người học nghề có khả năng thích nghi được với môi trường làm việc tại các công ty, doanh nghiệp sau khi được đào tạo.

- Cơ sở vật chất của cơ sở dạy nghề chưa được đầu tư hoàn chỉnh (mặc dù được xây dựng khá khang trang về trường sở nhưng thư viện, phòng thí nghiệm,... chưa được chú trọng đầu tư); trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho giảng dạy còn lạc hậu, chưa đồng bộ; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục nghề nghiệp còn thiếu về số lượng, chưa hợp lý về cơ cấu ngành nghề đào tạo và hạn chế về chất

lượng, nhất là kỹ năng thực hành nghề, ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy (phương pháp dạy học phần lớn là theo phương pháp truyền thống, không phát huy được tính sáng tạo của người học); chương trình, giáo trình chưa thường xuyên cập nhật, đổi mới nên chất lượng đào tạo còn hạn chế chưa đáp ứng kịp nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ và cơ cấu ngành nghề,...

- Nguồn tài chính hạn hẹp, chủ yếu là do ngân sách Nhà nước và ngân sách địa phương.

#### *2.6.3.3 Về phía doanh nghiệp và xã hội*

- Các doanh nghiệp mặc dù có nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật là rất lớn nhưng vẫn chưa thực sự chủ động, liên kết với các cơ sở đào tạo nghề để sử dụng các sản phẩm đầu ra này mà họ chỉ quan tâm đến tuyển lao động khi họ cần. Nhiều doanh nghiệp còn thiếu thiện chí trong việc hỗ trợ nhà trường tiếp học sinh thực tập.

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hiện nay chủ yếu tuyển dụng lao động phổ thông (chỉ cần biết đọc, biết viết) đã thu hút nhiều lao động đi làm ngay không cần phải qua đào tạo.

- Do xã hội còn xem trọng khoa cử, bằng cấp, còn có cái nhìn chưa đúng đắn về việc học nghề, vẫn coi học nghề là hướng đi cuối cùng, mặc dù nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học ra trường không có việc làm hoặc có việc làm không đúng chuyên ngành nhưng đa phần phụ huynh đều muốn con em vào đại học, đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyển sinh học nghề.

#### *2.6.3.4 Về phía nhà nước và địa phương*

- Công tác phân luồng học sinh trung học cơ sở đi học nghề thực hiện chưa hiệu quả.

- Tỉnh chưa có chính sách ưu đãi để thu hút nguồn giáo viên về các trường dạy nghề nên công tác tuyển dụng giáo viên của trường gặp khó khăn.

- Tiến độ triển khai các dự án đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trong tỉnh chậm nên chưa tạo được nhiều việc làm cho người lao động. Thành phố Châu Đốc không có khu, cụm công nghiệp và người lao động đa số không chịu đi làm xa

nên việc đào tạo nghề chủ yếu là các nghề có thời gian đào tạo ngắn, theo nhu cầu tại chỗ và mang tính thời vụ nên việc tạo việc làm sau đào tạo chưa thật sự bền vững.

- Cơ chế, chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn được ban hành còn bất cập mà cụ thể là thù lao giáo viên còn quá thấp.

- Ngân sách Nhà nước bố trí cho dạy nghề nói chung và dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng chưa tương xứng với yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề. Bố trí kinh phí để xây dựng các chương trình, giáo trình còn hạn chế.

- Chưa có sự vào cuộc quyết liệt của lãnh đạo chính quyền ở một số địa phương; công tác điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu dạy nghề nói chung và dạy nghề cho lao động nông thôn nói riêng còn gặp nhiều khó khăn,... Hầu hết cán bộ, giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn chưa được biên chế mà chủ yếu là hình thức hợp đồng nên chưa thật sự tâm huyết với nghề đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Công tác giám sát, đánh giá cũng như tuyên truyền cho người dân theo học các lớp đào tạo nghề ở nông thôn còn yếu,... Ở cơ sở, chưa có cán bộ chuyên trách về công tác dạy nghề mà chủ yếu là kiêm nhiệm và lại thường xuyên thay đổi nên công tác phối hợp đào tạo nghề đạt kết quả chưa cao.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác dạy nghề đã phát huy được hiệu quả trong thời gian qua. Tuy nhiên, vẫn còn chưa thực sự sâu sát, chặt chẽ, đồng bộ như: trong công tác tuyên truyền, kết nối dữ liệu tuyển sinh giữa các trường, nhu cầu đào tạo; công tác kiểm tra, giám sát.

- Công tác tuyên truyền, vận động người lao động tham gia học nghề và tư vấn nghề nghiệp chưa được chú trọng đúng mức, nên khó khăn trong việc xác định nhu cầu đào tạo, hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau đào tạo.

- Nhà nước chưa có lộ trình bắt buộc các doanh nghiệp phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề trong đào tạo cung ứng lao động, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí cho học sinh, hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ chậm được chi trả; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới tinh phân bổ chậm nên các cơ sở dạy nghề không chủ động được trong việc thực hiện ký hợp đồng đào tạo nghề lao động nông thôn.

- Cơ chế chính sách đầu tư và phát triển hệ thống các cơ sở dạy nghề chưa thật hợp lí: Việc phát triển nhanh các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh nhưng thiếu qui hoạch về nghề đào tạo và đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã làm cho cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính và nguồn lực của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh khó ổn định.

## **Tóm tắt chương 2**

Trên cơ sở lý luận đã trình bày ở chương 1, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc, tác giả đã khái quát kết quả đào tạo nghề trong những năm qua tại thành phố Châu Đốc thông qua số liệu báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc, các cơ sở dạy nghề và kết quả khảo sát từ 100 học sinh, 20 công ty, doanh nghiệp sử dụng lao động về số lượng và chất lượng đào tạo như: kết quả học tập; tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học. Đồng thời, tác giả cũng phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc như: chủ trương của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc; yếu tố đầu vào; hoạt động đào tạo; sự quan tâm của người dân thành phố Châu Đốc đối với đào tạo nghề. Qua đó tác giả đã đánh giá những thành quả đạt được; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc trong thời gian tới.

## **Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

### **3.1 Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Châu Đốc**

- Huy động tối đa các nguồn nội lực, kết hợp với tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, thương mại - dịch vụ và coi du lịch là kinh tế mũi nhọn của Châu Đốc, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các xã, phường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý, đảm bảo phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, môi trường cho phát triển du lịch.

- Gắn phát triển kinh tế với phát triển hệ thống đô thị và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng.

- Phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

### **3.2 Quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề**

#### ***3.2.1 Quan điểm***

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc về nâng cao chất lượng đào tạo nghề:

- Đổi mới cơ bản và toàn diện, tạo sự đột phá về chất lượng đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo chất lượng cao; phát triển quy mô tương ứng với các điều kiện đảm bảo chất lượng; đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các cấp trình độ đào tạo; xây dựng hệ thống nghề mở, linh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng người học. Đổi mới dạy nghề theo hướng gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động và xã hội, chuyển mạnh đào tạo gắn kết với việc làm và tạo việc làm bền vững, xuất khẩu lao động và an sinh xã hội. Tạo điều kiện thu hút mọi nguồn lực của xã hội để đổi mới và nâng cao chất lượng dạy nghề; tăng cường khả năng tự chủ của các cơ sở

dạy nghề công lập.

- Phát triển dạy nghề phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; với tiến bộ khoa học và công nghệ. Chuyển phát triển dạy nghề từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển dạy nghề, đồng thời dạy nghề phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển.

- Phải đào tạo theo nhu cầu người học và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành và của địa phương.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải được đặc biệt coi trọng nhất là đối tượng chính sách, đối tượng bị thu hồi đất, nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

### **3.2.2 Mục tiêu**

#### *3.2.2.1 Mục tiêu tổng quát*

Căn cứ mục tiêu chung của giáo dục nghề nghiệp (Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13), tác giả đề xuất mục tiêu tổng quát như sau:

- Nâng cao chất lượng dạy nghề, mở rộng quy mô, đảm bảo sự phù hợp về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đặc biệt là đội ngũ lao động có kỹ năng nghề cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy nghề nhằm tạo việc làm tăng thu nhập cho lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế nhằm phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội và thực thi công vụ.

#### *3.2.2.2 Mục tiêu cụ thể*

Từ mục tiêu tổng quát, tác giả đề xuất mục tiêu cụ thể như sau:

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc trong những năm tới theo hướng:

+ Nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào.

+ Xây dựng chương trình đào tạo nghề xuất phát từ nhu cầu của người học, nhu cầu của xã hội và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; phù hợp với nhu cầu thực tiễn và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của doanh nghiệp.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong quản lý. Giáo viên cơ hữu đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với nghề giảng dạy, có tinh thần học tập nâng cao trình độ, có phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ học sinh, lấy học sinh làm trung tâm. Đội ngũ cán bộ, giáo viên dạy nghề đảm bảo về số lượng, hợp lý về cơ cấu.

+ Đào tạo học sinh tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn, có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nâng cao được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; có khả năng học tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề; có tính kỷ luật và tác phong theo yêu cầu của doanh nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, có kỹ năng làm việc nhóm; có thái độ lao động tốt, có trách nhiệm với công việc được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Phần đầu trong giai đoạn 2019 - 2023 các cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc đào tạo được 8.490 học sinh, học viên.

Đến năm 2025, quy mô tuyển sinh đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc khoảng 2.100 học sinh, học viên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 75%.

### **3.3 Định hướng và những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc**

#### ***3.3.1 Định hướng giải pháp***

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, quan điểm và mục tiêu về nâng cao chất lượng đào tạo nghề, việc xây các giải pháp cần đảm bảo một số định hướng:

- Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi: Các giải pháp phải cụ thể hóa được chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

- Bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất: Các giải pháp phải có cấu trúc hợp



lý, tiếp cận theo quan điểm hệ thống. Đào tạo nghề là cả một quá trình, bao gồm nhiều cấu phần tương tác lẫn nhau; không giải quyết đồng bộ, thống nhất, hợp logic sẽ có thể phá vỡ kết cấu, đem lại sự rối loạn chứ không phải khởi dậy tiềm năng để phát triển.

### **3.3.2 Những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề**

#### **3.3.2.1 Giải pháp về phát triển hệ thống đào tạo nghề**

Để đảm bảo chất lượng dạy nghề trước hết cần phát triển một hệ thống cơ sở dạy nghề có chất lượng, đáp ứng được nhu cầu phát triển của kinh tế - xã hội địa phương, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

##### **a) Thu hút đầu tư của xã hội vào dạy nghề**

- Có cơ chế, chính sách thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư cho đào tạo nghề, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa ba bên: Cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề, các cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp.

- Quy định cụ thể và có tính khả thi về trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc dạy nghề, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho lao động.

##### **b) Quy hoạch, sắp xếp các cơ sở dạy nghề**

- Cần rà soát, sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nhân lực của địa phương.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề, cần xây dựng các chính sách về khuyến khích đầu tư, ưu đãi về giao đất, ưu đãi về thuế, vay vốn, hỗ trợ nâng cao năng lực,... để các tổ chức và cá nhân tham gia vào sự nghiệp đào tạo nghề.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về dạy nghề từ tỉnh đến huyện. Có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong công tác đào tạo nghề.

- Xây dựng chính sách phát triển dạy nghề trong các làng nghề, tạo cơ hội được học nghề và có việc làm cho lao động nông thôn đặc biệt là các đối tượng chính sách như: hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số,... Việc xây dựng các chính sách này cũng giúp cho các cơ sở dạy nghề định hình được không gian phát

triển, khả năng mở rộng hoạt động, có hình thức dạy nghề linh hoạt, tiết kiệm chi phí cho cơ sở và người học, nâng cao hiệu quả dạy nghề.

### 3.3.2.2 *Giải pháp nâng cao chất lượng đầu vào*

#### a) **Đẩy mạnh công tác truyền thông**

Tập trung tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về dạy nghề: Chính sách dạy nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số, bộ đội xuất ngũ, chính sách dạy nghề cho người nghèo, dạy nghề cho phụ nữ, cho người tàn tật, dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn. Đổi mới tuyên truyền, gắn đổi mới công tác đào tạo nghề với khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; giúp người lao động nhận thức được lợi ích của việc học nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

Các cơ sở đào tạo phải tự chủ động tuyên truyền tuyển sinh về ngành nghề, đối tượng tuyển sinh. Cần tập trung vào các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động cần nhân lực; Các bạn đã học nghề thành danh; Phụ huynh, học sinh và cả giáo viên giảng dạy, giáo viên chủ nhiệm,... Bởi những đối tượng này sẽ xác định hướng đi của các em nhiều hơn.

Phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dạy nghề, chú trọng đến các hoạt động, sự kiện nổi bật trong năm của đào tạo nghề; mở các chuyên trang, chuyên mục về đào tạo nghề; chủ động viết bài đưa tin về đào tạo nghề trên các ấn phẩm,...

Chủ động tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh, ngày hội tuyển sinh,... về đào tạo nghề do các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức trên các địa bàn; tuyên truyền qua internet, mạng xã hội, kênh truyền hình trực tuyến,... về các hoạt động của các cơ sở dạy nghề, khuyến khích nhà giáo, học sinh, học viên tuyên truyền quảng bá về các hoạt động trong nhà trường; xây dựng các nội dung tuyên truyền về dạy nghề phù hợp với địa bàn tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh,...

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề cho người lao động, nhất là lao động vùng nông thôn, tổ chức thông tin tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng và phối hợp các sở, ngành, đoàn thể thông báo sâu rộng cho

người dân am hiểu về nghề nghiệp, về các cơ sở dạy nghề, nhằm nâng cao nhận thức của xã hội đối với công tác dạy nghề từ đó nâng dần chất lượng đầu vào.

Thông tin đầy đủ về ngành, nghề đào tạo, chính sách hỗ trợ, việc làm sau khi tốt nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của các trường, trung tâm dịch vụ việc làm để học sinh, phụ huynh, người lao động hiểu rõ và lựa chọn.

#### b) Tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp

Cơ sở đào tạo cần định hướng sớm cho người học về ngành nghề, không chỉ dựa trên các yếu tố bên ngoài như định hướng của gia đình, ngành nghề có nhiều lựa chọn khi xin việc,... mà còn dựa vào năng lực của bản thân, những điểm mạnh, sở thích cá nhân,... để có thể phát huy trong quá trình học tập, đồng thời cung cấp cho người học tất cả các thông tin cần thiết cho quá trình học tập, trong đó có định hướng nghề nghiệp cho người học khi ra trường bằng cách đưa ra các chương trình đào tạo có chất lượng và phù hợp giúp đảm bảo cơ hội việc làm.

Phối hợp ủy ban nhân dân cấp xã, phường, các đoàn thể và doanh nghiệp tư vấn học nghề nghiệp gắn với việc làm cho người lao động.

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, ban giám hiệu các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông thông tin về thị trường lao động, chính sách đào tạo nghề và ngành, nghề tuyển sinh của cơ sở đào tạo để lãnh đạo các trường thông tin đến học sinh.

Tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp với sự tham gia của lãnh đạo, giáo viên, phụ huynh học sinh của các lớp cuối cấp của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, học sinh của các trường đã tốt nghiệp đang làm việc và các doanh nghiệp tuyển dụng lao động để các bên giao lưu, gặp gỡ nhằm tạo niềm tin trong việc học nghề và tạo việc làm.

#### c) Đẩy mạnh công tác phân luồng

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện phân luồng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông đi học nghề phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh gia đình và cần có một quá

trình triển khai ở các trường để học sinh hình thành được nhận thức về ý nghĩa của công tác phân luồng

- Phải nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phân luồng, hướng nghiệp:

+ Phải làm thay đổi căn bản nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục về vị trí, vai trò của công tác phân luồng, hướng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Phải đảm bảo có 100 % học sinh được tiếp cận phân luồng, hướng nghiệp. Đồng thời, phải làm thay đổi được tâm lý khoa cử nặng nề của phụ huynh.

+ Thực hiện phân luồng chuyên sâu, phù hợp với từng nguyện vọng nghề nghiệp của học sinh:

Cần kiên trì, chịu khó, hết lòng với học sinh, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, sở trường, năng lực từng em. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng từ trung học cơ sở để học sinh có định hướng về nghề nghiệp sau tốt nghiệp trung học cơ sở, khi vào lớp 10 phải đăng kí nguyện vọng để trường có giải pháp giúp học sinh đạt được mục tiêu sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Nắm bắt nguyện vọng nghề nghiệp và tiến hành phân luồng học sinh từ năm học lớp 10 của cấp học, xây dựng kế hoạch phân luồng theo khóa học đối với học sinh trung học phổ thông: Không phải từ năm học lớp 12, mà ngay đầu năm học lớp 10, các trường nên tiến hành khảo sát nguyện vọng nghề nghiệp tương lai của các em để nắm nhu cầu nghề nghiệp của học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông. Từ kết quả này nhà trường xây dựng kế hoạch phân luồng hướng nghiệp cho từng khóa học sinh. Tiếp tục phân luồng ở các năm lớp 11, 12 để học sinh ý thức về nghề nghiệp được rõ ràng hơn.

- Thay đổi nhận thức của cán bộ quản lý đối với công tác phân luồng, hướng nghiệp; đặt đúng vị trí công tác phân luồng, hướng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ của các trường phổ thông:

Nhận thức của người cán bộ quản lý phải thay đổi và phải đặt công tác phân luồng, hướng nghiệp là một trong các nhiệm vụ quan trọng của năm học. phát động phong trào thi đua phân luồng, hướng nghiệp tốt. Các trường trung học phổ thông phải lo đầu ra cho học sinh, tư vấn, hướng dẫn, định hướng cho các em có sự

lựa chọn nghề nghiệp phù hợp sở trường, năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội. Nếu sự lựa chọn này đúng chúng ta không chỉ giải quyết một bài toán nhỏ là đáp ứng được nguyện vọng của các em học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông mà nó khởi đầu cho việc giải quyết bài toán lớn cho xã hội: Bài toán mất cân đối cung cầu của thị trường lao động, bài toán lãng phí trong đào tạo từ đó góp phần giải quyết bài toán tầm vĩ mô là ổn định xã hội, phát triển kinh tế đất nước, địa phương, nâng cao đời sống của nhân dân.

#### d) Đa dạng hình thức đào tạo

Đa dạng hình thức đào tạo cũng là một biện pháp thu hút nhiều thí sinh tham gia dự tuyển và học tập. Việc đa dạng hóa hình thức đào tạo bao gồm chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo lưu động tại xã, phường và đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

Xây dựng chương trình học liên thông: Một nguyên nhân dẫn đến chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường đào tạo nghề thấp xuất phát từ mong muốn của các bậc phụ huynh và học sinh là “Phải học đại học” nên họ đã quay lưng lại với học nghề. Vì vậy việc xây dựng và thực hiện chương trình học liên thông sẽ cải thiện đáng kể kết quả tuyển sinh của các trường nghề. Mở rộng cơ hội cho học sinh có thể học ở các hệ cao hơn, hoặc liên kết với các trường trọng điểm để tổ chức liên thông.

#### 3.3.2.3 Giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo

Hệ thống dạy nghề phát triển, chất lượng đầu vào được nâng lên nhưng nếu tổ chức quá trình đào tạo không tốt thì cũng không cải thiện được chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề. Do vậy, cần có những giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng tổ chức quá trình đào tạo. Từ đó đề xuất một số giải pháp sau:

##### a) Nguồn tài chính

- Giải pháp về vốn:

Với mục tiêu tăng cường đầu tư để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực thì đào tạo nghề cho người lao động cũng cần nhận được mức đầu tư thích đáng:

+ Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, tỉnh để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở dạy nghề.

+ Kêu gọi toàn xã hội đóng góp cho sự phát triển của dạy nghề. Có cơ chế, chính sách thu hút vốn từ tư nhân vào hoạt động đào tạo nghề như: ưu đãi về cơ sở hạ tầng (cho thuê đất, miễn thuế sử dụng đất, chính sách tín dụng ưu đãi, miễn, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị dạy nghề,...).

+ Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực đào tạo nghề, nhất là quá trình chuyển giao công nghệ.

+ Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn đào tạo nghề (vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, học phí, vốn tư nhân, vốn ODA, vốn vay và viện trợ của nước ngoài).

+ Tập trung nguồn vốn ngân sách để đầu tư phát triển nghề trọng điểm cấp Quốc gia.

+ Có lộ trình phù hợp về cơ chế tự chủ về tài chính vừa là động lực để các cơ sở dạy nghề mạnh dạn đầu tư phát triển vừa là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động.

- Giải pháp về đất đai:

Tạo quỹ đất để phát triển và mở rộng các cơ sở dạy nghề trên cơ sở qui hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề được phê duyệt.

b) Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo

Xây dựng các chương trình đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất:

- Nắm bắt được nhu cầu, xác định ngành nghề đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển nhân lực của địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất để xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp. Mục tiêu, nhiệm vụ được thể hiện thành mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa thành chuẩn đầu ra của các chương trình nghề đào tạo sao cho phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của địa phương và doanh nghiệp. Có như thế học sinh, học viên tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo nghề mới đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng nhân lực có chất lượng cao của doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm cho người học sau đào tạo.

Khi thiết kế mục tiêu đào tạo, phải chú trọng đến khả năng lao động nghề nghiệp của người học để lựa chọn cấp độ, mục tiêu, thời lượng và mô hình đào tạo

cho phù hợp. Thời lượng đào tạo không được quá dài và khả năng có được việc làm sau khi học nghề là cần thiết. Nên vận dụng mô hình đào tạo theo năng lực thực hiện, vì đây là mô hình thích hợp để tiếp cận đối với lao động có trình độ học vấn hạn chế.

Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng mục tiêu đào tạo, thiết kế nội dung chương trình, phương thức đào tạo cho phù hợp với nghề, nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp. Khi điều chỉnh chương trình cần đi khảo sát thực tế kết hợp với tham khảo ý kiến của cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp hoặc những nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân có uy tín và kinh nghiệm lâu năm trong nghề.

- Khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động ở địa phương, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và những đòi hỏi của thực tiễn sản xuất để rà soát điều chỉnh bổ sung nghề đào tạo cho phù hợp với kế hoạch phát triển nhân lực và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khi xây dựng chương trình đào tạo thì các cơ sở dạy nghề phải bám sát nhu cầu của các doanh nghiệp, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động, người học tốt nghiệp đã đi làm, để cải tiến hoàn thiện chương trình, môn học, mô đun thực hành nghề phù hợp yêu cầu mới của thị trường lao động.

- Việc bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo được tiến hành từ việc phân tích nghề, phân tích công việc và hoạt động của người tốt nghiệp trong quá trình hành nghề tại đơn vị sử dụng lao động. Trên cơ sở đó xác định hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết mà nghề đòi hỏi ở người lao động trong quá trình hành nghề. Từ đó xác định mục tiêu và các nội dung cần thiết phải dạy cho người học để đảm bảo sau khi tốt nghiệp họ có thể đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, thực tiễn sản xuất và thị trường lao động, đồng thời đảm bảo chuẩn đầu ra về năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các cấp trình độ theo quy định của Bộ lao động, Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

+ Đào tạo trình độ sơ cấp yêu cầu người học sau khi tốt nghiệp phải có kiến thức thực tế và lý thuyết về một số nội dung trong phạm vi của một nghề đào tạo; kiến thức phổ thông về tự nhiên, văn hóa, xã hội và pháp luật; kiến thức cơ bản

về công nghệ thông tin; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để có thể làm việc độc lập trong các điều kiện ổn định và môi trường quen thuộc.

+ Đào tạo trình độ trung cấp yêu cầu người học sau khi tốt nghiệp phải có năng lực thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, cụ thể:

Kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo; kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn; kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin; kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm, làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn; đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo, phối hợp tuyển sinh, phụ trách đào tạo thực hành và tiếp nhận học sinh tốt nghiệp. Các trường đẩy mạnh hợp tác đào tạo theo đặt hàng với doanh nghiệp. Hướng đến doanh nghiệp và nhà trường cùng thống nhất chương trình đào tạo, cùng tuyển sinh, cùng đào tạo để doanh nghiệp có đủ nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Việc hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo sẽ mang lại nhiều lợi ích:

+ Lợi ích đối với cơ sở dạy nghề: Sự hợp tác với các doanh nghiệp tạo cơ hội cho các cơ sở dạy nghề huy động nguồn lực từ doanh nghiệp để tăng quy mô và



chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong điều kiện nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước còn hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu phát triển dạy nghề thì hình thức hợp tác này ngày càng được phát huy hiệu quả.

+ Lợi ích đối với người học: Thông qua sự hợp tác, người học nghề bên cạnh tiếp thu được các kiến thức tại cơ sở dạy nghề, mà còn được phát triển kỹ năng nghề nghiệp thông qua thực tập tại doanh nghiệp. Qua đó, người học còn được làm quen với máy móc, thiết bị và công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, nên rút ngắn được giai đoạn thử việc khi vào làm việc tại doanh nghiệp.

- Mặt khác, theo chủ trương tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong các khu công nghiệp nói riêng sẽ đổi mới mạnh mẽ. Đầu tư trang thiết bị và công nghệ mới đòi hỏi phải có đội ngũ nhân lực có trình độ, có kỹ năng phù hợp. Do vậy, đào tạo nghề phải đổi mới mạnh mẽ, trên cơ sở đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, đổi mới phương thức đào tạo hướng tới hình thành năng lực cho người học đáp ứng những nhu cầu cơ bản của doanh nghiệp.

Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tăng kỹ năng nghề cho người học sát với thực tế yêu cầu công việc, quan tâm tới công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp cho người học. Tạo điều kiện cho người học nghề được thực tập thực tế tại các doanh nghiệp. Bởi một chương trình đào tạo chất lượng có vai trò quyết định cho chất lượng đầu ra.

#### c) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên là người trực tiếp giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn và tổ chức cho học sinh lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo. Chất lượng đội ngũ này là một trong những nhân tố quan trọng quyết định trực tiếp chất lượng đào tạo. Do đó:

- Xây dựng đội ngũ giáo viên cơ hữu đủ về số lượng, có cơ cấu hợp lý và đạt chuẩn quy định. Có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ và tâm huyết với công tác dạy nghề. Đổi mới các khâu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng giáo viên dạy nghề.

- Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn theo quy định. Nội dung bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cần tập trung vào các kỹ năng và phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy tích hợp lý thuyết với thực hành.

Hoạt động bồi dưỡng giáo viên cần được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, có những hình thức bồi dưỡng trực tiếp mang tính tổ chức chính quy như: tham dự các khóa học, khóa tập huấn bồi dưỡng, hội thảo khoa học,... và những hình thức mang tính chất gián tiếp như: bồi dưỡng từ xa qua mạng internet, tài liệu hướng dẫn.

- Hình thành khối liên kết các cơ sở dạy nghề trong tỉnh để có sự đồng thuận đầu tư cho các nghề thế mạnh, hợp tác cùng đào tạo, để tận dụng có hiệu quả lợi thế so sánh của từng cơ sở dạy nghề, cũng như hỗ trợ nhau trong việc sử dụng giáo viên giỏi. Các trang thiết bị cần được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ, có lộ trình theo thứ tự ưu tiên nhưng phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tránh tình trạng lạc hậu, manh mún,...

- Có kế hoạch hợp tác với các doanh nghiệp để bố trí giáo viên dạy nghề trải nghiệm thực tiễn sản xuất, sử dụng máy móc, công nghệ hiện đang phổ biến trong sản xuất, dịch vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy cho học sinh; đảm bảo cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng mà thị trường lao động cần cũng như không bỏ lỡ giữa công nghệ, thiết bị đang giảng dạy với công nghệ, thiết bị đang phổ biến trong nền kinh tế.

- Có chế độ khuyến khích các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao của doanh nghiệp tham gia làm giáo viên giảng dạy thực hành.

- Thực hiện các chính sách đãi ngộ để thu hút giáo viên giỏi, đồng thời đào tạo đội ngũ giáo viên mới. Đối với sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi có ngành nghề đào tạo phù hợp được ưu tiên xét tuyển vào các trường dạy nghề. Đồng thời có chính sách ưu đãi đối với các sinh viên của tỉnh đang theo học tại các trường Đại học, Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật để thu hút lực lượng này về làm giáo viên tại các cơ sở dạy nghề.

- Có chính sách giữ chân những giáo viên giỏi thông qua việc tạo môi

trường giảng dạy thân thiện, tích cực; chế độ tiền lương và thu nhập thỏa đáng; có chính sách hỗ trợ tiếp tục học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên.

- Tổ chức hội giảng giáo viên dạy nghề nhằm khuyến khích giáo viên dạy nghề nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trao đổi kinh nghiệm, phát hiện các phương pháp dạy hay, đồ dùng, thiết bị dạy học có hiệu quả để phổ biến trong toàn ngành. Đồng thời, đây cũng là dịp để đánh giá năng lực thực tế của đội ngũ giáo viên dạy nghề, từ đó giúp các cấp quản lý có chính sách hợp lý để bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề, góp phần đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ của các doanh nghiệp hiện nay.

- Khuyến khích giáo viên tham gia hội thi thiết bị tự làm nhằm nâng cao tay nghề của giáo viên, phù hợp với chương trình đào tạo, đồng thời tiết kiệm được chi phí mua sắm thiết bị trong điều kiện tài chính khó khăn của các cơ sở dạy nghề.

- Kiểm tra đánh giá năng lực của giáo viên bằng cách đánh giá năng lực đầu ra của học sinh có đạt được các tiêu chuẩn đầu ra của nhà trường và đáp ứng được yêu cầu xã hội hay không.

Định kỳ rà soát quy hoạch cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề để có kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực; bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và phù hợp với năng lực, sở trường, phát huy khả năng làm việc và tiềm năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên.

#### d) Đổi mới phương pháp giảng dạy

Việc áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng là học sinh, học viên và điều kiện hiện có về cơ sở vật chất, thiết bị của các cơ sở đào tạo nghề là thật cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

- Thường xuyên rà soát các môn học, mô đun đào tạo của từng nghề để áp dụng phương pháp dạy học cho phù hợp.

- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung, yêu cầu giảng dạy. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giảng dạy.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên có lòng nhiệt tình, chịu khó, kiên trì, biết áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho từng đối tượng người học. Biết phân

loại người học để lựa chọn phương pháp giảng dạy cho phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo, khả năng tự học, tự đánh giá và năng lực tìm và tự tạo việc làm.

- Giáo viên chú trọng rèn luyện tính kỷ luật cho người học từ các buổi học ban đầu, kết hợp lồng ghép dạy thái độ vào từng kỹ năng nghề cụ thể và thông qua việc thực hiện nghiêm túc các qui định, qui chế sử dụng máy móc, trang thiết bị và vệ sinh an toàn lao động trong xưởng thực hành, nhằm hình thành những thói quen công nghiệp cho người học trước khi bước vào môi trường rèn luyện tác phong kỷ luật thực thụ tại doanh nghiệp.

- Chú trọng nâng cao khả năng thực hành cho học sinh bằng việc mang các bài giảng từ trường học đến nơi làm việc thông qua các cuộc thực tế, thực hành, trao đổi với các doanh nghiệp, để học sinh được học tập và giải quyết các tình huống thực tại doanh nghiệp, tổ chức.

- Đổi mới và vận dụng các phương pháp dạy học mới góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Yêu cầu giáo viên dạy nghề áp dụng các tiến bộ về khoa học sư phạm, đặc biệt áp dụng tiến bộ công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Tổ chức tốt các Hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp cơ sở và cấp tỉnh để giáo viên nâng cao trình độ nghiệp vụ và tiếp thu những điển hình tiên tiến trong giảng dạy. Đồng thời chọn cử giáo viên dạy nghề giỏi cấp tỉnh tham gia Hội giảng giáo viên dạy nghề toàn quốc để học hỏi kinh nghiệm nâng cao trình độ.

e) Đổi mới cách đánh giá kết quả học tập

- Cần đổi mới phương pháp thi cử, đánh giá kết quả học tập; kết hợp giữa kiểm tra kiến thức và đánh giá kỹ năng, cần đảm bảo từng bước, từng giai đoạn kiểm tra, đánh giá là chính xác, khách quan (áp dụng các tiêu chuẩn ISO trong đảm bảo chất lượng). Quá trình đánh giá cần chú trọng đến các yếu tố tích cực, sáng tạo của học sinh nhưng cũng cần khẳng định được các kiến thức, kỹ năng nền tảng mà học sinh thu nhận được.

- Đánh giá chính xác kết quả học tập của người học để có các biện pháp nâng cao năng lực, phẩm chất của người học theo “chuẩn đầu ra” đã xác định, đảm bảo cho người học tốt nghiệp có đủ năng lực thực hành nghề, đáp ứng yêu cầu của

doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất, trên cơ sở đó củng cố niềm tin của nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người lao động ở địa phương về chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập của người học, qua đó bồi dưỡng thêm cho các học sinh, học viên yếu. Thực hiện nghiêm túc qui trình thi tốt nghiệp và cấp bằng, chứng chỉ nghề. Đề thi và kiểm tra phải sát hợp với mục tiêu của từng mô đun giảng dạy và chuẩn đầu ra đã xác định trong chương trình đào tạo.

#### f) Nâng cao năng lực quản lý, giám sát

- Xây dựng và định kỳ rà soát quy hoạch cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề để có kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực; bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và phù hợp với năng lực, sở trường, phát huy khả năng làm việc và tiềm năng sáng tạo của cán bộ. Xây dựng định mức làm việc đối với giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý.

- Công tác tổ chức giám sát giảng dạy là một việc làm cần thiết, đòi hỏi cán bộ quản lý phải thật nhiệt tình và có đủ kiến thức chuyên môn. Công tác kiểm tra và giám sát giảng dạy phải tiến hành thường xuyên, không hình thức, gắn với việc khen thưởng kịp thời.

- Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo:

+ Giải pháp này sẽ giúp thể chế hóa các hoạt động của bộ phận, bộ môn bằng các qui trình và văn bản cụ thể, khắc phục nhưng chùng chéo, nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý quá trình đào tạo, phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

+ Mỗi bộ phận chức năng, cá nhân phải xây dựng bảng mô tả công việc, nhiệm vụ quyền hạn và đưa ra được các tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng cụ thể cho từng bộ phận và cá nhân để mỗi người hiểu rõ được nhiệm vụ và công việc của mình, để họ chủ động, tự giác và sáng tạo trong việc thực thi nhiệm vụ.

#### h) Đầu tư chuẩn hóa cơ sở vật chất

Cơ sở dạy nghề phải đầu tư cơ sở vật chất (phòng học, nhà xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện, hội trường,...) đạt chuẩn theo quy định; đầu tư

máy móc trang thiết bị dạy nghề một cách đồng bộ, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cho từng nghề hoặc nhóm nghề, phù hợp với công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để đáp ứng yêu cầu thực hành theo chương trình đào tạo.

Mở rộng liên kết đào tạo để tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như đội ngũ giáo viên giữa các cơ sở dạy nghề và các doanh nghiệp

Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thay thế những thiết bị đã hư hỏng. Hàng năm, phải có kế hoạch sửa chữa hệ thống trường lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng,... theo chương trình đào tạo đã đặt ra.

Tranh thủ nguồn vốn ngân sách trung ương để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề

#### *3.3.2.4 Giải pháp nâng cao chất lượng đầu ra*

- Xây dựng chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo theo quy định của khung trình độ quốc gia.

- Thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề và đổi mới phương thức quản trị nhà trường:

+ Cử cán bộ, giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên; thực hiện tự kiểm định và kiểm định chất lượng. Tập huấn cho cán bộ, nhà giáo về đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường.

+ Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đơn vị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dạy và học; coi ứng dụng công nghệ thông tin là đòn bẩy tạo sự đột phá về chất lượng trong đào tạo nghề và trong quản lý; áp dụng mô hình quản trị đối với các cơ sở dạy nghề tự chủ như mô hình quản trị doanh nghiệp.

- Gắn kết đào tạo nghề với doanh nghiệp:

Xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với cộng đồng doanh nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với hoạt động của các cơ sở dạy nghề, góp phần nâng cao chất lượng đầu ra bởi:

+ Liên kết với doanh nghiệp tạo cơ hội cho học sinh các cơ sở dạy nghề có nơi thực tập, có điều kiện làm quen với máy móc, thiết bị, công nghệ mới trong sản

xuất, có thể tìm được việc làm sau khi ra trường mà không cần nhiều thời gian để doanh nghiệp đào tạo lại.

+ Liên kết với doanh nghiệp cũng giúp các cơ sở đào tạo nghề được hưởng lợi từ thế mạnh của doanh nghiệp như: mời được đội ngũ chuyên gia, cán bộ có kỹ thuật có tay nghề cao tham gia giảng dạy, công nhân lành nghề hướng dẫn học sinh thực tập.

+ Tăng cường liên kết với doanh nghiệp cũng tạo cơ hội để cơ sở dạy nghề tìm đầu ra cho học sinh, học viên tốt nghiệp, nâng cao hiệu quả đào tạo.

+ Ngoài ra, liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo nghề cũng phần nào giải quyết tình trạng thiếu trang thiết bị dạy nghề bằng cách ký hợp đồng sử dụng thiết bị của doanh nghiệp. Đồng thời, giáo viên của các cơ sở dạy nghề có điều kiện tiếp cận với máy móc, thiết bị hiện đại của doanh nghiệp, trong khi các cơ sở dạy nghề chưa có khả năng đầu tư.

+ Liên kết tổ chức các lớp nghề ngắn hạn tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề cần lao động kỹ thuật, góp phần đa dạng hóa các loại hình đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Gắn đào tạo nghề với thị trường lao động:

+ Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động thông qua việc tổ chức thực hiện tốt các cuộc điều tra nhu cầu học nghề của người lao động, điều tra cung lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn.

+ Dự báo được nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để có kế hoạch đào tạo phù hợp, tránh việc đào tạo ồ ạt, tràn lan gây lãng phí thời gian, tiền của, công sức của người học nghề và giúp người học sau khi tốt nghiệp có việc làm ổn định.

+ Xây dựng đội ngũ tư vấn viên có năng lực để tư vấn chọn nghề học, chọn việc làm như: Cán bộ chuyên trách về dạy nghề, cán bộ xã, phường, thị trấn, những người đã từng học nghề và thành công trong cuộc sống, các nhà tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

### **3.4 Kiến nghị**

#### ***3.4.1 Kiến nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành***

- Có cơ chế, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp phối hợp với các cơ sở dạy nghề trong đào tạo nghề nghiệp: thông tin nhu cầu sử dụng lao động, nhận học sinh thực tập, thực hành,...

- Để khuyến khích học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học cao đẳng, trung cấp đề nghị Chính phủ xem xét có chính sách giảm một phần học phí đối với một số ngành nghề thị trường lao động đang có nhu cầu lớn.

- Đưa nhiều thông tin về thị trường lao động lên các phương tiện thông tin đại chúng để phụ huynh, học sinh, người lao động định hướng trình độ, ngành nghề cần học theo điều kiện của bản thân, con em mình. Đồng thời, Bộ cung cấp thông tin và hướng dẫn kỹ thuật theo điều kiện thực tế để dự báo trung, dài hạn về thị trường lao động giúp các cơ sở dạy nghề có định hướng đào tạo nguồn nhân lực.

- Cần có giải pháp và lộ trình cụ thể, tham mưu Chính phủ ban hành chính sách đủ mạnh để thực hiện hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học theo Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm ban hành quy định những ngành nghề bắt buộc người lao động phải có chứng chỉ nghề và chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra để tạo điều kiện cho người học nghề có việc làm, đồng thời nâng cao nhận thức của người tham gia học nghề.

- Có chính sách ưu đãi để thu hút nguồn giáo viên giỏi về giảng dạy tại các cơ sở dạy nghề góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Bộ Nội vụ xem xét sớm điều chỉnh tiêu chuẩn công chức xã, phường, thị trấn quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV: tốt nghiệp trung học phổ thông và tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp. Vì theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, chỉ đào tạo trung cấp, không còn trung cấp chuyên nghiệp và người tốt nghiệp trung cấp có thể không có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Hơn nữa, chính quy định phải tốt nghiệp trung học phổ thông, nên phụ huynh vẫn cố gắng cho con em học tiếp lên trung học phổ thông mà không học nghề nghiệp ngay nên phân luồng sau trung học cơ sở gặp khó khăn hơn.



### **3.4.2 Kiến nghị đối với địa phương**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dạy nghề đến các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông và người dân trên địa bàn tỉnh và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở dạy nghề theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Luật Quy hoạch và Nghị định quy định cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; trong quản lý dạy và học.

- Có cơ chế chính sách để khuyến khích các cơ sở dạy nghề liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc đào tạo, bố trí việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý tại các cơ sở dạy nghề đạt chuẩn theo quy định.

- Tập trung bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- Có chính sách tài chính linh hoạt để giúp các trường nghề giảm bớt khó khăn. Quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở dạy nghề.

- Đẩy mạnh phân luồng học sinh trung học cơ sở tham gia học nghề.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông phối hợp với các trường nghề trong công tác giảng dạy hướng nghiệp cho học sinh.

- Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã tăng cường phối hợp với các cơ sở dạy nghề vận động người lao động tham gia học nghề.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường phổ thông cho phép các trường trung cấp nghề được đến tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học cơ sở và trung

học phổ thông. Cho phép trường nghề phối hợp với các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trong công tác giảng dạy hướng nghiệp cho học sinh.

### **Tóm tắt chương 3**

Trên cơ sở lý luận đã trình bày ở chương 1, những thành quả đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân được nêu ở chương 2, tác giả đã đề xuất những định hướng và giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Những giải pháp được tác giả đề xuất tập trung vào các vấn đề như: Giải pháp về phát triển hệ thống đào tạo nghề; giải pháp nâng cao chất lượng đầu vào; giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo; giải pháp nâng cao chất lượng đầu ra. Đồng thời, tác giả cũng đã đưa ra một số đề xuất kiến nghị đối với trung ương và địa phương để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc.

## KẾT LUẬN

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp nhu cầu thị trường lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta trên con đường xây dựng và phát triển. Với tầm quan trọng đó Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành tỉnh An Giang và Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc đã có những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề và đã đạt được những thành quả nhất định. Bên cạnh đó, công tác xã hội hóa dạy nghề cũng đã đem lại những kết quả bước đầu, tuy vẫn còn những tồn tại, khó khăn, bất cập.

Quy mô và chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Một bộ phận học sinh, học viên tốt nghiệp ra trường vẫn khó khăn khi tìm việc làm vì trình độ, kỹ năng nghề còn yếu, không phù hợp với yêu cầu doanh nghiệp. Nội dung, chương trình nặng nề dàn trải, đầu vào thấp, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ cho giảng dạy, học tập còn lạc hậu. Điều đó phần nào hạn chế chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề.

Trong bài luận văn “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc”, tác giả đã trình bày những cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng đào tạo nghề, đánh giá thực trạng về chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Trên cơ sở đó đã kiến nghị, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, luận văn thạc sĩ khó có thể giải quyết được tất cả các vấn đề có liên quan đến chất lượng đào tạo nghề. Những chỉ tiêu có liên quan có thể được phân tích ở các nghiên cứu chuyên sâu hơn. Luận văn này chỉ giải quyết những vấn đề có liên quan ở khả năng của tác giả. Do những hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn cũng như thời gian nghiên cứu nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), *Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội
3. Cục Thống kê tỉnh An Giang (2017), *Niên giám Thống kê 2017*, NXB Thanh Niên, thành phố Hồ Chí Minh
4. Đỗ Văn Cương và Mạc Văn Tiến (2004), *Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội
5. Trần Khánh Đức (2002), *Sư phạm kỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội
6. Võ Thị Thanh Lộc (2010), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu*, NXB Đại Học Cần Thơ
7. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khoá XI (2006), *Luật dạy nghề*, Hà Nội
8. Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khoá XIII (2014), *Luật giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội
9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang (2018), *Báo cáo kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm năm 2015 – 2018*, An Giang.
10. Nguyễn Việt Sự (2005), *Giáo dục nghề nghiệp - những vấn đề và giải pháp*, NXB Giáo dục Hà Nội.
11. Bùi Thị Minh Tâm (2016), *Một số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Đại học Hàng Hải Việt Nam
12. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016 về khung trình độ quốc gia*, Hà Nội
13. Phan Chính Thức (2003), *Luận án Tiến sĩ Kinh tế “Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Đại học Sư phạm Hà Nội
14. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (2004), *Hệ thống quản lý chất lượng - cơ sở và từ vựng, TCVN ISO 9001:2000*, Hà Nội

15. Nguyễn Đức Trí (2008), *Nghiệp vụ quản lý dạy nghề*, NXB Giáo dục, Hà Nội

16. Trường Trung cấp nghề Châu Đốc (2018), *Báo cáo kết quả đào tạo nghề giai đoạn 2014 - 2018*, Châu Đốc

### **Tiếng Anh**

17. Roger Harris-Hugh, Guthrie-saryy, Hobart-David Lundbering (1997), *Competency-based education and traning*, Macmillan Publishers Australia PTY LTD.

18. Vargas Zuniga, F (2004), *Quality managemet in vocational training*.

Trang web

<https://www.aee.edu.vn>

<http://gdnn.gov.vn>

## PHỤ LỤC

### PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI HỌC

#### Các bạn học sinh thân mến!

Nhằm mục đích đánh giá thực trạng công tác đào tạo nghề để phục vụ cho công tác nghiên cứu “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc” tác giả mong nhận được sự hợp tác của các bạn bằng cách đánh dấu mức đồng ý về những nội dung trong bảng khảo sát dưới đây một cách trung thực, thẳng thắn, mang tính xây dựng.

**Đánh dấu X vào ô được lựa chọn theo 5 mức:**

**1. Hoàn toàn không đồng ý**

**2. Không đồng ý**

**3. Tương đối đồng ý**

**4. Đồng ý**

**5. Hoàn toàn đồng ý**

STT	Tiêu chí - Chỉ số đánh giá	Mức độ				
		1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo</b>					
1	Chương trình đào tạo (nghề đào tạo) có mục tiêu rõ ràng					
2	Nội dung chương trình đào tạo phản ánh các mục tiêu của chương trình					
3	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chung hợp lý					
4	Chương trình đào tạo có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý					
5	Các môn học trong chương trình đào tạo có sự gắn kết với nhau					
6	Chương trình đào tạo có sự phân bố tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý					
7	Chương trình đào tạo bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp					
8	Mục tiêu của nghề rõ ràng và phù hợp với yêu cầu của xã hội					
9	Nội dung chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải					
10	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý					
11	Người học được cung cấp thông tin chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo					

<b>II</b>	<b>Hoạt động giảng dạy</b>	1	2	3	4	5
12	Đại đa số giáo viên giảng dạy có kiến thức chuyên môn cao					
13	Đại đa số giáo viên giảng dạy có phương pháp giảng dạy phù hợp, có cập nhật nội dung giảng dạy mới, phù hợp với thực tiễn					
14	Đại đa số giáo viên giảng dạy lắng nghe quan điểm của học sinh và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình					
15	Đại đa số giáo viên giảng dạy giúp học sinh biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn					
16	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp					
17	Phương pháp giảng dạy của giáo viên dễ hiểu và khuyến khích được học sinh hoạt động.					
18	Giáo viên có liên kết giữa lý thuyết và thực hành					
19	Đại đa số giáo viên có phương pháp sư phạm tốt					
20	Hầu hết giáo viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ học sinh					
21	Hầu hết giáo viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy					
22	Học sinh được cung cấp đầy đủ tài liệu học tập					
<b>III</b>	<b>Tổ chức đào tạo và đánh giá học sinh</b>	1	2	3	4	5
23	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho học sinh					
24	Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho học sinh trong học tập					
25	Học sinh được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập					
26	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình					
27	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của học sinh					
28	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho học sinh					
<b>IV</b>	<b>Tổ chức quản lý đào tạo</b>	1	2	3	4	5
29	Quy chế đào tạo được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời					
30	Kế hoạch học tập được thông tin đầy đủ, kịp thời					
31	Các quy trình công việc liên quan được công khai rõ ràng, khoa học					

32	Lịch thi phù hợp với thời gian học tập					
33	Các thông tin liên quan đến công tác khảo thí được cung cấp đầy đủ, kịp thời					
34	Cán bộ, giáo viên phòng đào tạo nhiệt tình, có trách nhiệm					
35	Giáo viên chủ nhiệm tích cực tư vấn, hỗ trợ học sinh trong học tập					
36	Các quy chế, quy định liên quan đến công tác học sinh được phổ biến và giải thích rõ ràng					
37	Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật học sinh nghiêm túc, được công khai, đúng đối tượng.					
38	Các chế độ chính sách, học bổng được công khai rõ ràng, đúng đối tượng					
39	Công tác tư vấn nghề nghiệp, tư vấn các chính sách học sinh, tư vấn về học tập, ... đúng theo yêu cầu và hiệu quả					
40	Thủ tục hành chính liên quan đến học sinh (chứng nhận học sinh, chứng nhận vay vốn, ...) được giải quyết kịp thời					
41	Các quy trình công việc liên quan được công khai rõ ràng, khoa học					
42	Các thắc mắc về chính sách học sinh được giải thích thỏa đáng					
43	Công tác an ninh, bảo vệ trong khuôn viên trường chặt chẽ					
44	Cán bộ, nhân viên phụ trách quản lý học sinh nhiệt tình, có trách nhiệm					
45	Công tác giáo dục pháp luật, giáo dục phòng, chống tệ nạn xã hội phù hợp					
46	Giáo dục an toàn giao thông phù hợp với học sinh					
47	Giáo dục truyền thống, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với đối tượng học sinh					
48	Tổ chức các hoạt động tình nguyện học sinh phong phú, ý nghĩa					



49	Nhà trường có nhiều hoạt động xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, rèn luyện					
50	Hoạt động đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với học sinh thiết thực, dân chủ					
<b>V</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị</b>	1	2	3	4	5
51	Phòng học được sắp xếp hợp lý và có đủ chỗ ngồi, đảm bảo về ánh sáng, âm thanh và thoáng mát					
52	Cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh					
53	Phòng học, xưởng thực hành đầy đủ thiết bị phục vụ dạy và học tập					
54	Phòng máy tính đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh					
55	Chủng loại thiết bị dạy nghề phù hợp với nghề đào tạo					
56	Thiết bị có công nghệ hiện đại, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp					
57	Cán bộ phụ trách cơ sở vật chất nhiệt tình, có trách nhiệm, cung ứng kịp thời, đầy đủ vật tư giảng dạy					

*Xin chân thành cảm ơn*

# PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP VỀ NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH TỐT NGHIỆP

**Kính gửi: Quý Cơ quan, Doanh nghiệp**

Tác giả trân trọng gửi tới quý cơ quan, doanh nghiệp phiếu khảo sát nhằm đánh giá công tác đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Tác giả rất mong nhận được các câu trả lời của quý cơ quan, doanh nghiệp cho các câu hỏi đặt ra trong phiếu khảo sát. Các câu trả lời của quý cơ quan, doanh nghiệp sẽ giúp tác giả đề ra những giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Do đó đề nghị quý cơ quan, doanh nghiệp trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi khảo sát **năng lực của học sinh học nghề tại cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố Châu Đốc sau tốt nghiệp.**

**Đánh dấu X vào ô được lựa chọn theo 5 mức:**

- 1. Hoàn toàn không đồng ý**
- 2. Không đồng ý**
- 3. Tương đối đồng ý**
- 4. Đồng ý**
- 5. Hoàn toàn đồng ý**

STT	Tiêu chí - Chỉ số đánh giá	Mức độ				
		1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ</b>					
1	Có kiến thức chuyên môn tốt					
2	Có kiến thức nền tảng văn hóa, xã hội liên quan					
3	Có kỹ năng nghiệp vụ					
4	Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc					
5	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu					
6	Có năng lực tư duy logic					
7	Có năng lực khai thác và xử lý thông tin					
8	Có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm					
9	Có khả năng tự mở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ					

10	Có khả năng học tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề					
<b>II</b>	<b>Kỹ năng mềm</b>	1	2	3	4	5
11	Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử					
12	Có kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả					
13	Có kỹ năng xử lý, giải quyết vấn đề					
14	Có kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao hiệu quả					
15	Có kỹ năng làm việc nhóm					
<b>III</b>	<b>Phẩm chất cá nhân</b>	1	2	3	4	5
16	Tự tin vào khả năng bản thân					
17	Có năng lực sáng tạo					
18	Có tính chuyên nghiệp					
19	Có động lực làm việc					
20	Quan hệ tốt với đồng nghiệp					
21	Có trách nhiệm với công việc					
22	Có tính cầu thị					
23	Có đạo đức nghề nghiệp					
24	Có khả năng thích ứng với sự thay đổi					
25	Có ý thức tổ chức kỷ luật					
26	Có ý thức học tập cầu tiến					
27	Có tính cần cù, chịu khó					
28	<p>Quý cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc:</p> <p>1/ 06 tháng  2/ 12 tháng  3/ 24 tháng  4/ 36 tháng  5/ Trên 36 tháng</p>					

29	Lý do quý cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận lao động vào làm việc sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc: 1/ Có năng lực 2/ Có kinh nghiệm 3/ Uy tín của các cơ sở đào tạo nghề 4/ Khả năng thích ứng 5/ Khác					
30	Người lao động sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tại Châu Đốc làm việc tại quý cơ quan, doanh nghiệp: 1/ Đúng chuyên ngành 2/ Gần chuyên ngành 3/ Phải đào tạo lại 4/ Phải học tập nâng cao 5/ Khác					

31. Theo quý cơ quan, doanh nghiệp giải pháp nào dưới đây sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu sử dụng của quý cơ quan, doanh nghiệp

	Cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận học sinh thực tập
	Tăng thời lượng thực tập cho học sinh
	Nhà trường và cơ quan, doanh nghiệp phối hợp xây dựng chương trình đào tạo
	Cơ quan, doanh nghiệp đặt hàng đào tạo lao động với nhà trường
	<p style="text-align: center;"><b>Ý kiến khác (xin ghi rõ):</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

*Xin chân thành cảm ơn*

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

## MEASURES TO IMPROVE THE QUALITY OF VOCATIONAL TRAINING PROGRAMS IN CHAU DOC CITY

**Mai Nhật Thanh**

*Học viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh*

### TÓM TẮT

Thành phố Châu Đốc có dân số trẻ, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động cao nhưng chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và chưa qua đào tạo nghề nên đã gây khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhất là trong tiến trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với hai mục đích: phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo và đề xuất những giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Tác giả sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh và điều tra bằng bảng hỏi đối với học sinh, học viên, doanh nghiệp sử dụng lao động để tổng hợp, đánh giá chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề của thành phố còn nhiều hạn chế. Đào tạo chưa gắn kết tốt với sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; ý thức của người dân đối với việc học nghề, tạo việc làm chưa cao. Quản lý nhà nước về đào tạo nghề chưa thật sự tốt. Đội ngũ nhà giáo có tay nghề cao còn thiếu và một bộ phận chưa theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ. Đầu tư cho đào tạo nghề chưa nhiều. Chính sách, cơ chế tài chính cho đào tạo nghề chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu.

*Từ khóa:* Đào tạo nghề; chất lượng đào tạo; hiệu quả đào tạo; thị trường lao động; nhà giáo.

### ABSTRACT

Chau Doc has a young population with a high proportion of working-age labor forces, but they mainly work in agriculture and fisheries, and have not received any vocational training. Therefore, it has made it difficult to achieve the goal of rural industrialization and modernization, especially in the process of implementing the national goal of building new civilized rural areas. Thus, this study is aimed at analyzing and assessing the quality of vocational training, and proposing basic measures to improve the quality of vocational training programs in Chau Doc city. In this study, the researcher used different research methodologies including analysis, synthesis, statistics and comparisons. The research instrument was a survey with a questionnaire designed for students, learners and businesses. The findings of the study showed that the outcomes of vocational training programs in Chau Doc city is not in high quality and revealed some limitations. Specifically, learning curriculum does not meet the needs of the local labor market as well as its real production activities. Also, learners' awareness about vocational training is not high enough while state management for vocational education is not effective. Some other problems could be found in: lacking highly skillful trainers and lecturers some of whom are not updated with the advancement of science and technology; limited investments into vocational education; improper financial policies and regulations, and outdated teaching and learning facilities.

*Keywords:* vocational training, training quality, training effectiveness, labor market, trainers and lecturers

# 1. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

## 1.1 Số lượng đào tạo

Từ năm 2014 - 2018, các cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc đã tuyển sinh đào tạo được 6.041 người.

**Bảng 1. Số liệu đào tạo nghề qua các năm**

Năm	Số học sinh, học viên		
	Tổng số, học sinh, học viên	Theo cấp trình độ	
		Trình độ trung cấp	Trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng
2014	1.575	84	1.491
2015	1.124	131	993
2016	1.278	74	1.204
2017	1.326	75	1.251
2018	1.491	83	1408
<b>Tổng</b>	<b>6.455</b>	<b>414</b>	<b>6.041</b>

Nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Châu Đốc

Kết quả trên cho thấy tổng số người được đào tạo nghề từ năm 2014 - 2018 là 6.455 người (bình quân mỗi năm đào tạo nghề gần 1.300 người). Trong đó, trình độ

trung cấp nghề là 414 người chiếm 6,41%, trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng là 6.041 người chiếm 93,59%.

Tính đến 31/12/2018, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lũy kế so với tổng lực lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc đạt 68% (theo nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc).

## 1.2 Chất lượng đào tạo

*Kết quả học tập:*

**Bảng 2. Tỷ lệ tốt nghiệp**

Năm	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)		
	Trung cấp	Sơ cấp	Dưới 3 tháng
2014	52,63	100	100
2015	82,61	100	100
2016	76,92	100	100
2017	100	100	100
2018	100	100	100
<b>Bình quân 5 năm (%)</b>	<b>82,43</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn báo cáo của Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

**Bảng 3. Xếp loại tốt nghiệp**

Năm	Trung cấp (%)					Sơ cấp (%)			
	XS	Giỏi	Khá	TB khá	TB	Giỏi	Khá	TB khá	TB
2014		10	40	50		22,85	42,86	22,86	11,43
2015		26,32	47,36	26,32		23,68	44,74	28,95	2,63
2016		20	30	40	10	5,33	29,33	45,34	20
2017	8,34	33,33	33,33	25		25	40	33,3	1,7
2018		29	50	21		8,33	5	55	31,67
<b>Bình quân 5 năm (%)</b>	<b>1,67</b>	<b>23,73</b>	<b>40,14</b>	<b>32,46</b>	<b>2,0</b>	<b>17,04</b>	<b>32,39</b>	<b>37,09</b>	<b>13,49</b>

Nguồn báo cáo của Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội Châu Đốc

*Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp:*

**Bảng 4. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp**

Năm	Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp (%)			Bình quân trong năm (%)
	Trung cấp	Sơ cấp	Dưới 3 tháng	
2014	73	82	84	<b>79,67</b>
2015	71	83	83	<b>79,00</b>
2016	70	81	85	<b>78,67</b>
2017	71	80	82	<b>77,67</b>
2018	72	81	81	<b>78,00</b>
<b>Bình quân 5 năm (%)</b>	<b>71,4</b>	<b>81,4</b>	<b>83</b>	<b>78,60</b>

Nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Châu Đốc

Tỷ lệ học sinh, học viên có việc làm sau tốt nghiệp gần 80%. Tuy nhiên, lao động được đào tạo ngắn hạn có việc làm cao hơn (trên 81%). Điều đó cho thấy người học cũng đã chủ động để tìm được một công việc phù hợp cho bản thân.

Mặt khác, cho thấy lao động chủ yếu được đào tạo nghề ngắn hạn để phù hợp với cơ cấu kinh tế của thành phố Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung, kinh tế nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa có nhiều khu công nghiệp và Châu Đốc đang đẩy mạnh phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ du lịch.

*Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ của người học:*

- Qua khảo sát, đa số các cơ quan, doanh nghiệp cho rằng học viên tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn, có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nâng cao được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; có khả năng học tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề. Bên cạnh đó, người học cũng có thể đáp ứng về tính kỷ luật và tác phong theo yêu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên yếu tố “Có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc”, “Khả năng tự mở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ của người học sau tốt nghiệp” thì chưa được các doanh nghiệp, cơ quan đánh giá cao.

*Kỹ năng mềm của người học:*

Kết quả khảo sát cho thấy đa số các cơ quan, doanh nghiệp cho rằng học viên tốt nghiệp có kỹ năng mềm: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, có kỹ năng làm việc nhóm. Tuy nhiên, “Kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả”, “Kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao hiệu quả” thì chưa được các doanh nghiệp, cơ quan đánh giá cao.

*Phẩm chất cá nhân của người học:*

Qua thăm dò, các cơ quan, doanh nghiệp cho rằng hầu hết học sinh, học viên học nghề có thái độ lao động tương đối tốt, có trách nhiệm với công việc được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật. Tuy nhiên, vẫn có một số học sinh có tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa có nhiều sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

*Mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc:*

Học sinh sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở dạy nghề tại thành phố Châu Đốc về cơ bản đáp ứng được các kỹ năng cần thiết của một công việc độc lập. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Châu Đốc thì chất lượng của lao động đã qua đào tạo đạt mức trung bình, nhất là về kỹ năng thực hành thuần thục. Các doanh nghiệp cũng đề nghị các cơ sở đào tạo tập trung đầu tư thiết bị, máy móc kỹ thuật hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo thực hành, sát với hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Mặt khác các doanh nghiệp cũng đề nghị các cơ sở dạy nghề chú ý rèn luyện ý thức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp cho người lao động (nhất là học viên được đào tạo ngắn hạn). Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch còn quan tâm đến trình độ ngoại ngữ của người lao động.

*Mức độ phù hợp của nghề đào tạo với việc làm:*

Theo ý kiến của cơ quan, công ty, doanh nghiệp (được khảo sát) thì tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp là tương đối tốt, cụ thể: Tỷ lệ người học tìm được việc làm trong vòng 06 tháng sau tốt nghiệp là 30%; trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp là 30%; trong vòng 24 tháng sau tốt nghiệp là 35%.

Tỷ lệ người học có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo là 55%. Tuy nhiên, tỷ lệ người học làm việc gần với chuyên ngành đào tạo là 15% và phải đào tạo lại là 30%.

## 2. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Từ năm 2014 - 2018, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc đã tuyển sinh đào tạo được 6.041 người (trong đó, trình độ trung cấp: 414 người; trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng: 6.041 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lũy kế so với tổng lực lượng lao động trên địa bàn thành phố Châu Đốc (đến cuối năm 2018) đạt 68% (theo nguồn báo cáo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Châu Đốc).

Chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo được xây dựng xuất phát từ nhu cầu của người học, nhu cầu của xã hội và được định kỳ điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của doanh nghiệp và được hầu hết học sinh đánh giá là “hợp lý” về cơ cấu giữa các môn học, giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với nhu cầu của xã hội,...

Đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, có kinh nghiệm làm quản lý giáo dục. Hầu hết giáo viên cơ hữu của các cơ sở dạy nghề đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, phù hợp với nghề giảng dạy, đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm và luôn có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ học sinh.

Phương pháp giảng dạy được đổi mới, lấy người học làm trung tâm. Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và chương trình đào tạo, kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của học sinh và được công bố kịp thời,...

Tỷ lệ học sinh, học viên tốt nghiệp so với số lượng học sinh, học viên dự thi trên 90%. Học sinh tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn, có khả năng áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để nâng cao được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; có thái độ lao động tương đối tốt, có trách

nhiệm với công việc được giao, có ý thức tổ chức kỷ luật. Số người học có việc làm và làm đúng ngành nghề sau tốt nghiệp khá cao.

## 3. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Kết quả tuyển sinh dạy nghề trong những năm gần đây với chất lượng đầu vào thấp và chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu ngành nghề, các cấp trình độ chưa hợp lý (đào tạo ngắn hạn chiếm trên 90%).

Chương trình đào tạo tuy có định kỳ cập nhật nhưng chưa thường xuyên, chưa có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp. Hệ thống giáo trình của các cơ sở đào tạo trên địa bàn còn rất hạn chế và ngay cả thư viện cũng chưa được xây dựng để học sinh có điều kiện nghiên cứu thêm tài liệu chuyên ngành.

Các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc có quy mô nhỏ, chưa đạt chuẩn theo quy định về diện tích xây dựng, về cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học,...

Đội ngũ giáo viên cơ hữu chưa đảm bảo về số lượng và chưa hợp lý về cơ cấu giữa các khoa và tổ chuyên môn nên còn xảy ra tình trạng thừa, thiếu giờ giảng so với giờ định mức. Phải thỉnh giảng giáo viên của các trường bạn, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật, nông dân sản xuất giỏi,... điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý đào tạo, cũng chất lượng giảng dạy của các cơ sở dạy nghề. Đa phần giáo viên của các cơ sở dạy nghề còn trẻ nên kinh nghiệm công tác, giảng dạy cũng như thực tế chưa nhiều nên cần phải tu dưỡng, rèn luyện thêm. Hầu hết giáo viên dạy thực hành tại các cơ sở dạy nghề chưa có chứng chỉ Kỹ năng nghề Quốc gia nên kỹ năng thực hành và kinh nghiệm thực tế sản xuất trực tiếp còn hạn chế. Trình độ ngoại ngữ của đa số giáo viên còn yếu so với yêu cầu.

Đổi mới trong phương pháp giảng dạy và học tập cũng gặp không ít khó khăn tại các cơ sở đào tạo nghề vì chất lượng học sinh tại đây còn nhiều hạn chế, thiết bị chưa đảm bảo, do đó việc đổi mới chỉ là khuyến khích chứ chưa mang tính bắt buộc. Phương



pháp đánh giá kết quả học tập còn chậm đổi mới, chưa kết hợp tốt giữa kiểm tra kiến thức và đánh giá kỹ năng. Công tác kiểm tra, giám sát đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên, đôi lúc còn mang tính hình thức; cán bộ kiểm tra chỉ là cán bộ kiêm nhiệm và chưa được tập huấn thường xuyên để nâng cao trình độ.

Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy nghề cơ bản chỉ đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của học sinh, học viên với quy mô hiện tại, nhiều máy móc, trang thiết bị dạy nghề còn lạc hậu so với công nghệ hiện nay và chưa bắt kịp với nhu cầu phát triển của thực tiễn sản xuất nên kết quả đào tạo có sự chênh lệch so với yêu cầu của doanh nghiệp.

Một số học sinh chưa có việc làm hoặc làm không đúng chuyên ngành sau khi tốt nghiệp. Khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc, tự mở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ của người học sau tốt nghiệp còn hạn chế. Chuẩn đầu ra của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc còn chưa đáp ứng tốt yêu cầu của doanh nghiệp.

## **4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ**

### **4.1 Phát triển hệ thống đào tạo nghề**

Có cơ chế, chính sách thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư cho đào tạo nghề, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa ba bên: Cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề, các cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp.

Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thành phố Châu Đốc nói riêng và tỉnh An Giang nói chung để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nhân lực của địa phương.

### **4.2 Nâng cao chất lượng đầu vào**

*Đẩy mạnh công tác truyền thông:* Tập trung tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về dạy nghề: Chính sách dạy nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số, bộ đội xuất ngũ, chính sách dạy nghề cho người nghèo, dạy nghề cho phụ nữ, cho người tàn tật, dạy nghề ngắn

hạn cho lao động nông thôn. Đổi mới tuyên truyền, gắn đổi mới công tác đào tạo nghề với khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; giúp người lao động nhận thức được lợi ích của việc học nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

*Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề cho người lao động,* nhất là lao động vùng nông thôn, tổ chức thông tin tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng và phối hợp các sở, ngành, đoàn thể thông báo sâu rộng cho người dân am hiểu về nghề nghiệp, về các cơ sở dạy nghề, nhằm nâng cao nhận thức của xã hội đối với công tác dạy nghề từ đó nâng dần chất lượng đầu vào.

Thông tin đầy đủ về ngành, nghề đào tạo, chính sách hỗ trợ, việc làm sau khi tốt nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của các trường, trung tâm dịch vụ việc làm để học sinh, phụ huynh, người lao động hiểu rõ và lựa chọn.

*Tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp:* Cơ sở đào tạo cần định hướng sớm cho người học về ngành nghề, không chỉ dựa trên các yếu tố bên ngoài như định hướng của gia đình, ngành nghề có nhiều lựa chọn khi xin việc,... mà còn dựa vào năng lực của bản thân, những điểm mạnh, sở thích cá nhân,... để có thể phát huy trong quá trình học tập, đồng thời cung cấp cho người học tất cả các thông tin cần thiết cho quá trình học tập, trong đó có định hướng nghề nghiệp cho người học khi ra trường bằng cách đưa ra các chương trình đào tạo có chất lượng và phù hợp giúp đảm bảo cơ hội việc làm.

*Đẩy mạnh công tác phân luồng:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện phân luồng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông đi học nghề phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh gia đình và cần có một quá trình triển khai ở các trường để học sinh hình thành được nhận thức về ý nghĩa của công tác phân luồng.

Thay đổi nhận thức của cán bộ quản lý đối với công tác phân luồng, hướng nghiệp; đặt đúng vị trí công tác phân luồng, hướng

ng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ của các trường phổ thông.

*Đa dạng hình thức đào tạo:* Đa dạng hình thức đào tạo cũng là một biện pháp thu hút nhiều thí sinh tham gia dự tuyển và học tập. Việc đa dạng hóa hình thức đào tạo bao gồm chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo lưu động tại xã, phường và đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

Xây dựng chương trình học liên thông: Một nguyên nhân dẫn đến chất lượng tuyển sinh đầu vào của các trường đào tạo nghề thấp xuất phát từ mong muốn của các bậc phụ huynh và học sinh là “Phải học đại học” nên họ đã quay lưng lại với học nghề. Vì vậy việc xây dựng và thực hiện chương trình học liên thông sẽ cải thiện đáng kể kết quả tuyển sinh của các trường nghề. Mở rộng cơ hội cho học sinh có thể học ở các hệ cao hơn, hoặc liên kết với các trường trọng điểm để tổ chức liên thông.

### **4.3 Nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo**

*Giải pháp về tài chính:* Kêu gọi toàn xã hội đóng góp cho sự phát triển của dạy nghề. Có cơ chế, chính sách thu hút vốn từ tư nhân vào hoạt động đào tạo nghề như: ưu đãi về cơ sở hạ tầng (cho thuê đất, miễn thuế sử dụng đất, chính sách tín dụng ưu đãi, miễn, giảm thuế nhập khẩu trang thiết bị dạy nghề,...). Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn đào tạo nghề (vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, học phí, vốn tư nhân, vốn ODA, vốn vay và viện trợ của nước ngoài).

*Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo:*

Xác định ngành nghề đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển nhân lực của địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất để xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp. Khi xây dựng chương trình đào tạo thì các cơ sở dạy nghề phải bám sát nhu cầu của các doanh nghiệp, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động, người học tốt nghiệp đã đi làm, để cải tiến hoàn thiện chương trình, môn học, mô đun thực hành nghề phù hợp yêu cầu mới của thị trường lao động.

Khuyến khích các doanh nghiệp tham

gia xây dựng chương trình đào tạo, phối hợp tuyển sinh, phụ trách đào tạo thực hành và tiếp nhận học sinh tốt nghiệp. Các trường đẩy mạnh hợp tác đào tạo theo đặt hàng với doanh nghiệp. Hướng đến doanh nghiệp và nhà trường cùng thống nhất chương trình đào tạo, cùng tuyển sinh, cùng đào tạo để doanh nghiệp có đủ nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên:*

Xây dựng đội ngũ giáo viên cơ hữu đủ về số lượng, có cơ cấu hợp lý và đạt chuẩn quy định. Có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ và tâm huyết với công tác dạy nghề. Đổi mới các khâu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng giáo viên dạy nghề. Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn theo quy định. Nội dung bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cần tập trung vào các kỹ năng và phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy tích hợp lý thuyết với thực hành.

Hình thành khối liên kết các cơ sở dạy nghề trong tỉnh để có sự đồng thuận đầu tư cho các nghề thế mạnh, hợp tác cùng đào tạo, để tận dụng có hiệu quả lợi thế so sánh của từng cơ sở dạy nghề, cũng như hỗ trợ nhau trong việc sử dụng giáo viên giỏi. Các trang thiết bị cần được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ, có lộ trình theo thứ tự ưu tiên nhưng phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tránh tình trạng lạc hậu, manh mún,...

Có kế hoạch hợp tác với các doanh nghiệp để bố trí giáo viên dạy nghề trải nghiệm thực tiễn sản xuất, sử dụng máy móc, công nghệ hiện đang phổ biến trong sản xuất, dịch vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy cho học sinh; đảm bảo cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng mà thị trường lao động cần cũng như không bỏ ngõ giữa công nghệ, thiết bị đang giảng dạy với công nghệ, thiết bị đang phổ biến trong nền kinh tế. Có chế độ khuyến khích các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao của doanh nghiệp tham gia làm giáo viên giảng dạy thực hành.

*Đổi mới phương pháp giảng dạy:* Việc áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng là học sinh, học viên và điều

kiện hiện có về cơ sở vật chất, thiết bị của các cơ sở đào tạo nghề là thật cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Chú trọng nâng cao khả năng thực hành cho học sinh bằng việc mang các bài giảng từ trường học đến nơi làm việc thông qua các cuộc thực tế, thực hành, trao đổi với các doanh nghiệp, để học sinh được học tập và giải quyết các tình huống thực tại doanh nghiệp, tổ chức.

*Đổi mới cách đánh giá kết quả học tập:*  
Cần đổi mới phương pháp thi cử, đánh giá kết quả học tập; kết hợp giữa kiểm tra kiến thức và đánh giá kỹ năng, cần đảm bảo từng bước, từng giai đoạn kiểm tra, đánh giá là chính xác, khách quan. Quá trình đánh giá cần chú trọng đến các yếu tố tích cực, sáng tạo của học sinh nhưng cũng cần khẳng định được các kiến thức, kỹ năng nền tảng mà học sinh thu nhận được.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập của người học, qua đó bồi dưỡng thêm cho các học sinh, học viên yếu. Thực hiện nghiêm túc qui trình thi tốt nghiệp và cấp bằng, chứng chỉ nghề. Đề thi và kiểm tra phải sát hợp với mục tiêu của từng mô đun giảng dạy và chuẩn đầu ra đã xác định trong chương trình đào tạo.

*Nâng cao năng lực quản lý, giám sát:*

Xây dựng và định kỳ rà soát quy hoạch cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề để có kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực; bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và phù hợp với năng lực, sở trường, phát huy khả năng làm việc và tiềm năng sáng tạo của cán bộ. Xây dựng định mức làm việc đối với giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý.

Công tác tổ chức giám sát giảng dạy là một việc làm cần thiết, đòi hỏi cán bộ quản lý phải thật nhiệt tình và có đủ kiến thức chuyên môn. Công tác kiểm tra và giám sát giảng dạy phải tiên hành thường xuyên, không hình thức, gắn với việc khen thưởng kịp thời. Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo.

*Đầu tư chuẩn hóa cơ sở vật chất:* Đầu tư cơ sở vật chất (phòng học, nhà xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện, hội

trường,...) đạt chuẩn theo quy định; đầu tư máy móc trang thiết bị dạy nghề một cách đồng bộ, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cho từng nghề hoặc nhóm nghề, phù hợp với công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để đáp ứng yêu cầu thực hành theo chương trình đào tạo. Mở rộng liên kết đào tạo để tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như đội ngũ giáo viên giữa các cơ sở dạy nghề và các doanh nghiệp.

#### **4.4 Nâng cao chất lượng đầu ra**

Xây dựng chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo theo quy định của khung trình độ quốc gia. Thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề và đổi mới phương thức quản trị nhà trường.

Liên kết với doanh nghiệp tạo cơ hội cho học sinh các cơ sở dạy nghề có nơi thực tập, có điều kiện làm quen với máy móc, thiết bị, công nghệ mới trong sản xuất, có thể tìm được việc làm sau khi ra trường mà không cần nhiều thời gian để doanh nghiệp đào tạo lại.

Dự báo được nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để có kế hoạch đào tạo phù hợp, tránh việc đào tạo ồ ạt, tràn lan gây lãng phí thời gian, tiền của, công sức của người học nghề và giúp người học sau khi tốt nghiệp có việc làm ổn định.

Xây dựng đội ngũ tư vấn viên có năng lực để tư vấn chọn nghề học, chọn việc làm như: Cán bộ chuyên trách về dạy nghề, cán bộ xã, phường, thị trấn, những người đã từng học nghề và thành công trong cuộc sống, các nhà tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

#### **KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu thực trạng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc thông qua kết quả thống kê báo cáo của các sở, ngành tỉnh An Giang, các phòng, ban của thành phố Châu Đốc, cũng như kết quả thăm dò ý kiến của người học và các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động, tác giả đã đánh giá được những thành quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề xuất một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Châu Đốc trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), *Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội
3. Cục Thống kê tỉnh An Giang (2017), *Niên giám Thống kê 2017*, NXB Thanh Niên, thành phố Hồ Chí Minh
4. Trần Khánh Đức (2002), *Sư phạm kỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội
5. Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khoá XIII (2014), *Luật giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội
6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội An Giang (2018), *Báo cáo kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm năm 2015 – 2018*, An Giang.
7. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016 về khung trình độ quốc gia*, Hà Nội
8. Trường Trung cấp nghề Châu Đốc (2018), *Báo cáo kết quả đào tạo nghề giai đoạn 2014 - 2018*, Châu Đốc

### **Tác giả chịu trách nhiệm bài viết:**

Mai nhựt Thanh

Đơn vị: Trường Trung cấp nghề Châu Đốc

Điện thoại: 0918285580

Email: mnhutthanh@yahoo.com.vn

